



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: 4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 548-4148 / (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com
Website: chanhphap.us | chanhphap.org | chanhphap.net

Chủ nhiệm: HT. Thích Nguyên Trí
Trị sự: ĐĐ. Thích Quảng Hiếu
Thư ký: ĐĐ. Thích Đồng Thiện
Thủ quỹ: Ni sư Thích Diệu Tánh
Chủ bút: Vĩnh Hào

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: Tâm Quang
Hình bìa: Chánh Pháp

LIÊN LẠC:

• **Bài vở:** baivochanhphap@gmail.com

• **Quảng cáo / Phát hành:**

(714) 638-0989

(714) 266-4171

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hưởng vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email: baivochanhphap@gmail.com.

Trân trọng cảm ơn.

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ THƯ TÒA SOẠN, trang 2
- ♦ TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI (Diệu Âm lược dịch), trang 4
- ♦ BÁO CHÁNH PHÁP SỐ 100 (thơ ĐNT Tin Nghĩa), trang 8
- ♦ BIÊN TRUNG BIÊN LUẬN TỤNG THÍCH, t.t. (HT. Thích Thắng Hoan), trang 10
- ♦ NHỜ THẦY, NẮNG TRƯA... (thơ Phù Du), trang 12
- ♦ ỪNG VỎ SỜ TRÚ NHI SANH KỲ TÂM (Ns. TN. Trí Hải), trang 13
- ♦ NÉT ĐẸP TRUYỀN THÔNG... (thơ Tánh Thiện), trang 16
- ♦ NỘI DUNG 28 PHẨM KINH PHÁP HOA (Ht. Thích Thiện Siêu), trang 17
- ♦ XUÂN MUỘN HAY HOA MUỘN (thơ TN. Huệ Trân), trang 19
- ♦ BÓN TRƯỜNG HỢP CỦA HIỆU LỰC CẦU NGUYỆN (Thích Nhuận Châu), trang 20
- ♦ NÓI VỀ CÁI CHẾT... (thơ Pháp Hoan), trang 24
- ♦ THƯ MỜI ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN PL. 2564 (TT. Thích Thiện Long), trang 25
- ♦ PHẬT TỬ ĐỐI TRỊ DỊCH BỆNH (Nguyên Giác), trang 26
- ♦ SÔNG TÌNH THỨC (thơ Nguyên Ngộ), trang 29
- ♦ CUỘC SỐNG CHÍNH LÀ HIỆN TẠI (Nguyễn Minh Tiến), trang 30
- ♦ NƯƠNG VỌNG HIỆN CHÂN – Câu Chuyện Dưới Cờ (Thị Nguyễn Nguyễn Đình Khôi), trang 32
- ♦ HỘI AN NAM PHẬT HỌC TRUNG KỲ, t.t. (Nguyễn Lang), trang 33
- ♦ RỜI XA (thơ Minh Đạo), trang 36
- ♦ VỀ MỘT THIÊN HỮU VÀ 4 CHỮ VÔ THƯỜNG THỊ THƯỜNG (Nguyễn Văn Sâm), trang 37
- ♦ TÂM TÌNH TRONG MÙA DỊCH BỆNH CORONA (thơ Thích Đồng Trí), trang 38
- ♦ LÒNG SÂN HẠN THẬT ĐÁNG SỢ (Đào Văn Bình), trang 39
- ♦ STORY OF THE BIKKHU FROM THE COUNTRY OF THE VAJJIS (Daw Tin), trang 44
- ♦ SÔNG LỚN (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 45

- ♦ EVE ENSLER, ĐÓA SEN VƯỜN LÊN TỬ BÙN (Huỳnh Kim Quang), trang 46
- ♦ THƯƠNG VỀ CỐ QUỐC, THẨM KỊCH (thơ Diệu Viên), trang 50
- ♦ LUÂN HỒI TRONG KINH PHÁP CÚ (TM Ngô Tăng Giao), trang 51
- ♦ CÓ NGỜ GÌ KHÔNG (Du Tâm Lăng Tử), trang 55
- ♦ NẤU CHAY: HỮ TIỂU NAM VANG (Diệu Thảo) trang 57
- ♦ TRUYỆN CỰC NGẮN (Steven N.), trang 58
- ♦ CHUYÊN TỪ THỜ SANG NUỐT (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 60
- ♦ XUÂN XA MẸ (thơ Lưu Lăng Khách), trang 61
- ♦ MỘT BÀI THƠ CỦA NHÀ SƯ BUDDHADASA BIKKHU (Hoang Phong), trang 62
- ♦ HÌNH ẢNH LỄ ĐÔNG THỜ XÂY CÁT TĂNG XÁ CHÙA BÁT NHÃ (Dzũng Nguyễn), trang 64
- ♦ ĐỌC VĨNH HẢO: LỜI CA CỦA GÃ CÙNG TỬ (Nguyên Giác), trang 66
- ♦ ĐỘNG MÔI TỬ TÂM (Truyện cổ Phật giáo), trang 68
- ♦ THƯ MỜI THAM DỰ BUỔI SINH HOẠT CÓ MẶT CHO NHAU 8 (Tâm Thường Định), trang 70
- ♦ CÓ NGỜ GÌ KHÔNG (thơ Tiểu Lục Thân Phong), trang 72
- ♦ CHUYỆN ĐỜI CHUYỆN ĐẠO (Tiểu Lục Thân Phong), trang 74
- ♦ TRI ÂM (Phan Quỳnh Trâm), trang 76
- ♦ NÚI XANH MÂY HỒNG – chương 3 (Vĩnh Hào), trang 77
- ♦ THƠ CHỈ LÀ THƠ (thơ Nguyễn Hậu), trang 80



Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

Báo Chánh Pháp số 100, tháng 03.2020, do Chùa Pháp Vũ (Florida) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý tự và chư Phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa soạn

RONG CHƠI NGHÌN CỎI NƯỚC

Có những mùa khô nắng đỏ trên thịt da bỏng rát. Đất nứt từng rãnh, chia thành những ô vuông bé nhỏ. Mỗi ô vuông nứt ra một mệnh đời. Mỗi mệnh đời rơi mãi vào trong những cơn mê sáng với cổ họng khô rang khát nước, loăn quăn tìm về suối nguồn tận non cao. Đuôi mắt chân chim dỗi theo dấu chân chim trên bầu trời không mây trong vắt. Không có gió nhẹ. Không cả dấu vết ngoằn ngoèo của các loài bọ sát. Nắng quái chiều hôm ngưng đọng mênh mông bãi vàng. Xương rồng xanh, xương thú trắng, lác đác nhô lên giữa trùng trùng đồi cát. Chết đi sống lại bao lần trong cuộc mộng phù hư mà vẫn cứ hăm hở đi tìm, đi tìm...

Có những cơn mưa tầm tã trên sông dài. Mờ mịt bóng thuyền ai cắm sào ven đê. Tiếng hát lạng cầm khi nghìn giọt mưa vỗ nhịp xuống vòm mái khoan. Những ước hẹn cũng mơ hồ như bong bóng, vỡ lặn tẩn. Ôi sông dài đưa tình đi suốt những tháng năm. Lăn trên tóc tơ xưa giọt lệ sâu. Lòng từ bi một thời từng biến thành khối tình vô minh. Một lần vô minh, nghìn lần vô minh. Rồi một hôm, tình vô minh trong thoáng chốc, cũng chuyển thành lòng đại bi trên đại dương sống-chết.

Có những cõi nước lao xao. Ngày đêm tràn ngập ánh sáng và âm thanh. Ánh điện lấp cả trăng sao. Tiếng xe át lời của gió. Nhạc vĩa hè xập xình trên đường phố với điệp khúc kích động hận thù và nổi loạn. Những vũ công không nhà nhún nhảy nơi công viên. Khách bộ hành hối hả băng ngang những ngã tư đèn xanh đèn đỏ. Người từ muôn phương kéo về, ngược xuôi trên đường nhìn nhau lạnh mặt. Phẩm cách con người trình hiện nơi màu da. Da đỏ, da đen, da vàng, da nâu, da trắng. Màu da nào cũng bọc giấu một tâm tham. Lòng tham nào cũng quay quắt

trong thống khổ âu lo. Đuổi hư danh, cầu bã lợi; cầu xé tranh nhau những miếng mồi. Lời ngoa ngụy được tôn vinh trên cung bậc cao nhất. Triết nhân, hiền giả, lui về vườn xưa cho ác đảng lên ngôi. Ôi, cõi đời đảo điên tưởng chừng không còn biện giới giữa những tà-chánh, chân-ngụy. Ác quỷ hiện thân làm người, nhân danh những điều thiện lương bêu rếu những người lương thiện, nhân danh phúc lạc cuộc đời gièm pha những người giúp đời; dẫn dắt từng bầy đàn cuồng nhiệt si mê, nắm tay cùng đi lơ mơ trong sương mù huyền ảo. Phù phép hộ biển cả một bầy tiểu yêu đội vương miện, nhờn nhờn bủa khắp nhân gian, chế nhạo thách thức những quyền uy trần thế. Yển tiệc bày trên những ngai vàng vô chủ, thết nhau bằng máu đỏ xương trắng của những sinh loại vô tri vô thức. Sấm sét, cuồng phong, hồng thủy, đại họa tai... từng làm con người xưa nay khiếp sợ; nay phải lùi một bước cho sự cuồng nộ vô minh của chính con người tự mãn kiêu căng. Không thiên tai nào sánh nổi đại họa, đại dịch do con người tạo nên. Một ác quỷ hóa thân nghìn ác quỷ, nhận trách nhiệm thống lĩnh trần gian, chia nhau những thổ ngơi đã bị các tiểu yêu tàn phá tan hoang. Âm vang giọng cười sặc sụa đắc thắng, dội ngược về những đêm dài lịch sử cho tro bụi mù mịt tung bay.

Có những cõi nước yên bình, nhà không cửa, người không tham. Hoa thơm ngan ngát bao đồi núi, bướm bay vàng rợp đồng xuân xanh. Tiếng gà gọi trẻ tắm sông về. Bếp chiều un xám khói lên mây. Lữ khách dừng chân bờ núi dựng. Lòng tràn nỗi nhớ quê xa. Vốc nước sông rửa bụi đường. Mặt xưa rõ ràng chính ta. Đường dài bằng ngang quán trọ. Thoảng hương nội cỏ đưa về. Một thân lại hiện trùng thân. Bước đi miên man trong vòng

quay sinh-tử. Một đời lại níu muôn đời, cơn mê vọng dường như chẳng muốn lìa xa. Tay trắng đánh cược với những canh bạc đen-đỏ. Trò chơi huyền diệu không phải lúc nào cũng trình hiện một cách tuần tự, luân phiên. Tình yêu không phải lúc nào cũng đơn phương, song phương hay đa phương. Một khối tình biến hiện thành muôn cuộc tình; mỗi cuộc tình lại hiện bày vô số khối tình. Tình mệnh mỏng chứa trong một trái tim bé nhỏ; trái tim bé nhỏ vỡ thành nghìn nụ hoa; mỗi nụ hoa lại hiện nghìn mặt trời. Nghìn mặt trời rụng rơi tan biến trong thiên hà nghìn tỉ tuổi. Chỉ còn một mặt trời rạng rỡ sau đêm dài u minh.

Mặt trời lên cho người tìm về quê xưa. Lối cũ lang thang, đã mòn bao dếp cỏ. Dặm dài hoang mạc. Một bóng trên đường. Hiu hắt rắng hồng đỏ xuống chân trời xa tắp. Sao rừng đã hiện ngay khi hoàng hôn chưa xuống. Hai vầng nhật-nguyệt mất dấu trong đêm dài. Nhưng vầng trăng xưa, một lần nhìn thấy, là

nghìn đời không lạc bước chân phiêu bồng.

Cùng tử xa quê nghêu ngao đoàn khúc về nhà. Một lời ca phổ thành nghìn lời ca. Nghìn lời ca dâng tràn muôn cõi nước. Mỗi cõi nước có nghìn đồng tử rong chơi, tung những chần ngôn rung động cả núi cao, xây lâu đài cát đùa trên trùng trùng sóng biển; quét lá vàng rơi khi bình minh vừa chớm; thả diều nguyện ước đến tầng mây; đồng xanh thổi sáo cỡi trâu xuôi dòng về; đất sét nắn hình ông bụt nhỏ, chấp tay một lần mà duyên cả nghìn sau. (*)

(*) "Nhất xưng nam mô Phật, giai dĩ thành Phật đạo" (Kinh Pháp Hoa, Phẩm Phương Tiện thứ 2).



TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

ẤN ĐỘ: Khandro Tashi Chotso **đăng quang như là tái sinh của Khandro Kunzang Chodron**

Ngày 19-1-2020 tại tu viện Phật giáo Ewam ở Silguri (bang Tây Bengal của Ấn Độ), cô Khandro Tashi Chotso đã đăng quang là tái sinh của Khandro Kunzang Chodron.

Lễ đăng quang của Khandro Tashi Chotso do yêu cầu của Lạt ma Sokpo từ Tu viện Domang - một nhánh của Tu viện Palyul ở Drago Dzong trong vùng Dokham Trehor của miền đông Tây Tạng.

Cô Khandro Tashi Chotso sinh tại Yuksum, miền tây bang Sikkim, Ấn Độ. Ông bác của cô là Ngài Domang Yangthang Tulku Rinpoche (1929-2016), một Lạt ma Nyingma rất được kính trọng từng tu học tại Tu viện Domang.

Cách đây nhiều năm, Khandro Tashi Chotso đã được công nhận là tái sinh của Khandro Kunzang Chodron (được xem là một sự phát xuất của Vajravarahi - Kim Cương Hối Mẫu) bởi Lạt ma Akhyuk Rinpoche (1927-2011). Akhyuk Rinpoche là người sáng lập Tu viện Yarchen Gar ở Tứ Xuyên (Trung Quốc), là một trong những thiền sư nổi tiếng nhất của Tây Tạng thời gian gần đây.

(Buddhistdoor Global - January 22, 2020)



Khandro Tashi Chotso trong lễ đăng quang



Khandro Tashi Chotso và ông bác của cô là Ngài Domang Yangthang Tulku Rinpoche (1929-2016), một Lạt ma Nyingma rất được kính trọng
Photos: Facebook

CAM BỐT: Học viện Phật giáo kỷ niệm 90 năm thành lập

Ngày 21-1-2020, hơn 100 Phật tử và tu sĩ đã kỷ niệm 90 năm thành lập Học viện Phật giáo và ôn lại những thành tựu của viện.

Phật Học viện này được thành lập vào tháng 1-1930 nhưng bị chế độ Khmer Đỏ đóng cửa vào năm 1975. Vào năm 1992 Học viện đã mở cửa lại khi Quốc hội phê chuẩn luật thành lập Bộ Giáo phái và Tôn giáo.

Kể từ khi được tái hoạt động, Phật Học viện đã cố gắng hết sức để tăng cường vai trò truyền bá Phật giáo của mình trong Vương quốc Cam Bốt.

Từ năm 1992 đến nay, hoạt động của Viện đang

được chính phủ Nhật Bản và Đức tài trợ.

Vào năm 1995, tòa nhà mới của Viện đã được khánh thành tại quận Daun Penh của Phnom Penh. Nơi đây có hàng ngàn sách và tài liệu về Phật giáo và văn hóa Khmer cho công chúng đọc.

(Khmer Times - January 22, 2020)



Chư tăng của Học viện Phật giáo Cam Bốt
Photo: KT/Siv Channa

HÀN QUỐC: Viện Bảo tàng mới trưng bày những bí ẩn Phật giáo thuộc vương quốc Baekje (Bách Tế) của Triều Tiên

Tại Hàn Quốc một viện bảo tàng mới, Bảo tàng Quốc gia Iksan, đã mở cửa vào tháng này. Bảo tàng mang đến cho khách tham quan cái nhìn hiếm có về lịch sử Phật giáo của vương quốc Baekje cổ đại (vốn từng hưng thịnh từ thế kỷ 18 BC đến năm 660 AD), và cơ hội để xem một bộ sưu tập đồ sộ gồm các hiện vật quan trọng từ mối quan hệ lâu dài và sâu sắc của Triều Tiên với Phật giáo.

Nằm trong khuôn viên của khu đền chùa Mireuska cổ xưa ở phía nam tỉnh Bắc Jeolla, Bảo tàng Quốc gia Iksan lưu giữ một bộ sưu tập gồm hơn 23,000 di vật Phật giáo được khai quật từ xung quanh đền Mireuksa và có niên đại từ thời vương quốc Baekje. Nhiều hiện vật trong số này hiện đang

được trưng bày lần đầu tiên.

Tại phòng triển lãm đặc biệt của bảo tàng này (chỉ mở cửa đến ngày 29-3), có trưng bày 15 thánh tích xá lợi được tìm thấy trong các chùa chiền Phật giáo trên khắp Hàn Quốc, trong đó có một số được liệt kê là bảo vật quốc gia.

(Buddhistdoor Global - January 24, 2020)



Xá lợi và các di vật khác được tìm thấy bên trong ngôi chùa đá tại đền Mireuksa

Photo: koreaherald.com

ÚC ĐẠI LỢI: Cháy rừng tiếp tục tác động đến các cộng đồng Phật giáo

Tại Úc Đại Lợi, các vụ cháy rừng tiếp tục đe dọa các trung tâm Phật giáo. Tại bang New South Wales trong những tuần gần đây, Lâm Viện Santi ở Bundanoon và Chùa Phật Pháp ở Công viên Quốc gia Dharug cách đó khoảng 130 dặm về phía bắc đã bị thiệt hại trong các vụ cháy, khiến hơn 6.3 triệu hecta đất bị tàn phá.

Bây giờ chư tăng tại Tu viện Sunnataram, cũng ở Bundanoon, đã được di tản. Và trong khi các sư cầu nguyện cho mức độ thiệt hại ít nhất có thể, họ đang đối mặt với những mất mát của mình bằng tâm xả. "Cháy rừng là bình thường tại vùng đất hoang đầy bụi rậm của Úc," sư trụ trì Phra Mana nói. "Miễn là niềm tin và nhân tâm của chúng ta vẫn mạnh mẽ, chúng ta sẵn sàng đối mặt với nó".

(tricycle.org - January 25, 2020)



PAKISTAN: Nhật Bản đề nghị giúp bảo tồn các di tích Phật giáo của Pakistan

Taxila, Pakistan - Trong chuyến thăm Bảo tàng Taxila và các di tích Phật giáo cổ đại tại Taxila vào ngày 25-1, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Nhật Bản Kanasugi Kenji đã đề nghị trợ giúp kỹ thuật cho Pakistan để bảo tồn, phục hồi và bảo vệ các Phật tích cổ của đất nước này.

Ông nói Pakistan và Nhật Bản có mối quan hệ văn hóa hàng thế kỷ vì Phật giáo phát triển mạnh ở Nhật Bản do du nhập từ vùng đất nơi Pakistan ngày nay tọa lạc. Hình thức nghệ thuật Gandhara nổi tiếng thực sự bắt nguồn tại Pakistan trước khi đến Nhật Bản, nơi nó được các nghệ sĩ địa phương đón nhận để giúp hình thành một mối quan hệ giữa 2 nước, ông nói.

Thứ trưởng Kanasugi Kenji nói chính phủ Nhật Bản đã cung cấp thiết bị trị giá hàng triệu rupees cho nghiên cứu khảo cổ, duy trì và nâng cấp các cơ sở cần thiết để bảo tồn di sản văn hóa ở Pakistan.

Ông cho biết Nhật Bản sẽ tiếp tục trợ giúp Pakistan để bảo vệ di sản văn hóa bao gồm bảo tàng Taxila, di sản khảo cổ và Phật giáo.

(Dawn - January 26, 2020)



Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Nhật Bản Kanasugi Kenji viếng một di tích cổ gần Taxila, Pakistan

Photo: Dawn

NHẬT BẢN: Lễ hội ném đậu Setsubun của Phật giáo ở Tokyo

TIN ẢNH: Lễ hội ném đậu Setsubun thường niên đánh dấu sự khởi đầu của mùa xuân theo

Một nhà sư dập lửa tại Tu viện Sunnataram ở Bundanoon (bang News South Wales, Úc Đại Lợi)

Photo: Tu viện Sunnataram

âm lịch diễn ra tại chùa Zojoji và Sensoji ở Tokyo.



Chư tăng chùa Zojoji diễn hành trước buổi lễ ném đậu "Mame-maki" của lễ hội Setsubun



Những người ném đậu diễn hành trước buổi lễ ném đậu "Mame-maki" tại chùa Zojoji



Các vị khách mời ném đậu trong buổi lễ "Mame-maki"



Mọi người cố gắng đón bắt những hạt đậu may mắn được rải tung bởi những người nổi tiếng tại chùa Zojoji



Tại chùa Sensoji, trẻ em mẫu giáo ném đậu vào một người đàn ông đeo mặt nạ và mặc trang phục giống quỷ trong một buổi lễ để xua đuổi tà ma và mang lại may mắn



Photos: AP & AFP (gulfnews.com - February 3, 2020)



TÂY BAN NHA: Dự án xây khu phức hợp Phật giáo và tượng Phật cao 40 mét tại thành phố Cáceres

Hợp tác với Lâm Tì Ni (Nepal), thánh địa được công nhận là nơi Đức Phật đản sinh, thành phố Cáceres của Tây Ban Nha đang lập các kế hoạch để xây một khu phức hợp Phật giáo có tượng Phật khổng lồ, dự định là một tượng đài cho hòa bình thế giới.

Khu phức hợp mới này - bao gồm một khu vườn, một tu viện Phật giáo và một bảo tháp, cùng với một thư viện, các xá lợi của Đức Phật và chỗ ở cho 20 nhà sư - sẽ được tài trợ bởi Hội Vườn Lâm Tì Ni. Trung tâm của khu phức hợp Phật giáo nói trên sẽ là một tượng Phật ngồi cao 40 mét.

Đầu tháng 1-2020 tại Lâm Tì Ni, thị trưởng của Cáceres và thị trưởng của Lâm Tì Ni đã ký một biên bản ghi nhớ về việc kết nghĩa của hai thành phố Di sản Thế giới UNESCO này.

(Buddhistdoor Global - February 4, 2020)



Thị trưởng của Cáceres và thị trưởng của Lâm Tì Ni ký biên bản ghi nhớ về việc kết nghĩa của hai thành phố này
Ý tưởng của họa sĩ về tượng



Thành phố Cáceres, Tây Ban Nha

TRUNG QUỐC: Phát hiện hơn 900 cổ vật tại một ngôi chùa đá ở thành phố Trùng Khánh

Các nhà khảo cổ học Trung Quốc tại thành phố Trùng Khánh đã khai quật được hơn 900 di tích văn hóa trong một ngôi chùa bằng đá ở địa phương.

Theo Viện Di sản Văn hóa thành phố Trùng Khánh, các nhà khảo cổ học đã hoàn thành việc khai quật một khu vực rộng khoảng 4,600 m2 trong một ngôi chùa bằng đá ở quận Giang Tân thuộc thành phố này.

Kéo dài từ năm 2016 đến 2019, cuộc khai quật đã tìm thấy hơn 50 di tích các tòa nhà, lăng mộ, tác phẩm chạm khắc đá từ thời nhà Đường (618-907 AD) đến nhà Thanh (1644-1911AD), Niu Yingbin, một chuyên gia thuộc viện Di sản Văn hóa Trùng Khánh cho biết.

"Những khám phá này có giá trị lớn về khoa học, nghệ thuật và lịch sử, và chúng cung cấp các tài liệu mới cho việc nghiên cứu lịch sử và văn hóa Phật giáo địa phương vào thời Trung Hoa cổ xưa", ông Niu nói.

(Xinhua - February 2, 2020)



Đại Phật tại khu phức hợp Phật giáo ở Cáceres

Photos: buddhistdoor.net

NHẬT BẢN: Viện Bảo tàng Nara triển lãm những pho tượng hộ pháp Bi Sa Môn Thiên (Bishamonten) hàng đầu của Nhật Bản

Tại Bảo tàng Nara, một cuộc triển lãm đặc biệt về các tượng của vị thần Phật giáo Bi Sa Môn Thiên được chọn từ các chùa và các bảo tàng đã khai mạc vào ngày 4-2-2020.

Triển lãm mang tên "Bi Sa Môn Thiên - Bắc phương Hộ Pháp" trưng bày 37 tác phẩm điêu khắc, bao gồm 2 quốc bảo và 18 tài sản văn hóa quan trọng được chỉ định bởi chính quyền trung ương.

Bi Sa Môn Thiên là vị thần bảo vệ giáo luật Phật giáo và là vị hộ pháp của phương bắc. Tại Nhật, ngài cũng được xem là vị hộ pháp của các thực tập sinh và ban phước lành cho mọi người.

Triển lãm "Bi Sa Môn Thiên - Bắc phương Hộ Pháp" sẽ mở cửa vào ngày 24-2 cho đến 22-3-2020.

(asahi.com - February 4, 2020)



Những pho tượng hộ pháp Bi Sa Môn Thiên trưng bày tại Viện Bảo tàng Nara
Photos: asahi.com

THÁI LAN: Chuẩn bị cho lễ kỷ niệm Phật lễ Makha Bucha trong bối cảnh ô nhiễm không khí và lo ngại về vi rút Corona

Pattaya, Thái Lan - Ngày 7-2-2020, Thủ tướng Thái Lan Prayut Chan-o-cha đã mời Phật tử hành lễ Makha Bucha với các nghi lễ tôn giáo như thường lệ trong năm nay. Ông lưu ý rằng người dự lễ nên sử dụng nạ phòng không khí, và rằng trữ lượng khẩu trang quốc gia vẫn còn đủ - để trấn an nỗi sợ bị nhiễm vi rút corona.

Năm nay, lễ Makha Bucha sẽ được tổ chức từ ngày 8 đến 10-2 tại Thái Lan, đánh dấu ngày rằm của tháng 2 âm lịch.

Ngày Makha Bucha kỷ niệm sự vân tập đầu tiên của 1,250 đệ tử của Đức Phật, đánh dấu sự khởi đầu của tăng đoàn - cộng đồng những người thực hành Phật giáo. Về mặt lịch sử, lễ này là dịp để Phật tử cúng dường chư tăng và viếng thăm chùa chiền, thực hiện những lời khẩn nguyện đặc biệt và tham gia các hoạt động thiện định hoặc nghi lễ.

(Buddhistdoor Global - February 7, 2020)



Thủ tướng Thái Lan Prayut Chan-o-cha (người mặc áo xám, đứng giữa) trong ngày phát động lễ Makha Bucha
Photo: pattayamail.com

THÁI LAN: Chư tăng dẫn dắt buổi cầu nguyện thức đêm cho các nạn nhân của vụ xả súng hàng loạt

Vào tối ngày 8-2-2020, các nhà sư Phật giáo ở Thái Lan đã dẫn đầu một buổi cầu nguyện cho các nạn nhân của thảm kịch bắn chết người xảy ra vào cuối tuần trước tại thành phố Nakhon Ratchasima ở phía đông bắc.

Hàng ngàn người thương tiếc đã tập trung, cầm những ngọn nến lung linh dưới ánh trăng rằm và dâng hoa khi các nhà sư tụng kinh bằng tiếng Pali cho các nạn nhân của vụ xả súng hàng loạt tồi tệ nhất trong lịch sử Thái Lan, vốn đã cướp đi sinh mạng của 30 người và khiến 58 người bị thương.

Vào ngày cuối tuần 6-2-2020 dịp lễ Makha Bucha hoan hỉ của Phật giáo, một người lính Thái Lan - do nổi giận vì tranh chấp tài chính liên quan đến một sĩ quan cao cấp - đã nổ súng điên cuồng tại Nakhon Ratchasima. Vụ việc kéo dài 16 giờ này bắt đầu tại một căn cứ quân sự và kết thúc tại một trung tâm mua sắm lớn của địa phương.

(Buddhistdoor Global - February 10, 2020)



Một nhà sư rải nước thánh khi mọi người cầu nguyện cho các nạn nhân của vụ xả súng hàng loạt ở Nakhon Ratchasima
Photo: Pecews.com

Hàng ngàn người thắp nến và cầu nguyện cho những người thiệt mạng trong vụ nổ súng
Photo: bangkokpost.com



BÁO CHÁNH PHÁP SỐ 100

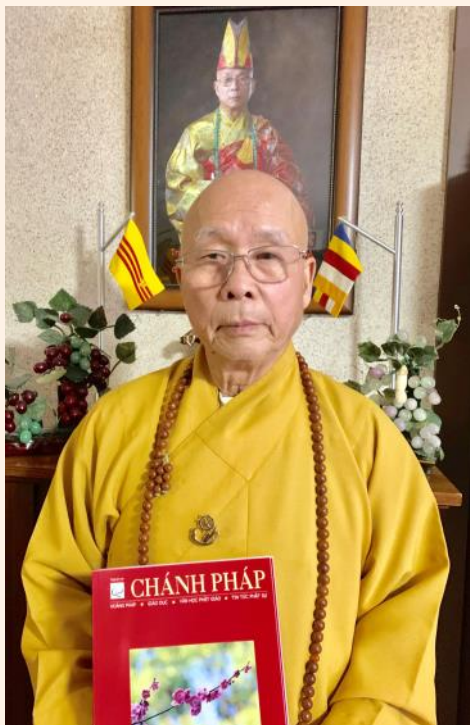
Điều ngự tử Tín Nghĩa

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Giao Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ ra đời trong thời gian mà cùng với quý Giáo Hội: Âu Châu, Úc Châu, và Canada đều nằm trong hoàn cảnh nghiệt ngã, do tử một văn kiện sai lầm, vi hiến, làm xáo trộn cả Tăng đoàn hải ngoại. Bà Giáo Hội ngoài Hoa Kỳ thì tương đối nhẹ và dễ thở, riêng hàng Tăng ni Phật tử tại Hoa Kỳ gánh chịu những oan nghiệt thị phi. Các chùa có những vị Tăng bản lãnh và có cơ sở tương đối thì bị vu chụp cái mũ gọi là tiệm nhang, là Cộng sản, hoặc là đầu hàng Cộng sản...

Điều trở trêu là những người tận lực, cúi đầu khâm tuân văn kiện sai lầm ấy, đang tâm phá nát sự hòa hợp thanh tịnh của Tăng đoàn, không ai khác hơn là những người đã từng cùng an cư, cùng chung lo Phật đàn, cùng đóng góp những Phật sự trọng đại, cùng mặc chiếc hoàng y ăn cơm với nhau. Trước thảm trạng ấy, hàng Phật tử thì bơ vơ không biết đâu là ánh sáng để nương tựa; trong khi đó, đại đa số Tăng ni và Phật tử thuần thành nhận thấy cần phải đứng dậy để làm một cái gì đó hầu báo Phật ân đức, báo ân Thầy Tổ và nhất là không cô phụ Bốn đời Tăng Thống đang ngóng trông; nên không ai bảo ai, xuất gia cũng như tại gia nhất tề đứng lên thành lập Giáo hội với danh xưng Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ vào ngày 20 và 21 tháng 9 năm 2008, và hiện hữu cho đến ngày nay. Danh xưng mới, nhưng bản nguyện hoằng pháp lợi sinh cũng như các sinh hoạt truyền thống của Tăng đoàn vẫn là sự tiếp nối của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất thành lập ngày 04.01.1964 từ trong nước.

Điểm lại một trang sử đau buồn đáng tiếc



của Phật giáo hải ngoại trong giai đoạn nhiễu nhương 2005-2008 không phải để than trách, hay kết tội ai, mà ý của bút giả muốn ghi lại phản ứng tích cực của Tăng Ni và Phật tử tại Hoa Kỳ trước cơn sóng gió. Khi văn kiện sai lầm, phá hòa hợp Tăng được ban hành, với sự cuồng nhiệt triển khai và thẳng tay kết án của những người trong chính nội bộ Phật giáo, ác đảng và ngoại đạo đã thừa gió bẻ măng, vu khống, chụp mũ, xuyên tạc hầu hết tất cả các tư viên của Phật giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ. **Trước cơn sóng dữ ấy, Tăng Ni và Phật tử Việt Nam tại Hoa Kỳ chỉ biết nhất tâm ngồi lại với nhau, cùng cố nội lực và giương cao ngọn cờ Chánh Pháp; ý thức rằng chỉ có Chánh Pháp quang minh mới có thể phá tan những gió chướng, oan**

nghiệt của tà ma ngoại đạo. Từ đó, ngoài những Phật sự đáng kể như tổ chức an cư, bố-tát tự-tứ, tổ chức các khóa tu học Phật Pháp, Giáo Hội đã không quên công tác Văn Hóa Giáo Dục, lập những trang mạng và báo chí cất lên Pháp âm của Phật. Đây là nhân duyên ra đời của nguyệt san Chánh Pháp, tiếng nói trung thực, khế lý, khế cơ của hàng Tăng Ni và Phật tử Việt Nam tại Hoa Kỳ và Hải ngoại.

Hòa thượng Thích Nguyên Trí, Phó Chủ tịch Nội vụ Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHHK đã được cung thỉnh đứng ra làm Chủ nhiệm Nguyệt san Chánh Pháp, nhà văn Vĩnh Hào được mời làm Chủ bút, Ni sư Diệu Tánh làm Thủ quỹ, với sự cộng tác biên tập của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu Phật tử khắp nơi.

Ban đầu bộ cũ, khổ lớn, số ra mắt vào tháng 05 năm 2009 cho đến số 31 thì chuyển sang bộ mới và số đầu tiên ra mắt tháng 11 năm 2011 cho đến bây giờ. Báo Chánh Pháp đã

được chư tôn đức Tăng Ni và hàng Cư sĩ trí thức, văn thi hữu nhiệt tình đóng góp bài vở và bảo trợ tài chánh để có thể phát hành đều đặn hàng tháng, trở thành tờ báo Phật giáo được ưa chuộng nhất tại Hoa Kỳ. Giáo hội luôn tán dương sự đóng góp của chư tôn đức và quý đồng hương Phật tử, và các cơ sở thương mại tận tình hỗ trợ dưới mọi hình thức để báo Chánh Pháp được sống còn đến hôm nay, đặc biệt là Đạo hữu Quảng Nguyên, chủ nhân chuỗi nhà hàng Brodard đã yểm trợ tối đa và trường kỳ cho việc ấn hành báo Chánh Pháp hàng tháng.

Hôm nay, bút giả ngồi ôn lại chuỗi thời gian trong mười năm qua cũng có những cái rất vui, nhưng cũng có những điều đáng lo cho tương lai của báo Chánh Pháp.

Đó là theo báo cáo của Ni sư Thủ quỹ vào các Đại hội thường niên, cho thấy sự đóng góp tài chánh để nuôi dưỡng tờ báo ngày càng giảm thiểu, từ con số \$2,200 của mỗi thành viên nòng cốt Giáo Hội (\$1,200 niên liễm và \$1,000 cho báo Chánh Pháp) trong những năm đầu, đã xuống còn \$2,000, rồi \$1,000, rồi \$500... cho đến không còn đóng góp (của nhiều thành viên).

Về bài vở thì nhà văn Vĩnh Hào, Chủ bút, cho biết là chư vị thành viên Giáo Hội ít tham gia vì quá bận Phật sự tại tự viện địa phương; hầu như các bài Phật Pháp đăng báo đều từ

một số chư tôn đức uy tín trong và ngoài nước đã đăng trên các trang mạng Phật giáo; số còn lại, rất hiếm, là từ các văn thi hữu quen biết từ trước, hoặc mới xuất hiện tại hải ngoại. Chủ bút cũng yêu cầu giảm bớt những văn kiện hành chánh của Giáo Hội cũng như các thư mời, thư cung thỉnh... của các tự viện địa phương, để tờ báo dành được nhiều trang hơn cho Phật Pháp và văn học.

Mỗi lo đó, nhân số báo 100 của Chánh Pháp, xin được nêu ra như một sự chia sẻ và thiết tha kêu gọi sự quan tâm của tất cả liệt quý vị hăng quan tâm đến tiếng nói chung của Phật giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ.

Lời cuối, bút giả đại diện Giáo hội xin tán dương công đức liệt chư Tôn đức, quý cư sĩ trí thức, quý đồng bào Phật tử các giới, quý hội đoàn, quý cơ sở thương mại đã tận tình hỗ trợ Báo Chánh Pháp từ tinh thần đến tài chánh, để tờ báo của chúng ta tiếp tục đi tới với nội dung và hình thức thật cao đẹp, trang nhã.

Trước thềm năm mới Xuân Canh Tý – 2020, kính chúc thọ chư Tôn đức Đạo thọ miền trường; đồng kính chúc liệt quý vị cùng bảo quyền hiện đang sinh sống tại hải ngoại nói chung và tại Hoa Kỳ nói riêng hưởng trọn một mùa Xuân Di Lạc đầy phước duyên, trọn năm Canh Tý – 2020 được như nguyện.

Mạnh xuân Canh tý, Jan., 10th 2020



Hội Chợ Sách Có Mặt Cho Nhau 2 diễn ra vào thứ bảy 19/10/2019 tại Thư Viện Tully thành phố San Jose bắc California. Nguyệt san Chánh Pháp cũng góp mặt, và sẽ góp mặt trong Có Mặt Cho Nhau 8, vào ngày 28 tháng 3.2020 tại Viện Việt Học, thành phố Westminster, California.

BIỆN TRUNG BIÊN LUẬN TỤNG THÍCH

(Giải thích những bài Tụng của bộ luận Biện Minh Trung Đạo
và Nhị Biên, trích từ trong **Thái Hư Toàn Thư**)

Dịch Giả: **THÍCH THẮNG HOAN**

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

(tiếp theo kỳ trước)

a/3- Biện Minh Tướng Thân Nhiếp.

Bài Tụng:

**“Chỉ có chỗ chấp trước tánh Y Tha; và
tánh Viên Thành Thật; vì Cảnh,
vì Phân Biệt; và vì Hai Không
mà thuyết minh.”**

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây là thuyết minh đạo lý Tướng Thân Nhiếp (*Tướng thân nhiếp*). Cái gì gọi là Tướng thân nhiếp? Chính là Pháp Hữu (*Pháp có hình tướng*) thuộc hư vọng phân biệt đã giảng ở trước, trong đó có năng lực thân nhận và đùm bọc ba thứ Tự Tánh. Hôm nay ý kiến của bài tụng đây chính là trình bày rõ năng lực Pháp Hữu (là *Pháp Tướng*) thuộc hư vọng phân biệt thân nhiếp ba Tự Tánh. Các pháp đây đúng ra chỉ thân nhiếp hai thứ Tự Tánh là Y Tha và Viên Thành Thật, nhưng thông thường hay gọi ba thứ Tự Tánh là Biến Kế Sở Chấp Tánh, Y Tha Khởi Tánh và Viên Thành Thật Tánh. Do ba thứ tánh này liền có thể thân nhiếp tận cùng tất cả pháp hữu lậu vô lậu, hữu vi vô vi và cũng chỉ có ba tánh này mới có thể thân nhiếp được tận cùng tất cả pháp, nhưng vì ở đây bài tụng chỉ nói: do chỗ chấp trước tánh Y Tha và tánh Viên Thành Thật.

a,- Chỗ gọi Biến Kế Sở Chấp Tánh: chữ Biến, nghĩa là biến khắp tất cả sắc, tâm, vũ trụ vạn pháp; chữ Kế, nghĩa là tính toán so lường, biểu thị đối với nơi cảnh của mỗi mỗi pháp, cần nhắc tính toán so lường. Hợp nhau lại để trình bày, Biến Kế chính là tính toán so lường biến khắp tất cả Tâm Thức có thể tưởng đến được,

ngôn ngữ có thể nói đến được, thay đều là loại phân biệt tính toán so lường. Thường các pháp chấp ở nơi các sắc như sáu Trần, sáu Căn, sáu Thức đều có thật thể riêng biệt nên gọi là Biến Kế Sở Chấp.



HT Thắng Hoan

b,- Y Tha Khởi Tánh: nghĩa là trình bày rõ tất cả vạn pháp vũ trụ, trên căn bản đều không có tự tánh, sự sanh khởi của chúng nó đều nương nơi nhân duyên mà sanh, chỗ gọi là duyên tụ lại thì có, nhân ly tán thì không. Thí dụ như vạn pháp thể gian trước mắt, chúng nó sanh khởi đều nương nơi nhân và mượn nơi duyên, nếu như không nhân duyên thì trên căn bản không có pháp thể gian này. Trở lại thí dụ con người! Con người là do nương nơi tứ đại, ngũ uẩn, máu huyết của cha mẹ, các chất ăn uống dinh dưỡng mà sanh khởi trưởng thành,

nếu là khởi những điều kiện này thì con người sống như thế nào? Quán sát con người đã là như thế, cho đến một cộng cỏ, một thân cây, v.v... không ai là không như thế, cho nên tất cả đều là Y Tha Khởi, không có tánh cố định, không có tánh tự nhiên.

c,- Viên Thành Thật Tánh: chữ Viên tức là viên mãn, nghĩa là không luận lúc nào chỗ nào pháp nào cũng đều đầy khắp; chữ Thành nghĩa là thành tựu vĩnh viễn không biến, quá khứ là như thế và vị lai cũng là như thế; chữ Thật nghĩa là chân thật; hợp nhau lại để giải thích chính là lý tánh viên mãn thành tựu chân thật, nên gọi là Viên Thành Thật Tánh. Trong đây thì căn cứ nơi tất cả pháp để biện minh ba tánh và chỗ kia thì cũng căn cứ nơi ba tánh để biện minh tất cả pháp. Tóm lại, tất cả pháp không ra ngoài ba tánh này, cho nên câu Tụng thứ nhất

trình bày chỉ có, tức là chỉ có ba tánh đây, không có tánh nào khác.

Nhưng ba tánh này là thế nào? Tung nói rằng: Vì Cảnh, vì phân biệt và vì hai không mà trình bày rõ. Vì Cảnh là giải thích Biến Kế Sở Chấp, Vì Phân Biệt là giải thích Y Tha Khởi, Vì Hai Không là giải thích Viên Thành Thật, đây rất là thấu triệt.

Thứ nhất, chỗ gọi Vì Cảnh, nghĩa là Thức sanh khởi biến hiện tợ hồ cảnh giới và vấn đề này đã được giải thích ở Tung thứ hai; còn biến hiện tợ hồ hữu tình, biến hiện tợ hồ ngã, biến hiện tợ hồ cảnh của công năng liễu biệt tức là chỉ cho sáu Trần, sáu Căn, sáu Thức, những hiện tượng đây hoàn toàn là do Duy Thức biến hiện mà không có thật thể; sở dĩ có các thứ Tướng tợ hồ này là nguyên nhân do Tâm năng chấp, chính tâm vọng chấp cho hoàn toàn hư vọng không có mà lại cho là thật có, đây chỉ là vọng chấp mà sự thật nơi chân lý thì may không bao giờ có, nên gọi là Biến Kế Sở Chấp.

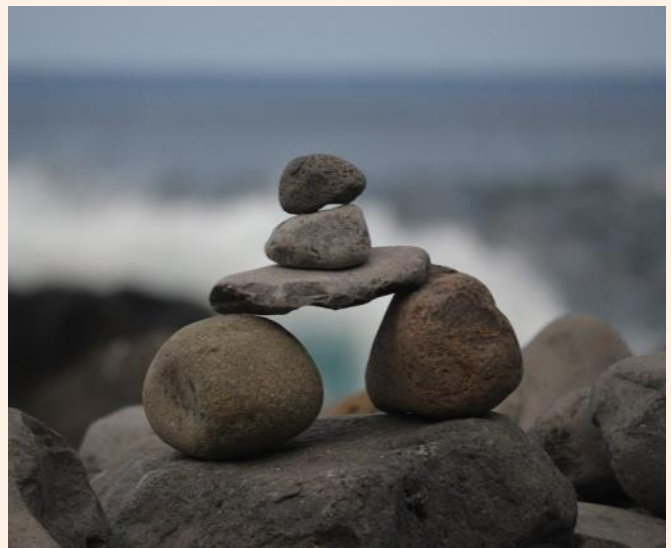
Thứ hai, chỗ gọi Vì Phân Biệt, nghĩa là trình bày Thức sanh khởi công năng biến hiện tợ hồ Thức (*Kiến Phần tợ hồ của Thức*) để biến hiện tợ hồ các pháp, Thức muốn sanh khởi công năng thì phải nương nơi Nhân và mượn nơi Duyên để sanh khởi, nên gọi là Y Tha Khởi. Như bài Tung có nói: “Nhãn Thức có chín duyên để sanh, Nhĩ Thức chỉ theo tám duyên để sanh, ba Thức: Tỷ, Thiệt, Thân thì theo bảy duyên để sanh, ba Thức sau: Ý Thức nương năm duyên để sanh, Mạt Na Thức nương ba duyên để sanh, A Lại Da Thức nương bốn duyên để sanh.” Các Thức đây là Thức Tâm Phân Biệt có mặt trong ba cõi; các Phân Biệt này của Thức Tâm vẫn mang Tướng Hư Vọng có mặt tợ hồ năng phân biệt và sở phân biệt, tức là nương nơi cảnh giới phân biệt để sanh khởi, cho nên gọi là Y Tha Khởi. Cảnh giới Y Tha Khởi ở trước đã giải thích qua, chính là nương nơi các duyên mà sanh khởi và các pháp không là Thức để hiện hữu. Nếu như ở nơi các pháp này mà chấp cho là thật thể, hoặc mỗi mỗi chấp cho là Tự Ngã thì đều thuộc về Biến Kế Sở Chấp. Thật ra sự sanh diệt vi tế của các pháp đều do Thức hư vọng phân biệt này cả; Thức lại nương nơi nhân duyên mà sanh khởi, cho nên Thức Phân Biệt đây thì thuộc về Y Tha Khởi.

Thứ ba, Vì Hai Không, nghĩa là trình bày rõ Tánh Không của Hai Không (*không Năng Thủ Sở Thủ*) chính là chỉ cho Viên Thành Thật, nguyên vì Viên Thành Thật do Hai Không Chân Như hiển hiện biến khắp tất cả pháp, cho nên nói căn cứ Hai Không mà gọi là Viên Thành Thật.

Như là căn cứ nơi sự chấp trước cảnh thật để giải thích Biến Kế Sở Chấp, căn cứ nơi sự phân biệt của Thức để giải thích Y Tha Khởi, căn cứ nơi cái Không Năng Thủ và Sở Thủ trong

các pháp của Thức để giải thích Viên Thành Thật. Hai Không đây nơi trong Biệt Chủng Kinh Luận gọi là Sanh Không và Pháp Không, thật sự chính là chỉ cho cái Không năng thủ và sở thủ của bản Luận giải thích. Do vì Cảnh Không của Sở Thủ, cho nên gọi Tâm của Năng Thủ cũng là không, đây chính là trình bày rõ tất cả Cảnh Sở Duyên đều do Duy Thức biến hiện, mà Thức thì lại nương các duyên khác để sanh khởi, vì thế Sở Thủ đã không thì Năng Thủ cũng không. Thí dụ như vải trắng trên cái bàn, do Thức năng tri cho vải hoàn toàn là màu trắng, nếu màu trắng của sở tri căn bản vốn không có thì cùng lúc đó Thức năng tri biết màu trắng cũng không thể thành lập. Chân lý Hai Không này có mặt khắp trong tất cả pháp Y Tha, vì căn cứ nơi nguyên lý Tánh không chân thật của các pháp Y Tha nên gọi là Viên Mãn Thành Tựu Chân Thật. Như Tâm Kinh nói rằng: “Đây các pháp không Tướng, không sanh không diệt, không như không sạch, không tăng không giảm”: Y đây chính là nói Tánh Không khắp nơi các pháp, bản lai như thế, chẳng phải hiện tại là không mà quá khứ là có, cũng chẳng phải quá khứ là có mà hiện tại là không, mà là tất cả thời đều hoàn toàn không nên gọi là không sanh không diệt; Tánh Không đây có mặt khắp tất cả chỗ nên gọi là không tăng không giảm và không chuyển biến nên gọi là không như không sạch. Nguyên vì Tánh Không luôn luôn lúc nào cũng như thế, vì có mặt khắp tất cả chỗ, vì không chuyển biến nên gọi là Viên Thành Thật Tánh. Căn cứ nơi các nghĩa như thế nên biết vọng Thức (*là Tướng hư vọng*) có thể thâm nhiếp ba tánh. Nghĩa là Vọng Thức chấp cảnh thuộc Biến Kế, chấp bản thân thuộc Y Tha, chấp Tánh Không thuộc Viên Thành.

(còn tiếp)



NHỚ THẦY

người về ôm bóng tà dương
ngủ quên trên đỉnh vô thường một mai
tâm phào đôi chút bản lai
ngang cơn siêu thực chợt đầy siêu linh
người đi, đi mãi một mình
trần gian lưu tặng chút hình bóng khô
bên kia bờ cõi nhà mồ
còn chăng điệu thức hàm hồ mà chơi
người đi, đi mất giữa đời
tôn lưu di tích giọng cười Lão, Không.

LUÔN THEO TÂM THÁI

rời mai đây người về
bên sông chảy lê thê
ngắt vài bông tím nhỏ
thả trôi về sơn khê
dĩ vãng một dòng xanh
trong trần thức long lanh
ôm say tình mỗi mệ
thả xuống đời mong manh
rời mai người ra đi
trong hồi ức xanh rì
loáng thoáng vài mảnh vá
của năm tháng cuồng si
người vẫn chảy trong lòng
trên cuộc đời mộng lung
chút hắt hiu duyên nợ
điều nhiếp giấc mơ mòng.

NẮNG TRƯA

loang nắng đầu tường
phổ gây chen mái
đứa bé qua đường
vụ giã nán lại
trưa rát mặt hè
ngây chen chút nắng
bông lưu đồ hoe
mắt nhìn lò xo trắng
tiếng ồn lao xao
rơi trong hố nã
chút gì chiêm bao
ngo ngoe vừa đậu.

NGÃ KIẾN

khi tôi cúi xuống, mệnh đời hơi nghiêng ngã
bao nhiêu vòng thế kỷ một chiều xoay
tôi té chết giữa hiện sinh đùn lá tả
rơi từng lân mê thức nhức cơn say
khi tôi ngủ bên núi đồi hoa lá
thuở xanh xưa em áo trắng sân trường
từng hồi ức chen vào từng nỗi lạ
môi em nồng cơn diễm tuyệt đau thương
rời tôi gục bên phiến đời phù động
hai bàn tay chơi với níu hư không
không là có, có là không, không-có
giác huyền sinh trôi đạt cuộc lòng thông.

thơ PHÙ DU



ƯNG VÔ SỞ TRÚ NHI SANH KỲ TÂM



Ni sư Thích Nữ Trí Hải

TU TƯỜNG PHẬT HỌC

T trả lời một câu hỏi của Tôn giả Tu Bồ Đề mở đầu kinh Kim Cương: “Các trai lành gái lành đã phát tâm Bồ Đề, làm sao giữ vững (trú) tâm ấy, và làm sao hàng phục tâm xấu cho khỏi nổi lên?” Phật dạy, có bao nhiêu chúng sinh đủ loại, bỏ tất đều phát tâm cứu vớt cho chúng vào Vô dư Niết bàn, tuy cứu độ nhiều vô lượng chúng sinh như vậy mà bỏ tất không thấy mình là người độ, chúng sinh là kẻ được độ... nghĩa là không chấp ngã, không sanh tâm kiêu mạn. Lại nữa khi hành thiện bố thí thì không nên dính mắc vào sáu trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp). Trong không chấp ngã, ngoài không dính mắc sáu đối tượng, như vậy là vô sở trú. Còn bố thí, cứu giúp là sanh kỳ tâm hay phát tâm Bồ đề.

Vô sở trú gồm:

1. Không chấp ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả là bốn thứ phát sinh từ ngã chấp, bốn kiểu chấp về chủ thể.

2. Không chấp sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp là sáu đối tượng ở ngoài liên hệ đến chủ thể.

Sanh kỳ tâm là phát tâm Bồ đề, tu hạnh Bồ tát, gồm có sáu hạnh ba la mật: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, và trí tuệ.

“Vô sở trú” thì khỏi các chấp thủ như chấp tài lợi, danh tiếng, chấp tự ngã, vì chính từ sự chấp thủ ấy mà có ra thân-sơ thương-ghét, mất công bằng.

Thông thường, người tu hạnh thiếu dục tri túc không tham cầu danh lợi thì ưa sống một mình trong núi rừng tịch tịch; còn người ham danh lợi thì ưa sống chỗ ồn náo, quen biết nhiều, xã giao rộng. Cả hai hạng người này đều có chỗ trú trước, chưa được gọi là vô sở trú mặc dù hạng người ưa tịch tịnh có vẻ thanh cao hơn. Ngược lại, người tu hạnh lợi tha thì dễ sinh ra chấp ngã (ta đây là người cứu nhân độ thế) và dính mắc sáu trần, hỏng phần tự lợi. Lời Phật dạy: “Ưng vô sở trú nhi sanh kỳ tâm” là một pháp tu giúp cho mình và người đều lợi lạc.

Lục Tổ khi nghe qua câu ấy đã hoá nhiên đại ngộ, thốt năm câu “nào ngờ” nổi tiếng: “Nào ngờ bản tánh vốn tự thanh tịnh, vốn tự đầy đủ, vốn bất sinh diệt, vốn không lay động, vốn sinh muôn pháp.” Đây có thể xem là cách Lục Tổ giải thích câu kinh “ưng vô sở trú nhi sanh kỳ tâm,” tóm thâu tất cả yếu chỉ của Phật pháp, và yếu chỉ ấy chính là trung đạo lìa hai chấp cực đoan như có-không, thường-đoạn, sinh-diệt, hữu-vô, v.v...

Vì Phật pháp là pháp “không hai” nên để trả lời câu hỏi của Tu Bồ Đề gồm hai phần “làm sao giữ vững Tâm Bồ Đề” và “làm sao hàng phục tâm xấu đừng cho nó khởi lên,” đức Phật chỉ dạy một chuyện “hàng phục tâm xấu” bằng cách cứu giúp chúng sinh mà không nổi tâm kiêu mạn, dính mắc. Vì hàng phục tâm xấu tức là đã an trú tâm Bồ đề, cũng như đưa ánh đèn vào một phòng tối thì bóng tối đã trở thành ánh sáng, không cần xua đuổi bóng tối thì ánh sáng mới hiện ra. Hai chuyện xảy ra đồng lúc không có trước sau, nên gọi là bất nhị. Trong câu hỏi của Tu Bồ Đề, ta thấy dường như có hai tâm: một tâm tốt cần giữ gìn, và một tâm xấu cần đàn áp, hàng phục. Nhưng khi Phật chỉ dạy cách hàng phục tâm xấu mà không nói tới chuyện duy trì tâm tốt, tức Ngài đã ám chỉ lý bất nhị: chân tâm và vọng tâm không phải là hai tâm, mà là hai khía cạnh của cùng một cái tâm ấy. Sóng và nước không phải là hai thực thể khác nhau, mặc dù tướng trạng có khác. Sống chết, mê ngộ, thiện ác, sinh tử Niết bàn, và tất cả những cặp đối đãi khác cũng đều như vậy cả.

Bất nhị chính là nghĩa trung đạo trong tất cả mọi sự, và trung ở đây có nghĩa là siêu việt cả hai khái niệm đối nghịch thường tình của thế gian như có-không, sống-chết, khổ-vui, mê-ngộ, v.v... Có vượt qua cả hai thế đối nghịch ấy mới thực sự giải thoát, nếu không, ta sẽ mắc kẹt vào nhị biên, hoặc chấp không, hoặc chấp có, vĩnh viễn vướng vào tranh chấp.

1. Trong sự tu thiền, vi định và tuệ không

hai, nên chỉ và quán phải đồng thời. Nếu chấp định trước tuệ sau, thì định có thể trở thành chướng ngại cho tuệ, nhất là khi hành giả tu đã đắc định tới trình độ có thần thông. “Vô sở trú” là tịnh chỉ, “sinh kỳ tâm” là tuệ quán, là thái độ tỉnh giác bén nhạy trước mọi sự xảy ra mà không trú trước bất cứ một cảnh nào. Trú trước là đã rơi vào mê hồn trận của các cảm thọ lạc-khổ, hay lưng chừng. Như khi ngồi thiền, tuệ quá nhiều thì rơi vào trạo cử, suy nghĩ đủ thứ; định quá nhiều thì rơi vào hôn trầm hoặc lười biếng. Ba hoàn cảnh thuận, nghịch và bình thường đưa tới ba cảm thọ lạc, khổ và lưng chừng; tất cả đều có thể đưa đến nguy hiểm cho người không tu: gặp thuận cảnh dễ sinh tham, gặp nghịch cảnh dễ sinh sân hận, còn nhệch điều đời sống nếu cứ lặng lẽ trôi chảy thì con người đắm ra biếng nhác, mất tính sáng tạo và rơi vào thói quen nhàm chán. Nhưng với một người biết tu, thì gặp thuận cảnh sẽ dễ phòng tham sanh khởi, gặp nghịch cảnh sẽ dễ phòng sân sanh khởi, và nếu nhệch điều đời sống trôi qua bình thường thì luôn luôn tự cảnh giác, lay mình dậy để khỏi mê ngủ trong vô minh bất giác, biến mọi hoạt động trở thành máy móc, dễ sinh nhàm chán và dần dần thối thất đạo tâm.

2. Trong hành động, đó là tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên, dung thông chân đế và tục đế, như thiền sư Qui Sơn dạy chúng: “Giá biên na biên ứng dụng bất khuyết.”

3. Trong đời sống, bất nhị là một nghệ thuật sống, như câu chuyện ông già họ Tái mất ngựa. Người liễu ngộ bất nhị thì lúc nào cũng bình an, tự tại vì biết rõ hai cái đối nghịch nào cũng hàm chứa lẫn nhau: trong sống có chết, trong khổ có vui v.v... nên không lấy không bỏ, được không mừng, mất không buồn. Hơn nữa, người hiểu đạo còn biết cách lợi dụng những khổ đau, thất bại trong cuộc đời, chuyển hóa chúng thành nguồn an vui hạnh phúc, gọi là “hỏa diệm hóa hồng liên” (lửa đỏ thành sen hồng). Sen mọc trong nước không lấy gì làm lạ, nhưng sen mọc được trong lửa mới thực là kỳ quan, nên Phật pháp được gọi là “diệu pháp” chính vì lẽ ấy.

4. Tất cả kinh điển cùng dạy một chuyện ấy bằng nhiều cách khác nhau, hiển giáo cũng như mật giáo. Hiển giáo như Diệu Pháp Liên Hoa nói: “*Chư Phật lưỡng túc tôn, tri pháp thường vô tánh, Phật chủng tòng duyên khởi, thị cô thuyết nhất thừa.*” Mật giáo thì hoa sen và ngọc ma ni trong thần chú OM MANI PADME HUM cũng diễn đạt lý bất nhị: Hoa sen biểu trưng cho nguyên lý mềm yếu, hiện tượng nhân duyên sinh diệt của thế gian; còn ngọc ma ni là nguyên lý cứng chắc, hay bản thể bất sinh diệt xuất thế gian. Trong hiện tượng sinh diệt vốn sẵn tiềm tàng bản thể bất sinh diệt hay Phật tính. Vì thấy rõ như vậy nên thiền sư có thái độ an nhiên trước sống chết: “Thiền tọa an nhiên ngắm rụng hồng.”

Đối với Phật tử, “quy y” cũng bao hàm

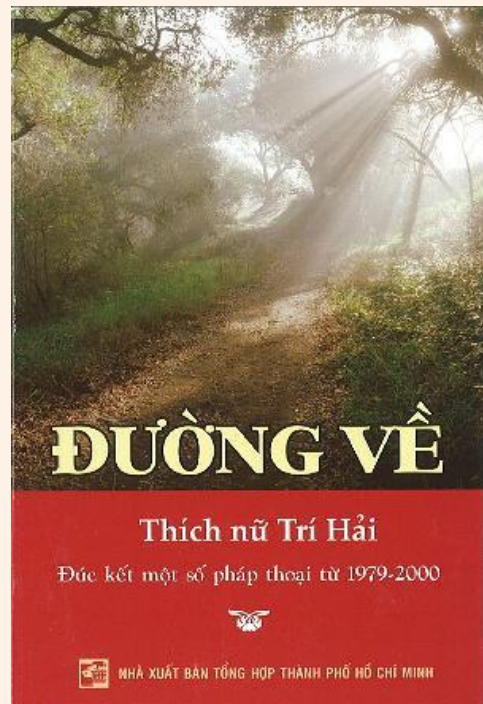
nghĩa bất nhị: Quy là quay về, y là nương tựa. Nương tựa là hướng ngoại tìm cầu một nơi nâng đỡ tinh thần, ở đây là Phật, Pháp và Tăng. Nhưng, nương tựa chưa đủ, cần phải “quay về” trước đã, đó là quay về với tự tánh Tam Bảo nơi chính mình, đó là hướng vào trong tâm để tìm ông Phật trong mình trước. Khi đã biết “quay về” với tự tánh thanh tịnh thì mới biết được đâu là Phật thật, đâu là Pháp thật và đâu là Tăng thật. Nếu không quay về, không nội quán mà chỉ hướng ngoại tìm cầu thì ta chỉ gặp những bản sao của chính dục vọng thấp hèn trong ta mà không phải là chánh đạo: ham tiền tài thì Phật hóa thành ông thần tài ban phúc giáng họa, Pháp trở thành phương pháp làm ra tiền, Tăng trở thành thầy tướng số gieo quẻ cầu tài. Như vậy, “quay về” là tự, là hướng nội, “nương tựa” là tha, là hướng ngoại; không được bỏ bên nào mới là trung đạo vì cả hai chỉ là một, cho nên tục ngữ nói: “Thầy nào trò nấy, cha nào con nấy.”

Tóm lại, vô sở trú và sanh kỳ tâm là hai phương diện của tâm giác ngộ, vắng lặng mà chiếu soi, chiếu soi mà vắng lặng. Đó cũng là yếu chỉ của thiền, được tóm tắt trong câu khẩu quyết:

*Tịch tịnh tịnh tịnh thị
Vô tình tịch tịch phi
Tịnh tịnh tịch tịnh thị
Vọng tưởng tịnh tịnh phi*

(Nghĩa là: vắng lặng mà sáng suốt thì đúng; trở trở mà vắng lặng là sai. Sáng suốt mà vắng lặng là đúng; sáng suốt trong vọng tưởng thì sai.)

(trích từ tác phẩm *Đường Về*
của Ni sư TN Trí Hải)



thơ TÁNH THIỆN

NÉT ĐẸP TRUYỀN THÔNG

Kính mừng Nguyệt san Chánh Pháp kỷ niệm 100 số vào tháng 3-2020

Mừng **Chánh Pháp** qua nét đẹp truyền thông
Pháp duyên lành với số báo một trăm
Cuộc hành trình là cả sự tâm thành
Công đức đó đại chúng đều hoan hỉ.

Tôi muốn nói vài lời cảm nghĩ
Bằng đạo tình chúc vị Chủ Bút qua
Tuổi sáu mươi mà chúng tử thiết tha
Dấn thân với cả niềm vui Phật Pháp.

Thơ thì ngắn mà tình còn ghi tạc
Nguyện cầu cho **Chánh Pháp** vẫn tỏa lan
Chuyện hoằng pháp vượt thoát mọi trái ngang
Từ tâm lực qua một trăm số báo.

NHƯ LÀN TIA CHỚP

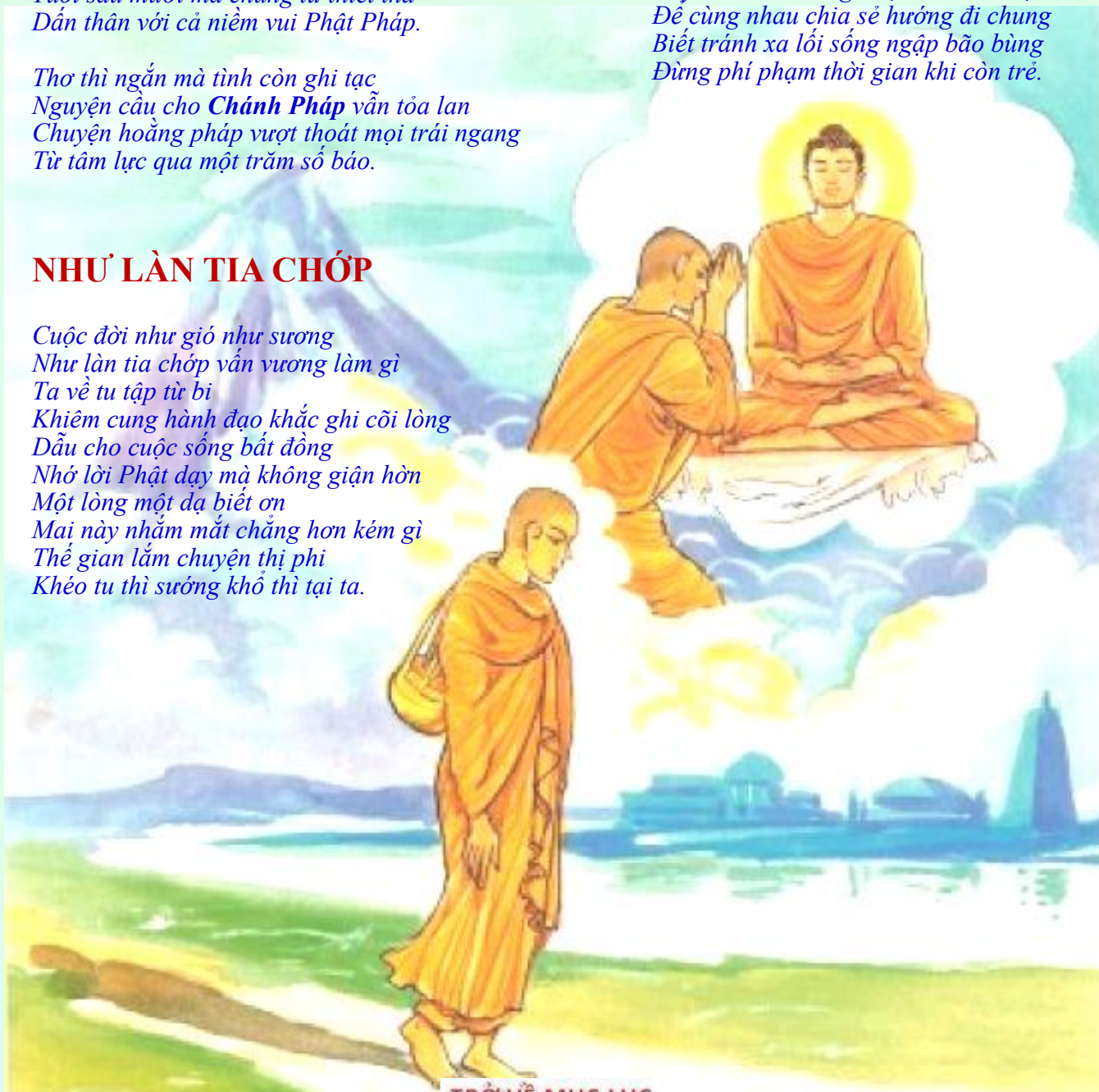
Cuộc đời như gió như sương
Như làn tia chớp vẫn vương làm gì
Ta về tu tập từ bi
Khiêm cung hành đạo khắc ghi cõi lòng
Dầu cho cuộc sống bất đồng
Nhớ lời Phật dạy mà không giận hờn
Một lòng một dạ biết ơn
Mai này nhắm mắt chẳng hơn kém gì
Thế gian lắm chuyện thị phi
Khéo tu thì sướng khổ thì tại ta.

CON ĐƯỜNG CHÁNH ĐẠO

Nếu đã biết cuộc đời là cõi tạm
Đến và đi như mộng ảo phù du
Sao ta không tự thoát cửa ngục tù
Để tìm đến con đường của Chánh Đạo.

Học Pháp Phật chính mình phải gỡ tháo
Nghe những lời nhắc nhở các Minh Sư
Hương từ bi ngào ngạt cõi suốt từ
Sống chân chánh không gieo thù kết oán.

Hãy tìm đến những thiện lành kết bạn
Để cùng nhau chia sẻ hướng đi chung
Biết tránh xa lối sống ngập bão bùng
Đừng phí phạm thời gian khi còn trẻ.



NỘI DUNG 28 PHẨM KINH PHÁP HOA

Hoà Thượng Thích Thiện Siêu

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Mỗi lần đức Phật định nói pháp gì trước hết đều có nguyên do nên có phẩm **Tựa** mở đầu (p1). Kế phần Tựa là phần Chánh tông, nói ra chánh pháp mà Ngài định nói và pháp định nói ở đây là: "Khai quyền hiển thật" nên có phẩm **Phương tiện** (sự khéo léo) (p2). Nhưng đối với Chánh pháp này chỉ có hàng thượng căn như Tôn giả Xá-lợi-phất hiểu và được Phật thọ ký. Còn hàng trung căn chưa thể vong ngôn hội pháp, họ cần nghe thêm thí dụ mới hiểu, nên có phẩm **Thí dụ** (p3). Ví dụ nhà lửa ba xe, hàng trung căn nghe thí dụ liền tin nên có phẩm **Tín giải** (niềm tin vững chắc) (p4) và thuật lại với đức Phật cái ví dụ "Cùng tử trốn cha" để trình bày chỗ tín giải của mình, được đức Phật ấn chứng và Ngài nói tiếp thí dụ "Một trận mưa khắp cây cỏ đều nhờ" nên có phẩm **Được thảo dụ** (thí dụ về cây thuốc) (p5). Đến đây hàng trung căn được thọ ký, nên có phẩm **Thọ ký** (chứng thực) (p6). Nhưng còn hàng hạ căn thì vẫn chưa ngộ phải chờ đức Phật kể lại nhân duyên quá khứ cho họ nhớ với thí dụ Hóa thành, nên có phẩm **Hóa thành dụ** (thí dụ về thành phố ảo hóa) (p7). Hàng hạ căn được ngộ và được đức Phật thọ ký, nên có phẩm **Ngũ bách đệ tử thọ ký** (500 đệ tử thọ nhận lời chứng thực) (p8) cho năm trăm vị thuộc hàng vô học hiển danh, và phẩm **Thọ học, Vô học nhân ký** (lời chứng thực cho những người còn cần phải học và những người không cần phải học) (p9) cho 2000 vị thuộc hàng học và vô học mật hạnh vô danh khác. Như vậy qua ba lần thuyết là Pháp thuyết, Dụ thuyết, Nhân duyên thuyết (hay gọi là tam châu thuyết pháp) thì ba hạng căn cơ thượng, trung, hạ có túc căn thâm hậu được đức Phật hiện tiền thọ ký. Còn bao nhiêu chúng sanh ít phước ở nơi khác thời khác không được gặp đức Phật thì ai thọ ký cho? Nên biết hết thảy chúng sanh bất luận ở đâu thời nào dù không gặp đức Phật mà gặp kinh và thọ trì giải nói kinh Pháp Hoa cũng đều được thọ ký, nên có phẩm **Pháp sư** (vị thầy dạy pháp) (p10) mà nội



dung là tán thán công đức Pháp Hoa và người trì kinh cùng phương pháp cho người muốn nói kinh Pháp Hoa đem lại nhiều lợi ích.

Từ phẩm **Tựa** đến phẩm **Pháp sư** cộng là 10 phẩm, trừ phẩm **Tựa**, 8 phẩm giữa là phần Khai quyền hiển thật, phẩm **Pháp sư** là để tán thán công đức Pháp Hoa và người thọ trì đọc tụng hầu cho những chúng sanh vị lai vẫn được thọ ký.

Đạo lý khai quyền hiển thật là thâm diệu lớn lao mà nay được đức Thích Tôn đã giảng nói, đức Phật Đa Bảo trong quá khứ từng phát nguyện: Hễ ở đâu có nói kinh Pháp Hoa, thì Ngài sẽ hiện đến, do đó tháp Đa Bảo từ lòng đất vọt lên, được kể trong phẩm **Hiện Bảo tháp** (hóa hiện tháp báu) (p11), trước là để xác chứng lời đức Thích Ca nói là không hư dối, sau để làm duyên khởi cho việc khai cận hiển viên sắp được nói đến ở phần sau. Nhưng sự xác chứng rõ ràng mật thiết nhất chính là đức Thích Ca tự kể lại: Xưa kia Ngài từng cần cầu nghe kinh Pháp Hoa và từng được Đề-bà-đạt-đa nói cho nghe nhờ đó Ngài được thành Phật. Còn Đề-bà-đạt-đa thọ ký sẽ thành Phật, cho đến Long nữ cũng

nhờ Pháp Hoa được thành Phật rất mau lẹ nên có phẩm **Đề-bà-đạt-đa** (Devadatta) (p12). Sau khi nghe lời tán thán công đức và khuyến khích trì kinh của đức Thích Ca và đức Đa Bảo như vậy, các Bồ-Tát, Thanh Văn liền vãng mệnh thọ trì, nên có phẩm **Trì** (nắm giữ chắc chắn) (p13). Song thọ trì giảng nói trong đời ngũ trước ác thể làm sao tránh khỏi nguy nạn nên có phẩm **An lạc hạnh** (p14), chỉ bày phương pháp hoằng kinh được an lạc khi nhân hạnh đã đầy đủ thì diệu quả ắt có. Các Bồ-tát từ lòng đất vọt lên nói trong phẩm

Tùng địa dũng xuất (từ đất nháy ra) (p15) chứng minh điều đó để khai cận hiển viên, hiển bày cho thấy đức

Phật đã thành Phật trái vô lượng kiếp nói trong phẩm **Như Lai thọ lượng** (tuổi thọ của đức Như Lai) (p16). Phẩm Như Lai thọ lượng này nói

hề ai nghe được thì công đức vô lượng, nên có phẩm **Phân biệt công đức** (p17). Tuy chỉ tùy

hỷ nghe và tùy hỷ người khác nghe vẫn được phước đức vô lượng, nên có phẩm **Tùy hỷ công đức** (công đức về sự vui nhận) (p18), đó là hạ phẩm công đức. Nếu nghe, thọ trì, đọc tụng, viết chép, giảng giải, nói cho người nghe, thành tựu 6 căn công đức như phẩm **Pháp sư công đức** (các công đức của vị pháp sư) (19) với năm hạng Pháp sư, đó là trung phẩm công đức. Nếu thực hành Pháp Hoa Hạnh, thanh tịnh sáu căn như Bồ-tát Thường Bất Khinh trong phẩm **Thường Bất Khinh** (p20) thì thuộc thượng phẩm công đức. Mười phương chư Phật thấy chúng sanh trong quá khứ hay trong vị lai nghe Pháp Hoa mà sanh tâm hoan hỷ thọ trì như vậy thì các Ngài càng rất hoan hỷ nên hiện thần lực để tán dương hỗ trợ cho lòng tin và thực hành thêm vững mạnh nên có phẩm **Như Lai thần lực** (thần lực của đức Như Lai) (p21).

Trên kia đức Phật đã tán thán kinh và người trì kinh, đến đây đức Phật phó chúc thọ trì, nên có phẩm **Chúc lụy** (dẫn dò) (p22).

Dược Vương Bồ-tát nhờ lãnh thọ kinh giáo được lợi ích nên đã chịu khổ hạnh bằng cách thí xả thân mạng tài sản để cúng dường báo ân, nêu ra một mô phạm cho sự phụng mệnh hoằng kinh mà bản duyên này của Dược Vương được kể rõ trong phẩm **Dược Vương Bồ-tát bốn sự** (chuyện về Bồ-tát Dược Vương) (p23). Nhưng ở Dược Vương chưa nói rõ cách truyền thông Kinh Pháp. Đến phẩm **Diệu Âm Bồ-tát** (24) mới nói rõ việc phân thân trong sáu đường để hoằng Kinh lợi vật. Về phần chúng sanh những người

muốn tín thọ thường gặp trở nạn cần phải nhờ đức từ bi cứu tế mới vượt khỏi, nên có phẩm **Quán Thế Âm Bồ-tát** (p25), và nhờ thần chú gia hộ nên có phẩm **Đà-la-ni** (mật chú) (p26).

Người hoằng Kinh lợi vật là chơn thiện tri thức của chúng sanh, dù ở trong nghịch cảnh nào họ cũng chuyển được người bỏ tà về chánh, nên có phẩm **Diệu Trang Nghiêm Vương bốn sự** (chuyện về Vua Diệu Trang Nghiêm) (p27). Tu hạnh Nhất thừa

Pháp Hoa, truyền trì Pháp Hoa tức là tu hạnh Phổ Hiền, tức nhiên Phổ Hiền từ phương xa đến ủng hộ khuyến khích, phát khởi nên có phẩm **Phổ Hiền Bồ-tát khuyến**

phát (sự khuyến khích của Bồ-tát Phổ Hiền) (p28). Đó là hết hai mươi tám phẩm kinh.

Nói tóm tắt, 14 phẩm đầu kinh là thuộc phần **Tích môn** (cũng gọi là phần khai quyền hiển thật, khai tam hiển nhất, hội tam quy nhất, thừa phương tiện, thừa chân

thật, thừa quyền, thừa thật, tích môn tích hóa hay thù tích). 14 phẩm sau là thuộc phần **Bản môn** (cũng gọi là khai cận hiển viên, khai tích hiển bốn, hội tích quy bốn, thân phương tiện, thân chân thật, thân quyền thân thật, bản môn bản hóa hay bản địa).

Chữ **Môn** ở đây không có nghĩa là một bộ phận hay nơi chốn biệt lập, nó chỉ có nghĩa là "hoạt động của đức Phật ở trong bản vị nguyên thủy" (bản địa hay bản môn bản hóa) và hoạt động của đức Phật có biểu lộ lưu dấu tích (tích môn tích hóa, thù tích).

Phần Tích môn thì quy chiếu vào giáo pháp của đức Phật, tức là chỉ vào pháp. Phần Bản môn thì quy chiếu vào nhân cách của đức Phật, tức là chỉ vào người nói pháp.

Các đức Phật 10 phương chỉ có Nhất thừa đạo và chư Phật ra đời đều duy nhất chỉ muốn dạy cho chúng sanh Nhất thừa đạo chứ không có hai ba thừa, nhưng căn cơ chúng sanh không thể một sớm một chiều lãnh hội được, nên đức Phật phải quyền khai phương tiện để dẫn dắt.

Chữ "khai," "hiển" trong "khai quyền hiển thật" ở đây có hai nghĩa:

1. Nếu đức Phật chỉ một mực dạy thẳng đạo Nhất thừa thì không bao giờ chúng sanh lãnh ngộ được. Như vậy đạo Nhất thừa chỉ ẩn lấp ở nơi đức Phật chứ không hiển bày ra cho chúng sanh, nên đức Phật phải quyền khai ba thừa thì mới hiển lộ được Nhất thừa.

2. Nhưng khi chúng sanh tiếp nhận giáo



lý ba thừa, họ lại tin chắc đó là thật mà không hiểu đó là đức Phật chỉ quyền khai và như vậy thì đạo Nhất thừa vẫn bị khuất lấp trong ba thừa không hiển lộ ra được. Đến khi đức Phật khai mở ra chỗ khuất lấp đó bằng cách nói rằng "Ba thừa kia chỉ là phương tiện, là quyền, chỉ có Nhất thừa mới là thật," như ở hội Pháp Hoa này thì chúng sanh mới rời bỏ chấp tam thừa mà hướng đến nhất thừa. Nghĩa khai cận hiển viên cũng tương tự như vậy.

Trong 14 phẩm thuộc Tích môn, thì phẩm Tựa là phẩm mở đầu duyên khởi, còn chủ yếu chính là phẩm Phương tiện với sự trình bày Thật trí, Quyền trí của chư Phật là đồng nhất, thật tướng các pháp mà chư Phật chứng ngộ là đồng nhất và bản hoài chư Phật ra đời độ sanh cũng đồng nhất. Những đồng nhất này gọi chung là Phật tri kiến, và Phật tri kiến này mọi chúng sanh đều có, chỉ vì bị vô minh, tham ái che lấp mà không hiển lộ ra được, nên nhân duyên chư Phật ra đời là chỉ nhằm một đại sự duy nhất tức "khai thị chúng sanh ngộ nhập Phật tri kiến," chứng Nhất thừa đạo chứ không vì gì khác. Vì vậy dù trước đức Phật có quyền khai ba thừa, cuối cùng đức Phật cũng chỉ dạy Nhất thừa.

Trong 14 phẩm thuộc Bản môn, mở đầu duyên khởi là phẩm Tùng địa dũng xuất, nhưng chủ yếu chính là phẩm Như Lai thọ lượng, khai thị cho thấy đức Thích Ca chỉ là thân ứng hóa có sanh có diệt theo cơ cảm của chúng sanh trong đời ngũ trước ác thế, mà đã là thân ứng hóa tức nhiên phải xuất từ thân Phật bản hữu vốn đã thành Phật vô lượng vô biên kiếp.

Ngoài hai phẩm ở Tích môn và hai phẩm ở Bản môn vừa nói trên đây, các phẩm còn lại, hoặc để quảng diễn bổ túc, hoặc tán thán khuyến khích thọ trì, giảng nói, hoặc nêu sự hoạt dụng của Pháp Hoa, để làm trọn vẹn lý nghĩa Quyền, Thật, Tích, Bản, vạn thiên đồng quy bình đẳng đại huệ và chúng sanh đều thành Phật mà trong hội Pháp Hoa chủ tâm nói đến vậy.

(trích LƯỢC GIẢNG KINH PHÁP HOA của HT. Thích Thiện Siêu)



XUÂN MUỘN, HAY HOA MUỘN...

*Nơi nơi, Xuân qua rồi
Mai, đào, lặng lẽ rơi
Mà bên hiên tịnh thất
Nụ mai vẫn mỉm cười!*

*Xuân muộn, hay Hoa muộn?
Sớm, muộn, cũng qua thôi
Nụ ơi, nở đi nhé
Hương sắc hiển dâng đời*

*Cho mùa Xuân trọn vẹn
Cho tình nghĩa trọn lời
Cho đầy vơi tâm-cảnh
Đồng vị mặn biển khơi*

*Thầm lặng, đêm xuân muộn
Ấn cần đón nụ hoa
Xuân-muộn và Hoa-muộn
Cùng vẹn tình thiết tha*

*Chuông công phu điểm nhẹ
Nam Mô A Di Đà...*

thơ **TN HUỆ TRÂN**

(Tào-Khê tịnh thất – Hoa muộn,
nở thời công phu)

BỐN TRƯỜNG HỢP CỦA HIỆU LỰC CẦU NGUYỆN

Thích Nhuận Châu

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Góp phần bàn luận về ý nghĩa cầu siêu trong Phật giáo, nay xin dẫn *Tương ưng bộ kinh* (Sāmyutta Nikāya), phẩm *Tương ưng thôn trưởng* để phân tích về vấn đề này.

Nguyên văn:

Một thời Thế Tôn trú ở Nālandā, tại rừng Pāvārikamba.

Rồi thôn trưởng Asibandhakaputta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, dành lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Rồi thôn trưởng Asibandhakaputta bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, các vị Bà-la-môn trú đất phương Tây, mang theo bình nước, đeo vòng hoa huệ (sevāla), nhờ nước được thanh tịnh. Những người thờ lửa, khi một người đã chết, đã mệnh chung, họ nhắc bóng và mang vị ấy ra ngoài (uyyāpenti), kêu tên vị ấy lên, và dẫn vị ấy vào Thiên giới. Còn Thế Tôn, bạch Thế Tôn, là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Thế Tôn có thể làm như thế nào cho toàn thể thế giới, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này?

Đức Phật nói: Này thôn trưởng, ông nghĩ thế nào? Ở đây, một người sát sanh, lấy của không cho, sống theo tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham lam, sân hận, theo tà kiến. Rồi một quần chúng đồng đảo, tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chấp tay đi cùng khắp và nói rằng: "Mong người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này!" Ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng, người ấy do nhân cầu khẩn của đại quần chúng ấy, hay do nhân tán dương, hay do nhân chấp tay đi cùng khắp, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

Thế Tôn nói:

- Ví như, này thôn trưởng, có người lấy một tảng đá lớn ném xuống một hồ nước sâu. Rồi một quần chúng đồng đảo, tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chấp tay đi cùng khắp và nói rằng: "Hãy đứng lên, tảng đá lớn!

Hãy nổi lên, tảng đá lớn! Hãy trôi vào bờ, này tảng đá lớn!" Ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng, tảng đá lớn ấy do nhân cầu khẩn của đại quần chúng ấy, hay do nhân tán dương, hay do nhân chấp tay đi cùng khắp, có thể trôi lên, hay nổi lên, hay trôi dạt vào bờ không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Cũng vậy, này thôn trưởng, người nào sát sanh, lấy của không cho, sống theo tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham lam, sân hận, theo tà kiến. Rồi một quần chúng đồng đảo, tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chấp tay đi cùng khắp và nói rằng: "Mong người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này!" Nhưng người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Thế Tôn nói:

- Ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng? Ở đây, có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ sống tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, không có tham, không có sân hận, có chánh tri kiến. Rồi một quần chúng đồng đảo, tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chấp tay đi cùng khắp và nói rằng: "Mong người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục!" Ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng, người ấy do nhân cầu khẩn của quần chúng đồng đảo ấy, hay do nhân tán dương, hay do nhân chấp tay đi cùng khắp, sau khi thân hoại mạng chung, có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

Thế Tôn nói:

- Ví như, này thôn trưởng, có người nhận chìm một ghè sữa đông (sappi) hay một ghè dầu vào trong một hồ nước sâu rồi đập bể ghè ấy. Ở đây, ghè ấy trở thành từng miếng vụn, hay từng mảnh vụn và chìm xuống nước. Còn

sữa đông hay dầu thì nổi lên trên. Rồi một quần chúng đông đảo, tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chấp tay đi cùng khắp và nói: "Hãy chìm xuống, này sữa đông và dầu! Hãy chìm sâu xuống, này sữa đông và dầu. Hãy chìm xuống tận đáy, này sữa đông và dầu!". Ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng, sữa đông ấy, dầu ấy, có do nhân cầu khẩn của đám quần chúng đông đảo ấy, do nhân tán dương, do nhân chấp tay đi cùng khắp của quần chúng đông đảo ấy nên bị chìm xuống, hay chìm sâu xuống, hay đi xuống tận đáy không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

Thế Tôn nói:

- Cũng vậy, này Thôn trưởng, có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ sống tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, không có tham, không có sân, theo chánh tri kiến. Rồi một quần chúng đông đảo, tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chấp tay đi cùng khắp và nói: "Mong rằng người này, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục!" Nhưng người ấy sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này.

Khi nghe nói vậy, thôn trưởng Asibandhakaputta bạch Thế Tôn:

- Thật là vi diệu, bạch Thế Tôn! Thật là vi diệu, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thế Tôn, con nay xin quy y Phật, Pháp và chúng Tăng. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

(Bản dịch HT.Thích Minh Châu)

Từ bài kinh nêu trên, có thể rút ra 4 trường hợp sau:

1. Người có giới đức thanh tịnh cầu nguyện cho người có tâm thức thanh tịnh

Đây là nguyên lý cộng hưởng những năng lượng vi diệu.

- Một bên là công năng chuyển hóa toàn diện của các bậc tu hành, đầy đủ giới-định-huệ, chuyển hóa sạch tập khí, lậu hoặc, v.v... Bản tâm sáng rõ như trời quang mây tạnh, nên đủ sức chiếu soi các nơi tăm tối.

- Một bên là tâm thức thiết tha hướng về cõi sáng, đó là nguyện lực của các bậc thiện tri thức, Bồ-tát, chư Phật trong mười phương. Do thành tâm quy nguyện nhiệt thành như vậy nên các tập khí, tam độc không bị dính mắc vào. Nhờ vậy, nên tạo được năng lực tương tác, cộng hưởng, giao thoa giữa thức thanh tịnh. Nên tác dụng của việc cầu siêu chắc chắn được thành tựu. Đây cũng là nguyên lý

của việc cầu siêu độ trong đạo Phật.

Ví dụ:

- Ngài Xá Lợi Phất cầu nguyện cho trưởng giả Cấp Cô Độc.

- Đức Phật cầu nguyện cho vua cha Tịnh Phạn.

2. Người có giới đức thanh tịnh cầu nguyện cho người có tâm thức không thanh tịnh

- Đó là những chúng sinh đã bị tập khí phiền não sai sử trong suốt thời gian khi còn sống. Khi lâm chung bị rơi vào các cảnh giới tối tăm để trả nghiệp.

Ví dụ như trường hợp của ngài Mục Kiền Liên cầu nguyện cho mẹ là Thanh Đề.

Trong trường hợp này, phải cần đến năng lực thanh tịnh của những người có giới đức rất lớn, mới đủ sức tương tác, chuyển hóa phần tâm thức nhiễm ô do tập khí nhiều đời của người đã tạo nghiệp. Nên Đức Phật dạy Mục Kiền Liên phải nhờ đến công phu tu tập giới-định-huệ của chư Tăng trong mười phương mới cứu được người thân.

3. Người có giới đức không thanh tịnh cầu nguyện cho người có tâm thức thanh tịnh

Ví dụ trường hợp của Đề Bà Đạt Đa, vì muốn lấy lòng A Xà Thế, nên khi vua Tần Bà Sa La băng hà, Đề Bà Đạt Đa đến thăm và cầu nguyện, nhưng chỉ là hình thức chứ không có kết quả gì. Vì lúc đó Đề Bà Đạt Đa thì đầy tham vọng nên tâm hoàn toàn bị nhiễm ô, còn vua Tần Bà Sa La sau khi thấy được ác tâm của con mình là A Xà Thế nên đã có sự chuyển tâm, nhân đó Đức Phật mới chỉ cho nghiệp báo tử nhiều đời trước. Vua Tần Bà Sa La từ đó càng chuyên tâm hướng về Tam bảo. Nên sự cầu nguyện lúc này của Đề Bà Đạt Đa chỉ là hình thức để tranh thủ A Xà Thế, còn kết quả tốt đẹp chính là do sự chuyển hóa tâm thức mạnh mẽ lúc cận tử của vua Tần Bà Sa La.

4. Người có giới đức không thanh tịnh cầu nguyện cho người có tâm thức không thanh tịnh

Đây là trường hợp như trong câu chuyện "Bơ và những viên đá cuội" được rút ra từ *Tương ưng bộ kinh* (Samyutta Nikāya), phẩm Tương ưng thôn trưởng, có tên Người đất phương Tây hay người đã chết (S.iv,311)

Trong kinh, người đứng ra cầu nguyện là các vị tư tế Bà-la-môn, "...trú đất phương Tây, mang theo bình nước, đeo vòng hoa huệ (sevāla), nhờ nước được thanh tịnh..."; hoặc là "Những người thờ lửa". Như vậy chúng ta biết những vị này có pháp tu là nhờ nước hoặc nhờ lửa mà được thanh tịnh, chứ không phải là sự chuyển hóa tâm khỏi các độc tham-sân-si. Và đoạn kinh sau cho thấy rõ phương thức cầu nguyện của những người này: "...Rồi một quần chúng đông đảo, tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chấp tay đi cùng khắp và nói...".

Người đứng ra cầu nguyện chưa có đủ giới đức thanh tịnh, và phương thức cầu nguyện cũng chưa đạt đến mức thành tâm của số đông. Còn đối tượng được cầu nguyện, theo trong kinh thì: "...Ở đây, một người sát sanh, lấy của không cho, sống theo tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham lam, sân hận, theo tà kiến".

Trong trường hợp này, cả người đứng ra cầu nguyện đều có tâm thức nặng nề chưa được chuyển hóa thanh tịnh, và đối tượng được nhằm đến cũng đầy những nghiệp quá nặng, thì làm sao sự cầu nguyện có hiệu lực được. Nên Đức Phật trả lời vị thôn trưởng bằng đưa ra ví dụ về tảng đá: "Có người lấy một tảng đá lớn ném xuống một hồ nước sâu. Rồi một quần chúng đông đảo, tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chấp tay đi cùng khắp và nói rằng: 'Hãy đứng lên, tảng đá lớn! Hãy nổi lên, tảng đá lớn! Hãy trôi vào bờ, này tảng đá lớn!' Ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng, tảng đá lớn ấy do nhân cầu khẩn của đại quần chúng ấy, hay do nhân tán dương, hay do nhân chấp tay đi cùng khắp, có thể trôi lên, hay nổi lên, hay trôi dạt vào bờ không?"

Tảng đá được ví như nghiệp dữ mà người kia đã tạo. Nghiệp ác thì phải trả quả báo tương ứng, như viên đá nặng thì phải chìm xuống. Nhưng nghiệp của con người thì có thể chuyển hóa được một khi thức tỉnh. Do một yếu tố nhân duyên nào đó, khi tâm thức con người được tác động vào, có được nhận thức, liền có sự thay đổi, thì được gọi là chuyển nghiệp. Yếu tố tác động này chính là giới đức thanh tịnh của người đứng ra cầu nguyện. Nếu thiếu yếu tố này, như những vị Bà-la-môn nêu trên, và thế nên chính đương sự cũng chẳng có sự tác động nào để được chuyển hóa, thì kết quả chẳng tốt đẹp gì, như trong kinh:

"- Cũng vậy, này thôn trưởng, người nào sát sanh, lấy của không cho, sống theo tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham lam, sân hận, theo tà kiến. Rồi một quần chúng đông đảo, tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chấp tay đi cùng khắp và nói rằng: 'Mong người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này!'. Nhưng người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục."

Đoạn sau Đức Phật đưa ra ví dụ về sữa đông (sappi) hay dầu:

"... Này thôn trưởng, có người nhận chìm một ghè sữa đông (sappi) hay một ghè dầu vào trong một hồ nước sâu rồi đập bể ghè ấy. Ở đây, ghè ấy trở thành từng miếng vụn, hay từng mảnh vụn và chìm xuống nước. Còn sữa đông hay dầu thì nổi lên trên. Rồi một quần chúng đông đảo, tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chấp tay đi cùng

khắp và nói: 'Hãy chìm xuống, này sữa đông và dầu! Hãy chìm sâu xuống, này sữa đông và dầu. Hãy chìm xuống tận đáy, này sữa đông và dầu!...'"

Ví dụ về sữa đông (sappi) hay dầu trong đoạn kinh này là chỉ cho đối tượng được cầu nguyện có tâm thức thanh tịnh, và người đứng ra cầu nguyện vẫn là hàng Bà-la-môn, "... trú đất phương Tây, mang theo bình nước, đeo vòng hoa huệ (sevāla), nhờ nước được thanh tịnh..."; hoặc là "Những người thờ lửa". Đó là "Người có giới đức không thanh tịnh cầu nguyện cho người có tâm thức thanh tịnh", thuộc trường hợp thứ 3 đã nêu trên, nên kết quả hiệu lực cầu nguyện sẽ không đạt được. Đức Phật dạy tiếp:

"- Ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng, sữa đông ấy, dầu ấy, có do nhân cầu khẩn của đám quần chúng đông đảo ấy, do nhân tán dương, do nhân chấp tay đi cùng khắp của quần chúng đông đảo ấy nên bị chìm xuống, hay chìm sâu xuống, hay đi xuống tận đáy không?"

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

Thế Tôn nói:

- Cũng vậy, này thôn trưởng, có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ sống tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, không có tham, không có sân, theo chánh tri kiến. Rồi một quần chúng đông đảo, tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chấp tay đi cùng khắp và nói: 'Mong rằng người này, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục!'. Nhưng người ấy sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này".

Qua đây, chúng ta thấy, sữa và dầu không chìm xuống đáy hồ được là do nguyên tắc vật lý. Còn người thiện lành, không thể do cầu nguyện của các tư tế Bà-la-môn mà phải bị rơi vào đọa xứ được. Đức Phật chỉ cho chúng ta thấy nghiệp, hay sự chuyển hóa tâm thức để thanh tịnh nghiệp, quyết định cho sanh xứ của những người này.

Rồi Đức Phật kết luận: "- Cũng vậy, này thôn trưởng, có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ sống tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, không có tham, không có sân, theo chánh tri kiến. Rồi một quần chúng đông đảo, tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chấp tay đi cùng khắp và nói: 'Mong rằng người này, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục!'. Nhưng người ấy sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này".

Đối tượng được cầu nguyện đã chuyển hóa tâm thức thành những hành nghiệp thanh tịnh rồi, thì "...Người ấy sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời



này". Huống gì người đứng ra cầu nguyện lại là những vị có đầy đủ giới đức, đã chuyển hóa phiền não, nhiễm ô được thanh tịnh, cùng với tâm nguyện từ bi thương xót chúng sinh đang chịu khổ (trường hợp 1). Với nguyện lực vi diệu từ Bồ-đề tâm, và sự thức tỉnh của đối tượng được nhằm đến, hai nguyện lực tác động tương ứng, thì việc cầu nguyện chắc chắn có hiệu quả.

Nhân đây chúng ta hãy xem xét thêm một đoạn trong kinh *Mi Tiên vấn đáp* nói về *Tương quan phước và tội* (số 71, bản dịch HT. Giới Nghiêm):

Đức vua hỏi:

- Trong hàng ngũ Sa-môn của Đại đức, có người thuyết rằng, có kẻ trọn đời làm ác nhưng đến khi lâm tử, họ tưởng nghĩ đến Phật, ân đức hoặc tướng hảo quang minh sáng chói của Ngài thì có thể sanh lên cõi trời. Điều ấy thật khó tin! Lại nữa, các vị ấy còn thuyết rằng, người nào đã lỡ tạo nghiệp sát sanh, không cần phải nhiều lần, dù chỉ một lần, người ấy phải bị đọa địa ngục chẳng sai. Điều ấy lại càng không thể tin được!

- Tâu Đại vương! Đại vương nghĩ thế nào, nếu có người ném một viên đá nhỏ độ bằng hạt bắp hay hạt tiêu xuống mặt nước, viên đá ấy sẽ nổi hay chìm?

- Chắc chắn phải chìm.

- Nếu có một người chắt vài trăm viên đá lớn vào một chiếc ghe rất to, có sức chở rất lớn - thì vài trăm viên đá ấy có chìm không, Đại vương?

- Thưa không.

- Cũng vậy là tội và phước cùng sự tương quan giữa phước và tội, tâu Đại vương! Một viên đá dù bé như hạt tiêu nó vẫn bị chìm xuống nước. Tương tự vậy, có người làm việc ác, dù chỉ một lần, như giết sanh mạng loài hữu tình; thì ác nghiệp ấy có sức nặng đưa chúng sanh đầu thai vào các cảnh giới đau khổ như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la. Vài trăm viên đá lớn mà không chìm là nhờ có ghe lớn chở. Cũng giống thế, một người làm việc ác trọn đời nhưng nhờ tưởng nghĩ đến ân

đức của Phật, tâm người ấy trú vững chắc và hoan hỷ ở trong ân đức ấy; nhờ vậy, chính nhờ thiện tâm nâng đỡ-như chiếc ghe lớn-người ấy được sanh thiên cũng là điều hiển nhiên thôi.

- Trẫm đã hiểu.

- Lại nữa, ác nghiệp nặng thường đưa chúng sanh đi xuống, thiện nghiệp nhẹ thường đưa chúng sanh đi lên. Tuy nhiên, nếu đã lỡ tạo ác nghiệp rồi thì phải siêng năng, tinh tấn làm việc lành; chính nhờ việc lành, nhờ thiện nghiệp, nó có khả năng nâng đỡ cho tất cả chúng sanh. Tuy nhiên, Đức Thế Tôn còn dạy rằng: "Ghe, thuyền hằng chuyên chở đồ đạc qua sông lớn, qua biển lớn; nhưng nếu ghe, thuyền ấy chở quá mức độ cho phép, ghe thuyền ấy sẽ bị chìm. Cũng vậy, thiện nghiệp nâng đỡ ác nghiệp, nhưng nếu ác nghiệp quá nặng, thiện nghiệp cũng sẽ bị chìm theo! Lại nữa, ghe thuyền ấy phải được vững chắc, kiên cố không bị rò rỉ; nếu bị rò rỉ, thấm nước thì phải tát cạn, phải bịt chặt các lỗ rò rỉ đi. Cũng vậy, đừng để ác nghiệp xen vào, nếu ác nghiệp đã rò rỉ vào tâm thì phải bịt chặt lại, tát cạn lần hồi ác nghiệp ấy đi. Nhờ vậy ghe, thuyền thiện pháp kia sẽ đến được bến bờ an vui nhất định []."*

Kinh *Mi Tiên vấn đáp* (Milindapañhā), là một bộ kinh rất có giá trị trong Phật học, phần ảnh hưởng đủ tinh yếu giáo lý Nguyên thủy. Đặc sắc của kinh chính là ở những ví dụ rất khéo lý và khéo cơ mà Na Tiên Tỳ-kheo đã khéo sử dụng để làm sáng tỏ các chủ điểm giáo lý căn bản của Phật giáo Nguyên thủy. Bản kinh hiện đang lưu hành được kết tập vào khoảng thế kỷ I hoặc II TL, giai đoạn thịnh hành của Nhất thiết hữu bộ (Sarvāstivādin).

Bản tiếng Hán có nhan đề *Na Tiên Tỳ-kheo kinh*, xuất hiện vào khoảng đời Đông Tấn (317-420). Milindapañhā được gọi là kinh, vì được kết tập trong tạng Pāli vào Tiểu bộ kinh (Khuddaka Nikāya). Nhưng xét theo văn từ, quyển này vốn là một bộ luận. Các luận sư Nhất thiết hữu bộ có khuynh hướng trình bày tư tưởng chuyển tiếp giữa Tiểu thừa và Đại thừa, và kinh Na Tiên Tỳ-kheo mặc dù tuyệt đối trung thành với giáo pháp Nguyên thủy, nhưng có nhiều khía cạnh đã mạnh mẽ những điểm tế nhị ảo diệu của tư tưởng Đại thừa. Đoạn kinh về *Tương quan phước và tội* trên chính là một sự điều chỉnh và giải thích hệ tư tưởng Nikāya trên quan điểm học thuật bộ phái của mình.

Nên khi xét đến vấn đề hiệu lực của cầu nguyện, chúng ta phải xét đầy đủ trên các mối tương quan này.

Thích Nhuận Châu

(*) Kinh *Mi Tiên vấn đáp* (Milindapañhā), Hòa thượng Giới Nghiêm dịch, Tỳ-kheo Giới Đức hiệu đính, ấn bản 2003.

NÓI VỀ CÁI CHẾT

Nào ta hãy nói về cái chết
hãy nhẹ nhàng và thận trọng
đừng làm đau lần nữa những vết thương
từ lâu đã chất chứa trong lòng ngực

Hãy nói về những bông hồng không bao giờ nở
về những quán trọ đồ nát thiếu vắng tình yêu
về tiếng chuông đặc quánh trong những buổi
chiều sương
những sân bay nơi thế giới trở nên đui mù
trên hàng thông mùa xuân đang say ngủ
trong óc kẻ ngu tình yêu đương xây tổ.

Hãy nói về những chuyến tàu đến và đi trong đêm
về tiếng rền inh ỏi của phi cơ trên biển máu
tiếng thét hoang dại của thiếu phụ mất chồng
tiếng khóc của trẻ thơ bị cướp đi bầu sữa
tiếng la hét của đàn ông vừa mất vợ
tiếng bom rơi vỡ nát trên đầu
tiếng đạn khô đục xuyên qua trán
tiếng thở dài trầm đục trong sương sớm
tiếng súc vật kêu trong mưa
tiếng mẹ nguyện cầu trong bếp
tiếng cha khóc trong mộ
tiếng anh em gọi nhau trên cầu.

Những tiếng đó trào ra từ miệng tôi
mỗi khi tôi cất giọng nói
những tiếng đó siết chặt lòng ngực tôi
mỗi khi tôi thở dài trong một môi.

Nhưng ta sẽ trở lại sự lãng mạn ban đầu
khi dòng suối đục ngầu bởi một chiếc lá

kẻ xa lạ vừa băng qua cánh sa mạc già
hạt máu đen trên cổ con thiên nga
và bông sen trên bàn tay đối đáp.

Vào mỗi buổi chiều
không thần thánh
không vinh quang
trong hoàng hôn của loài người
khi bóng tối lao tới cắn xé ánh ngày
một lần nữa ta hãy nắm chặt tay
đối diện với sự thật!

RỜI SẼ ĐẾN MỘT NGÀY

Người vợ quên đi người chồng đã mất, bà chỉ
còn nước mắt
kẻ cắp quên đi nỗi nhục, hắn chỉ còn cơn giận
sôi sục
người già quên đi chiến tranh, họ chỉ còn
nghèo đói
đàn bà quên đi thời thanh xuân, họ chỉ còn cái
bóng quạnh hiu

Trẻ con quên đi dòng sông, chúng chỉ còn nỗi
hoài mong
người chết quên đi cuộc sống, họ chỉ còn lại
trong trí nhớ
triết gia quên đi câu hỏi, ông còn lại một mình
với ngọn đèn chong
thi sĩ quên đi bài thơ, hắn chỉ còn nhịp điệu
thôn thục trong lòng

Đất nước quên đi Tự Do – nó chỉ còn cái chết
và sự hủy diệt âm thầm từng bước đi lên



PHÁP HOAN

TRỞ VỀ MỤC LỤC



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
CỘNG ĐỒNG PHẬT GIÁO VIỆT NAM CALIFORNIA
Vietnamese Buddhist Community of California

BAN TỔ CHỨC ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN PL 2564-Buddha's Birthday Festival-Buddhist Year 2564
4717 W. First St., Santa Ana, CA 92703 Tel.: (714) 878-3739 (408) 644-0639

THƯ MỜI CHỨNG MINH VÀ THAM DỰ ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN PHẬT LỊCH 2564 - 2020

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

- Kính bạch chư tôn Hòa thượng, chư Thượng tọa, Đại đức Tăng, Ni,
- Kính thưa quý thiện hữu tri thức, quý hội đoàn, quý cơ quan truyền thanh, truyền hình, báo chí,
- Kính thưa quý anh chị huynh trưởng, đoàn sinh Gia đình Phật tử,
- Kính thưa quý đồng hương, Phật tử,

Cách đây 2564 năm trước, Đức Thế Tôn đã thị hiện vào đời và mang đến cho nhân loại một gia tài "Tri kiến Phật" vô giá. Để kỷ niệm ngày thiêng liêng trọng đại của một Bậc Giác Ngộ, Giáo Hội Phật Giáo Thống Nhất Hoa Kỳ thành kính tổ chức Đại Lễ Phật Đản chung PL. 2564 – DL. 2020 vào:

THỨ BẢY, CHỦ NHẬT NGÀY 18 VÀ 19 THÁNG 04 NĂM 2020
TẠI GARDEN GROVE PARK
9301 WESTMINSTER BLVD, GARDEN GROVE, CA 92844

Chương trình Đại lễ gồm có: Thuyết pháp, Trai Tăng, Văn nghệ, Ẩm thực và rất nhiều tiết mục phong phú khác.

Chúng con thành kính cung thỉnh chư Tôn đức trên khắp các tiểu bang Hoa Kỳ và các châu lục từ bi hoan hỷ chấn tích quang lâm chứng minh và tham dự Đại lễ.

Chúng tôi chân thành kính mời quý huynh trưởng, đoàn sinh Gia đình Phật tử khắp nơi về tham dự và chung tay gánh vác Phật sự cùng Giáo hội.

Chúng tôi trân trọng kính mời quý vị lãnh đạo các tôn giáo bạn, quý thiện hữu tri thức, quý viên chức chính quyền, quý hội đoàn, quý cơ quan truyền thanh, truyền hình, báo chí và quý đồng hương, Phật tử sắp xếp thời gian về tham dự Đại lễ Phật đản chung để cùng đốt nén hương lòng dâng lên cúng dường Đức Từ Phụ.

Nhất tâm cầu nguyện toàn thể chư vị một mùa Phật đản hỉ lạc vô biên, cát tường như ý!

Chi phiếu cúng dường hoặc bảo trợ
Xin để "Đại Lễ Phật Đản" và gửi về địa chỉ:
4717 W. First St., Santa Ana, CA 92703

Mọi chi tiết xin liên lạc: Trưởng ban tổ chức:
Thích Thiện Long (408) 644 – 0639
Trưởng ban điều hợp:
Huỳnh Tấn Lê (714) 878 – 3739
Hoặc email về: phatdangiaohoi2020@gmail.com

California, ngày 10 tháng 01 năm 2020
T.M Ban Tổ Chức Đại Lễ Phật Đản
Trưởng Ban



Tỳ-kheo Thích Thiện Long

PHẬT TỬ ĐỐI TRỊ DỊCH BỆNH

Nguyễn Giác

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Bài này được viết để trả lời một câu hỏi, rằng Phật Tử có cách nào để đối trị dịch bệnh?

Câu hỏi này đặc biệt được quan tâm trong tình hình hiện nay, trong khi chuyên gia WHO cảnh báo có thể sẽ tới cao điểm là 2/3 nhân loại nhiễm vi khuẩn COVID-19. Nghĩa là sẽ chết rất nhiều, không đếm nổi. Tính tới trưa Thứ Sáu 14/2/2020, từ khi nhận diện bệnh này từ tháng 12/2019 tại Wuhan, Trung Quốc, đã có hơn 64,473 trường hợp nhiễm virus COVID-19 (tên cũ: coronavirus), trong đó 10,627 người bệnh trầm trọng (tỷ lệ 16%), với 1,384 người chết và 7,170 người hồi phục. Theo WHO, tỷ lệ người chết trên số người chết và hồi phục [current ratio of dead/(dead+recovered)] là 16.2%. Đa số trường hợp là ở Trung Quốc. Riêng Việt Nam đang cố lập một xã 10.000 người để cách ly, thử nghiệm và chữa trị các trường hợp dương tính.

Dịch bệnh lớn nhất và bao trùm hết là sinh tử luân hồi, như thế câu trả lời là Tứ Thánh Đế (Khổ, Tập, Diệt, Đạo), trong đó con đường thoát khổ là Bát Chánh Đạo nằm trong Đạo Đế. Khi đã có cách đối trị dịch bệnh lớn nhất, tất nhiên là cũng có cách đối trị các dịch bệnh ở tầm khu vực nhỏ hơn.

Dịch bệnh là từ nghiệp sinh ra, do vậy nếu thuận theo pháp đế tu, sẽ hy vọng từ từ giải được nghiệp. Trường hợp tu tập mà không thoát được nghiệp, để sẽ phải ra đi vì dịch bệnh, cũng sẽ được tâm xả ly thanh thản, thuận pháp.

Kinh Phật kể về nhiều trường hợp cần tự bảo vệ chính mình. Trong đó có thể liệt kê các trường hợp được bảo vệ là nhờ: **Quy y, Thọ giới, Nghe Kinh (Học Pháp), Làm Việc Thiện, Tu Tâm Từ, Tu Niệm Xứ, Niệm Pháp Ân Vô Thường**. Ghi nhận rằng cả nhóm pháp tu vừa dẫn đều là tự dựa vào chính mình, biết sám hối và biết tu. Tuy nhiên cũng có trường hợp tha lực trong Kinh Phật, dựa vào oai lực nghiêm trì giới luật và hạnh nói thật của vị thánh tăng: khi một thai phụ gặp sản nạn được ngài Angulimala cứu cho mẹ tròn con vuông.

Trước tiên, QUY Y là tự bảo vệ chính mình. Kinh SN 2.10 kể về trường hợp một vị thiên, tên là Suriya, bị vua A Tu La bắt giam. Thiên tử Suriya mới tưởng niệm Đức Thế Tôn, nói lên bài kệ niệm lời Quy y (có lẽ, Thiên tử

Suriya trước đó đã quy y Phật rồi, khi gặp nạn mới tụng lại kệ quy y, nhưng cũng có thể lần đầu tụng lời Quy y; chỗ này kinh không nói rõ). Đức Phật mới nói với vua A Tu La rằng hãy trả tự do cho Suriya, vì vị Thiên này bây giờ là Phật Tử rồi. Vua A Tu La mới trả tự do cho vị Thiên Suriya, và nói bài kệ rằng nếu vua không trả tự do cho Suriya thì đầu vua "sẽ bể thành bảy" phần khác nhau.

Như vậy, chúng ta không biết chắc rằng Quy y có ảnh hưởng gì tới dịch bệnh không, nhưng chắc chắn là có oai lực đối với giới phi nhân ở cõi chúng ta không thấy bằng mắt trần được. Tốt nhất là, hãy mời gọi nhau Quy y, đưa hết cả nhà Quy y Phật, Quy y Pháp, Quy y Tăng. Kinh SN 2.10 nói về oai lực Quy Y, bản dịch HT Thích Minh Châu có link ở Ghi chú số (1).

Trường hợp đặc biệt kể lại trong kinh điển: một tên trộm chỉ nghe Đức Phật giảng kinh, là đặc quả Dự Lưu. Đó là trong tích truyện về bài Kệ 63 trong Kinh Pháp Cú.

Bài Kệ 63 với bản dịch của HT Minh Châu như sau.

63. *"Người ngu nghĩ mình ngu, Nhờ vậy thành có trí. Người ngu tưởng có trí, Thật xứng gọi chí ngu."*

Tích truyện kể rằng có 2 tên trộm đi cùng một nhóm cư sĩ Phật tử tới tu viện Jetavana, nơi Đức Phật đang giảng kinh. Một trong 2 tên trộm chú ý nghe kinh, và đặc quả Dự Lưu. Trong khi đó, tên trộm thứ nhì trộm tiền từ một trong các cư sĩ. Sau bài kinh, hai chàng trộm trở về nhà của kẻ trộm thứ nhì, người mới trộm được tiền. Vợ của kẻ trộm thứ nhì mới nói giỡn với kẻ trộm thứ nhất: "Anh trí tuệ quá, không có gì để nấu trong nhà của anh đâu." Nghe thế, kẻ trộm thứ nhất tự nghĩ, "Chị này ngu tới nỗi chị nghĩ rằng chị rất khôn ngoan." Thế rồi cùng với một số thân nhân, kẻ thứ nhất tới gặp Đức Phật, kể lại. Đức Phật mới đọc bài Kệ 63 nêu trên. Thế rồi tất cả thân nhân của kẻ thứ nhất cùng chứng quả Dự Lưu.

Nghĩa là, nghiệp nặng như kẻ trộm, khi chăm chú Nghe Kinh, cũng có cơ may chứng quả thánh. Thời này, chúng ta có rất nhiều cơ hội nghe kinh giảng trên YouTube, đọc kinh qua các trang web, và bất kể nghiệp lực nặng nhẹ thế nào, hễ chúng ta nghe kinh nếu không

dám nói là sẽ chứng quả thì cũng được phần nào giải nghiệp.

Giữ Giới và Làm Việc Thiện cũng là một cách để phòng ngừa các bất trắc của đời. Như tích truyện Kinh Pháp Cú về bài Kệ 30, ghi lời Đức Phật trong Kinh Sakkapanha Suttanta dạy về trường hợp Sakka, Vua của các cõi trời. Trong một kiếp trước của Sakka là một chàng trai tên Magha, cư dân làng Macala. Chàng Magha và 32 người phụ tá của chàng đã xây đường lộ và các nhà cửa cho người cần nghỉ ngơi. Chàng Magha giữ 7 lời nguyện trong suốt đời: (1) hiếu dưỡng ba mẹ của chàng; (2) tôn trọng người trưởng thành, người già; (3) nói lời tử ái; (4) không nói xấu hay dè bieu người khác; (5) rộng rãi bố thí; (6) chỉ nói sự thật; và (7) sẽ tự chế, tránh nổi giận.

Sau đó, Đức Phật nói bài Kệ 30, bản dịch của HT Minh Châu là:

30. *"Để Thích không phóng dật, Đạt ngôi vị Thiên chủ. Không phóng dật, được khen; Phóng dật, thường bị trách."*

Nhờ giữ 7 lời nguyện như thế, Magha tái sinh làm Vua Trời Sakka. Khi chàng trai Mahali nghe Đức Phật kể chuyện Sakka xong, liền đắc quả Dự Lưu.

Như thế, chúng ta cũng thấy rằng, Giữ Giới và Làm Việc Thiện Pháp sẽ mang tới quả tốt. Chúng ta không biết chắc dịch bệnh khi lây tới 2/3 nhân loại sẽ xóa sổ bao nhiêu triệu người, nhưng điều nên chuẩn bị bây giờ nên là hãy mời gọi cả nhà, cả xóm rủ nhau: Quy Y, Thọ Giới, Làm Việc Thiện Pháp, và Nghe Kinh (học Pháp).

Trường hợp hy hữu là nhờ oai lực của Thánh Tăng. Đó là trường hợp ngài Angulimala. Nguyên là chàng trai thông minh ở thành Savatthi, ban đầu được Thầy ưa chuộng vì giỏi, nhưng các bạn học ghen tỵ, mới làm cho Thầy không vui với chàng. Nhằm loại bỏ Angulimala, vị Thầy ra lệnh chàng tìm 1.000 ngón tay người để hoàn tất học trình. Angulimala trở thành sát thủ, giết nhiều người để chặt ngón tay, làm nhiều ngôi làng bỏ chạy, di tản. Khi mẹ Angulimala can thiệp, bà cũng suýt bị Angulimala giết.

Lúc đó, Angulimala đã kiếm được 999 ngón tay của 999 nạn nhân, và mong muốn tìm người thứ 1.000. Khi đi tới rừng Kosala, Angulimala gặp lại mẹ, và được mẹ cho thức ăn. Suy nghĩ, Angulimala muốn giết bà làm nạn nhân thứ 1.000. Khi đó, Đức Phật bước tới, Angulimala mới rút kiếm rượt theo Đức Phật.

Nhưng chạy nhanh thế nào, Angulimala cũng không chạy theo kịp Đức Phật đang bước tử tôn. Thế rồi Angulimala gọi Đức Phật dừng lại. Đức Phật lúc đó mới nói rằng ngài đã ngừng từ lâu rồi, và Angulimala mới nên ngừng bây giờ. Angulimala hỏi thêm, và được Đức Phật thuyết pháp. Nghe pháp xong, Angulimala sám hối, xin xuất gia, và được nhận vào tu viện Jetavana. Thời gian sau, Angulimala gặp một thai phụ đang đau đớn vì sản nạn, khó sanh. Nhà sư Angulimala xúc động sâu thẳm cho kiếp người, nên tới Đức Phật hỏi xem có cách gì làm cô kia đỡ đau. Đức Phật bảo Angulimala tới gặp thai phụ kia và nói:

"Chị ơi, từ khi tôi được sinh ra, tôi nhớ rằng tôi không từng cố ý làm hại một sinh vật nào. Với sự thật [tôi nói đây] xin nguyện rằng chị bình an, và xin nguyện em bé chào đời bình an."

Angulimala nói rằng như thế không chính xác, và Đức Phật sửa câu văn lại:

"Chị ơi, từ khi tôi được sinh vào dòng Thánh, tôi nhớ rằng tôi không từng cố ý làm hại một sinh vật nào. Với sự thật [tôi nói đây] xin nguyện rằng chị bình an, và xin nguyện em bé chào đời bình an."

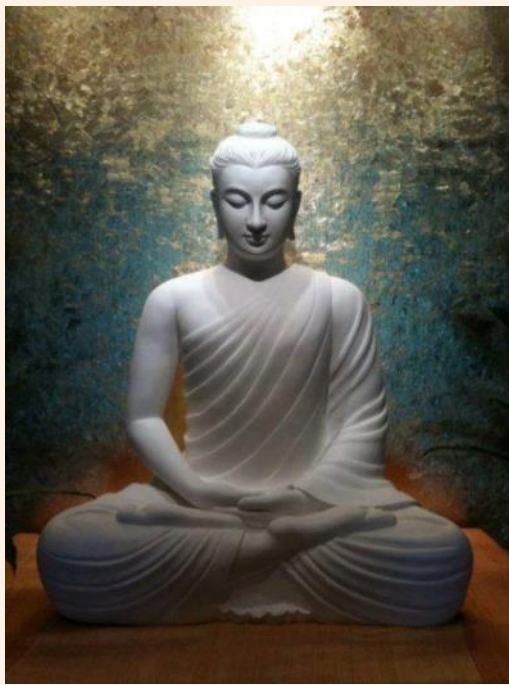
Sinh vào dòng Thánh có nghĩa là xuất gia. Từ khi thành một nhà sư, Angulimala không cố ý làm hại sinh vật nào. Sau khi Angulimala Tuyên Thuyết Sự Thật như thế, thai phụ sinh con an lành.

Như thế, oai lực nơi đây là vì ngài Angulimala **giữ Giới Bất Hại và Giới Nói Thật**. Như thế, giới có sức mạnh thần kỳ như thế. Dù vậy, chúng ta không chắc đã có cơ may gặp bậc Thánh tăng trong thời này. Nhưng hàng cư sĩ chúng ta biết chắc rằng, tự mình giữ giới – nếu không giữ trọn 5 giới, thì riêng giới bất hại và giới nói thực cũng sẽ có oai lực.

Trường hợp khác, Đức Phật dạy rằng tu pháp Niệm Xứ cũng sẽ được hộ trì. Kinh Tương Ưng Niệm Xứ SN 47.21 (Sadaka Sutta), trích bản dịch của HT Thích Minh Châu:

"Thế Tôn nói: Nay các Tỷ-kheo, như đệ tử Medakathàlikà đã nói với thầy của ông ấy: "Tôi sẽ hộ trì cho mình", tức là niệm xứ cần phải thực hành. Nay các Tỷ-kheo, "Chúng ta sẽ hộ trì người khác", tức là niệm xứ cần phải thực hành. Trong khi hộ trì cho mình, nay các Tỷ-kheo, là hộ trì người khác. Trong khi hộ trì người khác, là hộ trì cho mình."

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào trong khi hộ trì cho mình, là hộ trì người khác? Chính do sự thực hành (àsevanàya), do sự tu tập



(bhàvanàya), do sự làm cho sung mãn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, trong khi hộ trì cho mình, là hộ trì người khác.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào trong khi hộ trì người khác, là hộ trì cho mình? Chính do sự **kham nhẫn, do sự vô hại, do lòng từ, do lòng ai mãn**. Như vậy, này các Tỷ-kheo, trong khi hộ trì người khác, là hộ trì cho mình.

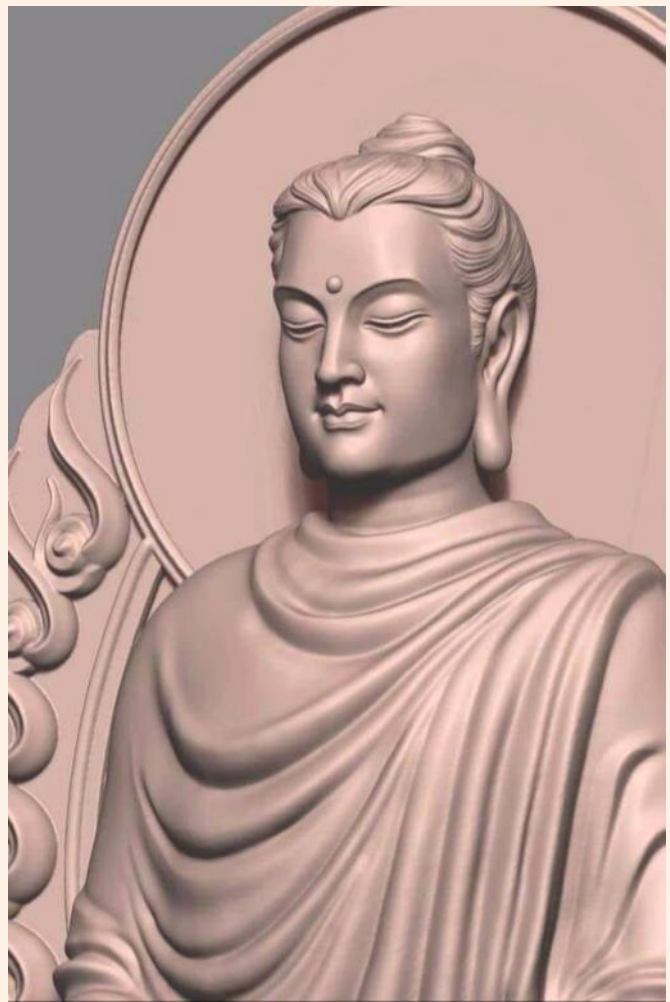
Này các Tỷ-kheo, "Tôi sẽ hộ trì cho mình", tức là niệm xứ cần phải thực hành. Này các Tỷ-kheo, "Tôi sẽ hộ trì người khác", tức là niệm xứ cần phải thực hành. Trong khi hộ trì cho mình, này các Tỷ-kheo, là hộ trì người khác. Trong khi hộ trì người khác, là hộ trì cho mình." (2)

Có nghĩa là, tu Niệm Xứ cũng là giữ tâm kham nhẫn, bất hại, từ và bi. Kinh này không nói rõ là tu Niệm Xứ nào. Có lẽ pháp thích nghi với đa số sẽ là Niệm Hơi Thở, tức là một phần Niệm Thân. Bạn cũng có thể kết hợp pháp Niệm Hơi Thở vào pháp Niệm Pháp Ấn Vô Thường như sau.

Hãy thở rất mực dịu dàng. Khi tỉnh thức niệm hơi thở, bạn cũng đang niệm tâm của bạn. Sau đó, bạn sẽ thấy tâm bạn trở thành một với hơi thở. Khi tỉnh thức niệm thân, bạn cũng đang niệm tâm bạn. Rồi bạn sẽ thấy thân và tâm là một. Nhìn vào tâm bạn, bạn thấy các niệm đến rồi đi, hết như sóng lên rồi xuống. Hơi thở bạn sẽ dịu dàng, vi tế hơn, và gần như biến mất; rồi bạn sẽ thấy thân và tâm hợp nhất và bình lặng. Khi bạn thở, hãy nhớ rằng không có ai đang thở. Hãy tự xem hơi thở phập phồng trong một nhúm thịt, xương, da, máu, chân, cánh tay, bàn tay, đầu và tóc – túi da này đang dịu dàng thở vào và ra. Thở trong cách này, bạn sẽ dễ dàng nhìn thấy ngay trong hơi thở các đặc tướng vô ngã, vô thường, bất như ý và rỗng không vô tự tánh.

Kinh nói rằng khi bạn thấy toàn thân ngập tràn an định trong hạnh phúc, toàn thân làn da như xoa bột tằm, lúc đó bạn đang vào sơ thiền; thêm nữa, trong kinh SN 36.11, Đức Phật nói rằng khi chứng được Thiền thứ nhất, lời nói được đoạn diệt, tịnh chỉ. Khi bạn thấy tâm không còn niệm nào, và toàn thân tâm an định ngập tràn trong tịch lặng hạnh phúc, là bạn đang vào nhị thiền; cũng trong kinh SN 36.11, Đức Phật nói rằng khi chứng được Thiền thứ nhì, tâm (đặt tâm vào) và tứ (dán tâm vào) được đoạn diệt, tịnh chỉ. Làm cách nào các niệm biến mất? Đừng ngăn chặn niệm; niệm sẽ tự biến mất khi bạn quan sát và thấy bản tánh rỗng không của nó. Nhiều kinh (như Trung Bộ Kinh MN 52, và MN 64) nói rằng từ sơ thiền hay từ nhị thiền, bạn có thể quan sát và cảm nhận ngọn gió vô thường đang trôi chảy xuyên khắp thân tâm bạn liên tục. Trong trạng thái này, bạn sẽ buông bỏ mọi thứ; tất cả lậu hoặc phiền não sẽ từ từ nhạt đi và biến mất. Đó là từ niệm hơi thở chuyển sang Niệm Pháp Ấn, hay Niệm Thực Tướng.

Nên ghi nhận rằng trong Kinh AN 9.20 (Kinh Velàma), Đức Phật dạy rằng tối thắng,



cao nhất, không gì vượt qua chính là niệm vô thường, thứ nhì là niệm từ bi. Ngay cả có ai dâng cúng bố thí tới Đức Phật và tất cả tăng chúng khắp thế giới cũng không so bằng. Do vậy, niệm Pháp Ấn Vô Thường là tối thắng. Kinh AN 9.20 bản dịch HT Thích Minh Châu, trích như sau:

"...có ai bố thí Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác... và có ai bố thí chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị cầm đầu, và có ai cho xây dựng một tinh xá cho chúng Tăng trong bốn phương... và có ai với tâm tịnh tín qui y Phật, Pháp và chúng Tăng... và có ai tâm tịnh tín chấp nhận học pháp, từ bỏ sát sanh... từ bỏ đắm say rượu men, rượu nấu... và có ai đầu chỉ trong một khoảnh khắc vắt sữa bò, tu tập từ tâm... và có ai đầu chỉ trong một khoảnh khắc búng ngón tay, tu tập tưởng vô thường, bố thí này quả lớn hơn bố thí kia." (3)

Trong các quốc gia theo Phật Giáo Nam Tông, có một số Kinh trong nhóm Tiểu Bộ thường được tụng tụng để làm Hộ Kinh (kinh bảo vệ cho người tụng). Trong nhóm kinh này, phổ biến nhất là Kinh Điềm Lành (Mangala Sutta) và Kinh Lòng Từ (Mettà Sutta). Nhóm kinh này, trong bản dịch của HT Minh Châu, có thể đọc ở link (4).

Trong nhóm kinh này, có lẽ không thích nghi với hàng cư sĩ là Kinh Châu Báu (Ratana Sutta), vì kinh này là thuyết linh, nói với các

chúng sinh vô hình, hàng phi nhơn. Và cư sĩ thường không đủ phước đức để nói với các vị phi nhơn. Tương tự, Kinh Ngoài Bức Tường (Tirokudda Sutta), chỉ thích nghi với tu sĩ, là để cúng cho naga quỳ.

Kinh Châu Báu có đoạn đầu là (viết theo văn xuôi): "1. Phàm ở tại đời này, Có sanh linh tụ hội, Hoặc trên cõi đất này, Hoặc chính giữa hư không, Mong rằng mọi sanh linh, Được đẹp ý vui lòng, Vậy, hãy nên cẩn thận, Lắng nghe lời dạy này."

Kinh Ngoài Bức Tường (Tirokudda Sutta) có đoạn đầu là: "1. Ở bên ngoài bức tường, Bọn họ đứng chờ đợi, Giao lộ, ngã ba đường, Trở về mái nhà xưa, Đợi chờ bên cạnh cổng."

Phổ biến nhất trong các giới Phật tử Hoa Kỳ là Kinh Metta Sutta, thường dịch là Kinh Từ Bi. Duyên khởi của Kinh Từ Bi là khi Đức Phật ngụ ở thành Savatthi, một nhóm 500 nhà sư nhận đê tài tu thiền, vào một cánh rừng nhập khóa hạ. Các vị thầy cây trong rừng không vui, mới quây phá để các sư đi nơi khác. Các sư phiền não, trình với Đức Phật, và được dạy trì tụng Kinh Từ Bi để gửi tâm từ tới các thần cây, và khu rừng trở nên an ổn. Sau ba tháng an cư này, 500 thầy tỳ kheo đặc quả. Kinh này từ đó về sau, được dùng làm Hộ Kinh.

Sau đây là bản văn Thầy Nhất Hạnh dịch Kinh Từ Bi (Metta Sutta):

"Những ai muốn đạt tới an lạc thường nên học hạnh thẳng thắn, khiêm cung, biết xử dụng ngôn ngữ tử ái. Những kẻ ấy biết sống đơn giản mà hạnh phúc, nếp sống từ hòa, điềm đạm, ít ham muốn, không đua đòi theo đám đông. Những kẻ ấy sẽ không làm bất cứ một điều gì mà các bậc thức giả có thể chế cười.

Và đây là điều họ luôn luôn tâm niệm:

Nguyện cho mọi người và mọi loài được sống trong an toàn và hạnh phúc, tâm tư hiền hậu và thanh thoi.

Nguyện cho tất cả các loài sinh vật trên trái đất đều được sống an lành, những loài yếu, những loài mạnh, những loài cao, những loài thấp, những loài lớn, những loài nhỏ, những loài ta có thể nhìn thấy, những loài ta không thể nhìn thấy, những loài ở gần, những loài ở xa, những loài đã sinh và những loài sắp sinh.

Nguyện cho đừng loài nào sát hại loài nào, đừng ai coi nhẹ tính mạng của ai, đừng ai vì giận hờn hoặc ác tâm mà mong cho ai bị đau khổ và khốn đốn.

Như một bà mẹ đang đem thân mạng mình che chở cho đứa con duy nhất, chúng ta hãy đem lòng từ bi mà đối xử với tất cả mọi loài.

Ta hãy đem lòng từ bi không giới hạn của ta mà bao trùm cả thế gian và muôn loài, từ trên xuống dưới, từ trái sang phải, lòng từ bi không bị bất cứ gì làm ngăn cách, tâm ta không còn vương vấn một chút hờn oán hoặc căm thù. Bất cứ lúc nào, khi đi, khi đứng, khi ngồi, khi nằm, miễn là còn thức, ta nguyện duy trì trong ta chánh niệm từ bi. Nếp sống từ bi là



SÔNG TỈNH THỨC

*Tâm bình vạn pháp tựa mây trôi,
Tự tại an nhiên sống giữa đời.
Có chấp không nghe lời phải trái,
Đam mê phải chịu tiếng chê cười.*

*Vô minh mù quáng nên lầm lỗi,
Tỉnh thức nhìn xa rõ cạn vơi.
Cách sống làm sao cho thoải mái,
Lợi mình ích bạn sẽ thăng hoa.*

thơ NGUYỄN NGỘ

nếp sống cao đẹp nhất.

Không lạc vào tà kiến, loại dẫn ham muốn, sống nếp sống lành mạnh và đạt thành trí giác, hành giả sẽ chắc chắn vượt thoát khỏi tử sinh." (5)

Tóm lại, trong thời dịch bệnh đang có cơ nguy sẽ lây tới 2/3 nhân loại, người Phật tử nên khẩn cấp khuyến tấn cả gia đình Quy y, Thọ giới, Nghe kinh, Làm việc thiện, Tu niệm xứ, Tu hạnh Từ Bi, Niệm Pháp ấn Vô Thường. Chúng ta không thể biết rằng nghiệp lực sẽ dẫn chúng ta, gia đình và dân tộc tới đâu, nhưng nên thấy rằng nếu dịch bệnh này làm kiệt sức toàn dân là có thể gặp cơ nguy mất nước, và cả cơ nguy Đạo Phật bị xóa sổ tại quê nhà.

GHI CHÚ:

(1) Kinh SN 2.10: https://suttacentral.net/sn2.10/vi/minh_chau

(2) Kinh SN 47.21: https://suttacentral.net/sn47.21/vi/minh_chau

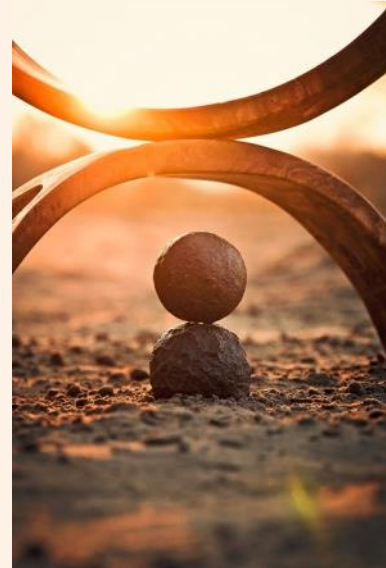
(3) Kinh AN 9.20: https://suttacentral.net/an9.20/vi/minh_chau

(4) Kinh Tiểu Tụng: <https://thuvienhoasen.org/p15a1271/kinh-tieu-tung-viet-anh>

(5) Kinh Từ Bi: <https://thuvienhoasen.org/a10456/kinh-tu-bi-metta-sutta>

CUỘC SỐNG CHÍNH LÀ HIỆN TẠI

Nguyễn Minh Tiến



ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Nếu có một lúc nào đó bạn thử dành đôi chút thời gian để nhìn lại những suy nghĩ của chính mình trong một ngày, bạn sẽ thấy ra được nhiều điều rất thú vị.

Hầu hết những gì bạn suy nghĩ dường như đều hướng về tương lai hoặc quay lại quá khứ. Có rất ít những suy nghĩ được dành cho hiện tại, trừ khi bạn là người đã có thực hành nếp sống tỉnh thức.

Tư tưởng của chúng ta có thói quen bị cuốn hút trở về những gì đã trôi qua mà chúng ta cho là tốt đẹp hơn hiện nay; hoặc là mơ mộng vươn đến tương lai với những viễn ảnh mà ta hy vọng là sẽ vượt xa hiện tại. Những tư tưởng này làm cho ta thấy thích thú, và nhất là nó giúp ta tránh né không phải đối mặt với những khó khăn đang xảy ra trong hiện tại. Vì thế, chúng ta không lấy làm lạ khi mỗi lần gặp nhiều khó khăn thì dường như người ta lại càng hay nghĩ nhiều về quá khứ.

Những điều chúng ta mang nặng trong lòng nhiều nhất thường cũng là những điều đã qua. Có những việc trôi qua hàng đôi ba mươi năm, nhưng mỗi khi gặp điều gì nhắc đến, ta lại nhớ về nó như mới xảy ra hôm nào.

Những lo toan, tính toán của chúng ta thì chắc chắn là hoàn toàn rơi vào tương lai. Những dự định, mong muốn... tất cả đều hoàn toàn chưa có mặt trong hiện tại.

Và chúng ta tồn tại, sinh hoạt một cách tự nhiên nhờ vào những tư tưởng quay về quá khứ hoặc hướng đến tương lai đại loại như thế. Điều đó không có gì sai trái. Quá khứ đã trải qua cho chúng ta kinh nghiệm, và phần lớn xã hội loài người được tổ chức tốt nhờ vào kinh nghiệm. Tương lai cho ta hy vọng, nhờ vào hy vọng ta có được sức mạnh thúc đẩy để vượt qua khó khăn hôm nay. Tuy nhiên, điều quan trọng ở đây là chúng ta thường lầm lẫn giữa mục đích và phương tiện. Kinh nghiệm quá khứ và hy vọng tương lai là những phương tiện giúp

ta sống tốt hơn, nhưng bản thân cuộc sống lại chính là hiện tại. Chúng ta chỉ có thể vui buồn, thương yêu, hờn giận... bằng vào hiện tại mà thôi. Không thể có niềm vui quá khứ hay hạnh phúc tương lai khi không có hiện tại đang hiện hữu của hôm nay.

Lấy một ví dụ để làm rõ hơn. Ta có thể không quên một hành vi lường gạt, dối trá của ai đó trong quá khứ. Và điều này mang lại cho ta kinh nghiệm quý giá để không bị lường gạt theo cách tương tự như thế một lần nữa. Nhưng nếu ta nhớ lại và cảm giận, tức tối về những nhân vật A, B... nào đó đã lường gạt ta, liệu điều đó có ý nghĩa gì? Những nhân vật A, B... của quá khứ không còn tồn tại trong hiện tại, nhưng sự cảm giận, tức tối như thế sẽ là có thật. Và tác động duy nhất của việc ấy chỉ là nuôi dưỡng thêm những khổ đau, bất hạnh cho chính ta mà thôi.

Những hy vọng tương lai cũng thế. Liệu có chút ý nghĩa gì khi ta chỉ mơ mộng đến tương lai mà không có những hành động thiết thực, đúng đắn ngay trong hiện tại này?

Điều mà chúng ta cần nhận thức rõ ở đây là cuộc sống chính là hiện tại. Chỉ trong hiện tại ta mới có thể tìm được niềm vui, hạnh phúc, mới tận hưởng được giá trị thiêng liêng mà cuộc sống mẫu nhiệm ban tặng cho mỗi chúng ta. Sử dụng thời gian quý giá trong hiện tại này để nuôi tiếc về quá khứ hay sống với những viễn ảnh về tương lai đều là những sự hoang phí rất đáng tiếc.

Chúng ta không làm gì được với quá khứ, và chúng ta cũng không có khả năng nắm chắc được tương lai, nhưng chúng ta có trọn quyền hành động trong hiện tại. Từ hiện tại này, chúng ta quyết định việc quá khứ và tương lai tác động đến ta như thế nào.

Ta không thay đổi được quá khứ, nhưng ta có thể từ chối những tác động không hay mà quá khứ mang đến cho ta. Ta thường an ủi

người khác rằng chó nên quá đau buồn vì những chuyện đã qua, nhưng chính bản thân ta không làm được như vậy. Hầu hết chúng ta đều như vậy. Đó là vì ta chưa hiểu được rằng cuộc sống chính là hiện tại. Ta sợ rằng nếu buông bỏ quá khứ đi ta sẽ không còn tồn tại được, vì những gốc rễ của quá khứ đã ăn sâu trong ta. Nhưng ta không hiểu rằng chẳng cần phải buông bỏ quá khứ, chỉ cần ta từ chối không chấp nhận những ảnh hưởng xấu của nó mà thôi. Điều này là hợp lý và ta hoàn toàn có thể làm được. Như dạo chơi trong một khu bán hàng, ta có quyền chỉ chọn mua những gì ta thích. Ta không chối bỏ quá khứ, nhưng ta không có nghĩa vụ phải đau đớn, buồn thương, căm giận... về quá khứ. Những điều đó chỉ có hại cho hiện tại tươi đẹp này của ta mà thôi.

Chúng ta cũng tạo dựng nên tương lai bằng chính hiện tại này. Chẳng hạn, chúng ta không thể chỉ ngồi lo lắng về một viễn ảnh môi trường bị phá hoại trong tương lai. Như thế không ích lợi gì. Nhưng ta có thể làm một điều gì đó dù nhỏ nhoi, như chọn dùng những sản phẩm có lợi cho môi trường, hạn chế việc sử dụng bữa bãi các hóa chất độc hại, giữ vệ sinh khu phố nơi mình ở... Mỗi việc làm của ta đều góp phần trong việc quyết định tương lai sẽ như thế nào. Điều quan trọng hơn nữa là khi bắt tay vào việc như thế, ta đã thật sự sống trong hiện tại của mình. Và nhờ đó ta mới có thể cảm nhận được niềm vui cuộc sống.

Khi hiểu được rằng cuộc sống chính là hiện tại, ta sẽ không còn muốn phí thời gian cho quá khứ hoặc tương lai nữa. Ta sẽ muốn dành trọn tất cả cho hiện tại này. Và chỉ khi đó ta mới cảm nhận được hết những gì đang xảy đến với ta.

Chúng ta cần học biết cách để quay về hiện tại. Vâng, tôi nói là quay về, vì có rất nhiều khi chúng ta rời bỏ hiện tại một cách hoàn toàn không cố ý, nhưng là theo những thói quen cố hữu. Đôi khi, chúng ta dạo chơi với một cháu bé rất dễ thương trong công viên xinh đẹp. Nhưng ngày mai ta sẽ có một cuộc họp quan trọng. Và hoàn toàn không cố ý, ta bắt đầu nghĩ về việc mình sẽ nói gì trong buổi họp, rồi ta hình dung, tưởng tượng những người khác sẽ nói gì, ta sẽ phản ứng ra sao... Thế là ta rời bỏ công viên xinh đẹp, rời bỏ cháu bé... Ta không còn biết có giây phút hiện tại nhiệm mầu ta đang có thể tận hưởng cuộc sống tươi đẹp quanh mình. Và vì ta không cảm nhận được vẻ đẹp của công viên, nên lúc đó công viên xinh đẹp này không còn hiện hữu đối với ta. Cháu bé cũng sẽ nhận ra sự không quan tâm của ta, và cháu chạy đi tìm một niềm vui nơi khác. Có thể cháu sẽ chơi với vài hòn sỏi, một khóm hoa... Ta cho rằng đó là những vật vô tri, nhưng chúng đang hiện hữu cùng cháu bé, còn ta tuy hiện diện nơi ấy nhưng lại hoàn toàn xa cách...

Có thể ta biện minh cho những suy nghĩ của mình là thể hiện tinh thần trách nhiệm, là

do điều này điều nọ... Nhưng tất cả đều không phải là những lý do có thể chấp nhận được. Không một ông chủ, một cơ quan nào có quyền chi phối bạn phải mất thêm thời gian ngoài những giờ làm việc quy định. Nếu bạn là người biết sống trong hiện tại, thời gian bạn dành cho công việc đã là quá đủ, vì những lúc ấy bạn không nghĩ đến gì khác ngoài công việc. Nhưng khi bạn dạo chơi thì thời gian dạo chơi đó là của bạn, nếu bạn dành thời gian ấy để nghĩ đến bất cứ điều gì khác, sẽ không còn chút ý nghĩa nào của việc dạo chơi.

Đứng về mặt khoa học mà nói thì việc sắp xếp thời gian "giờ nào việc ấy" là hoàn toàn hợp lý không có gì phải bàn cãi. Nhưng chỉ tiếc là thói quen của chúng ta thường không theo nề nếp như vậy.

Những lúc như thế, ta phải biết cách nhận ra chính mình và quay về với hiện tại.

Chúng ta có thể mỉm cười khi tự mình nhận ra sự "lạc đường" này. Nụ cười của chúng ta báo cho cháu bé biết là ta đã trở về, và cháu có thể tung tăng chạy đến nô đùa cùng ta. Nụ cười của ta cũng báo cho thảm cỏ xanh, hàng cây rợp bóng, hồ nước mát... tất cả đều biết là ta đã quay về. Ta mỉm cười với tất cả và tất cả mỉm cười với ta. Cảnh đẹp bao giờ cũng mỉm cười, chỉ có ta đã lãng quên đi không nhận ra nụ cười ấy.

Để chắc chắn mình sẽ không rời bỏ hiện tại này một lần nữa, ta có thể bắt đầu thực tập chừng năm mười hơi thở, hoặc nhiều hơn nếu cần.

Khi ta thở vào, ta biết mình đang hiện hữu nơi đây cùng cháu bé kháu khỉnh dễ thương và khung cảnh công viên xinh đẹp. Khi ta thở ra, ta biết là tất cả đều đang hiện hữu cùng ta trong một thực tại nhiệm mầu. Ta cũng biết là thời gian tồn tại của ta trong cuộc đời này có giới hạn và rất mong manh. Có thể ngày mai, hoặc chỉ chốc lát nữa đây, ta sẽ không còn có dịp để tận hưởng cuộc sống này. Và vì thế, ta không nên bỏ phí dù chỉ là một giây phút thoáng qua.

Các cháu bé còn nhỏ tuổi luôn cho ta những hình ảnh đẹp về cách sống trong hiện tại. Các cháu không nghĩ về quá khứ, chẳng lo lắng về tương lai. Khi ở bên ta, các cháu thật sự hiện hữu cùng ta. Khi nô đùa, các cháu để hết tâm trí vào trò chơi của mình... Điều đó cho thấy bản năng tự nhiên của chúng ta là sống trong hiện tại. Quá khứ đã để lại những vết hằn sâu đậm trong ta, và gánh nặng tương lai làm ta không dám ngồi nghỉ... Những điều đó tạo thành nơi chúng ta một thói quen xa rời hiện tại, và đánh mất cuộc sống của chính mình, bởi vì cuộc sống chính là hiện tại. Đã đến lúc chúng ta phải học biết cách sống trong hiện tại để có thể cảm nhận, tận hưởng được niềm vui và hạnh phúc trong cuộc sống này.

(trích *Hạnh phúc là điều có thật*, Phần 5, của Nguyễn Minh Tiến)



NƯƠNG VỌNG HIỂN CHÂN

(*Câu Chuyện Dưới Cờ* — bài viết hàng tuần của GĐPT
do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Cuộc đời là huyễn vọng, vay mượn khi chu kỳ vay mượn ấy không xong phẳng thì ốm đau, tật bệnh, còn chu kỳ ấy mà đình trệ thì tức thời bị tử vong.

Thí dụ như thở vào thì phải thở ra, ăn vào thì phải bài tiết cặn bã qua đường hậu môn, uống vào thì phải thải qua đường tiểu v.v... Cho nên sống trong huyễn vọng mà nói đến cứu cánh niết-bàn, chân lý giải thoát mà không y cứ vào cuộc sống hiện tại để dẫn dụ thì không ai cảm hiểu được. Bởi vậy đọc chư kinh ta thường thấy, chương đầu giới thiệu lối cảnh không gian, thời gian, và duyên khởi. Nguyên nhân vì đâu, vì ai mà Phật thuyết kinh này. Kể đến mới thuyết yếu lý chơn kinh. Đến đây đại chúng trong đạo tràng nếu chưa hiểu thì Phật lại dùng dụ thuyết để dẫn nhập. Thỉnh chúng căn cơ lớn, cảm nhận lại vì đại chúng tuyên thuyết dụ để hiểu hơn để dẫn dắt bạn đồng học và cũng để trình bày chỗ kiến giải của mình đặng Phật ấn chứng cho. Đó là cách nương vọng hiển chân vậy.

Do đó, phải bám sát thực tế, ví dụ cụ thể để hướng dẫn mọi người vào chánh kiến là điều cần thiết.

Ngày xưa Huệ Tử nói việc gì cũng hay thí dụ. Có người bảo với vua nước Lương "Nếu nhà vua không cho thí dụ thì Huệ Tử không nói gì được nữa."

Hôm sau vua đến thăm Huệ Tử nói:

- Xin tiên sanh cứ nói thẳng việc gì muốn nói, đừng thí dụ nữa.

Huệ Tử nói:

- Nay có một người ở đây không biết nó là cái gì, mới hỏi hình trạng cái nó như thế nào? Nếu tôi đáp rằng: Hình trạng cái nó như cái nó, người ấy có hiểu không?

Vua đáp:

- Hiểu làm sao được.

Huệ Tử nói:

- Thế nếu tôi bảo người ấy giống như cái cung, nhưng có cán ở giữa để mũi tên, dưới đuôi mũi tên là cái lẫy cò để nhắm đã được xác định, thì người ấy có hiểu không?

Vua nói:

- Hiểu được.

Huệ Tử nói:

- Khi nói với ai mà luôn đem cái người ta đã biết làm thí dụ với cái người ta chưa biết để khiến người ta biết. Nay nhà vua bảo tôi đừng thí dụ mà truyền đạt dần dần cho người hiểu thì không được.

Kẻ nói hay nói giỏi mà không thể đơn cử những sự kiện cụ thể để chứng minh là kẻ lý thuyết suông. Ngay đến chính bản thân họ chưa rõ thực chất vấn đề. Rõ đây là những kẻ tà ngụy không chơn chánh vậy.

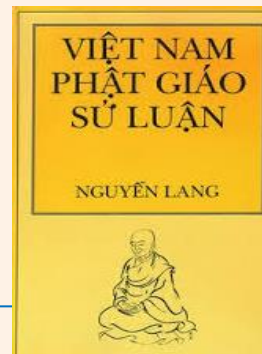
(Trích 52 *Câu Chuyện Dưới Cờ*—Thị Nguyên Nguyễn Đình Khôi)



HỘI AN NAM PHẬT HỌC TRUNG KỲ

(Chương XXIV, VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP II)

Nguyễn Lang



LỊCH SỬ / TÀI LIỆU

(tiếp theo)

CÁC CAO TĂNG LÀM RỪNG CỘT CHO PHONG TRÀO CHẤN HƯNG

Như ta đã biết, hội An Nam Phật Học không những đã có được sự yểm trợ của hầu hết các phần tử trong sơn môn mà còn có được sự cộng tác tích cực của những vị tăng sĩ trẻ tuổi và có học của sơn môn đào tạo nữa. Sự cộng tác này phần lớn nằm trong phạm vi hoằng pháp: giảng diễn cho tín đồ, giáo huấn học tăng, trước thuật bài vở và kinh sách. Tuy nhiên nhìn hội An Nam Phật Học với những thành quả mà nó thu lượm được chỉ là mới nhìn thấy một bông hoa nở trên một nhánh cây mà chưa thấy tự thân cái cây ấy. Tuy nói rằng Phật giáo suy yếu, cần phải phục hưng, nhưng nếu căn bản và tiềm lực không có thì sự phục hưng ấy sẽ trở nên rất khó khăn. Sở dĩ ta có được một Mật Khế hay một Lê Đình Thám là nhờ ta đã có được một Giác Tiên chẳng hạn thì ta thấy được Tâm Tịnh, bốn sư của ông; Tuệ Pháp, giáo thọ của ông; Viên Thành, bạn thân của ông; Giác Nhiên, sư đệ của ông và Phước Hậu, Đắc Ân, Tịnh Hạnh v.v... tức là những người đã chấp nhận làm chứng minh đạo sư cho hội An Nam Phật Học do ông sáng lập. Nhìn lại cuộc đời những vị đó thì ta có thể có một ý niệm về những tiềm lực của đạo Phật đã đưa tới sự chấn hưng của Phật Giáo Trung Kỳ.

THIỀN SƯ TÂM TỊNH

Thiền sư Tâm Tịnh bốn sư của Giác Tiên là một trong những đệ tử xuất sắc của thiền sư Lương Duyên, người đã đặc pháp với thiền sư Nhất Định, tổ khai sơn chùa Từ Hiếu (65). Như ta đã biết, ngoài thiền sư Lương Duyên, tổ Nhất Định còn có hai người đệ tử khác là Cương Kỳ và Linh Cơ. Cũng như Lương Duyên, hai thiền sư Cương Kỳ và Linh Cơ đã đào tạo được và để lại cho sơn môn Thừa Thiên nhiều vị tăng sĩ

xuất sắc. Ngoài Tâm Tịnh, thiền sư Lương Duyên còn có những đệ tử xuất sắc khác như Tâm Quảng, Tâm Thế và Tâm Truyền. Thiền sư Tâm Tịnh đã từng giữ chức Tăng Cường chùa Diệu Đế. Ông tên là Nguyễn Hữu Vinh. Phát xuất từ chùa Từ Hiếu, ông đã kế vị thiền sư Huệ Đăng làm trú trì chùa này trong nhiều năm. Năm 1904, để có nhiều thì giờ tu tập hơn, ông thường chức vị trú trì tổ đình cho thiền sư Huệ Minh và đến cất am Thiếu Lâm ở chùa Tây Thiên để tu hành. Chùa này ở một vùng đồi nhỏ, có trồng nhiều thông, ở về phía Tây nam núi Ngự Bình. Ông mang theo về Tây Thiên một người đệ tử: đó là thiền sư Giác Tiên, hồi đó mới 24 tuổi.

Ở Tây Thiên ông thu nhận thêm nhiều vị đệ tử, trong đó có các vị Giác Nguyên và Giác Nhiên. Cùng với Giác Tiên, hai vị này đã từng đóng góp cho phong trào chấn hưng Phật giáo và đã trở thành những nhân vật rường cột cho Phật giáo sau này. Thiền sư Tâm Tịnh mở lớp dạy Phật pháp cho các đệ tử và những người khác đến cầu học với ông. Tiếng thơm đạo hạnh của ông được đồn xa, và trong số những người hâm mộ ông có cả vua Khải Định. Ông vua này thường hay để xe cộ và thị vệ dưới đồi và đi bộ một mình lên chùa. Một hôm thiền sư Tâm Tịnh gặp vua ở trước am Thiếu Lâm, liền chấp tay chào và niệm: "Nam Mô Khải Định Vương Bồ Tát." Vua Khải Định chưa hỏi lý do gì thì ông giải thích: "Quốc Vương là một vị Bồ Tát hộ pháp." Vua hỏi thêm thì ông cho biết hiện giờ ông đang tổ chức Đại Giới Đàn tại chùa Từ Hiếu mà thiếu phương tiện tài chính. Vua Khải Định bèn hứa cúng dường những phương tiện còn thiếu ấy. Đó là vào năm 1924. Giới Đàn này đã được thiền sư Huệ Minh tổ chức vào ngày 16, 17, 18 và 19 tháng Bảy dương lịch. Số giới tử là 450 vị, trong đó có 300 tăng ni.

Những thiền sư có mặt trong hội đồng Hộ Giới của giới đàn này là: thiền sư Tâm Tịnh (tăng cường chùa Diệu Đế, đàn đầu hòa thượng), thiền sư Trương Văn Luận (tăng cường chùa Thiên Mục, giáo thọ), thiền sư Phạm Gia Khánh (trú trì chùa Báo Quốc, đệ nhất tôn chứng), thiền sư Viên Thành (trú trì chùa Tra Am, đệ nhị tôn chứng), thiền sư Đặng Kỳ Đình (trú trì chùa Thiên Mục, đệ tam tôn chứng), thiền sư Phúc Hậu (trú trì chùa Linh Quang, đệ tứ tôn chứng), thiền sư Đỗ Giác Viên (tự trưởng chùa Viên Thông, đệ ngũ tôn chứng), thiền sư Hoảng Nguyễn (tự trưởng chùa Viên Thông, đệ lục tôn chứng), thiền sư trú trì chùa Chúc Thánh (Quảng Nam, đệ thất tôn chứng).

Ta đã được đọc bài kê phú pháp của ông trao cho thiền sư Giác Tiên trong phần lược sử của thiền sư này.

Thiền sư Tâm Tịnh thuộc về thế hệ thứ 41 dòng Lâm Tế. Ông mất năm 59 tuổi. Thiền sư Viên Thành ở chùa Tra Am, một thiền sư thi sĩ nổi tiếng thời ấy, tặng đôi câu đối như sau:

Tứ thập nhất đại Lâm Tế chấn thiền phong, đào chú công thâm, thù thụ đương đầu hát bổng,

Ngũ thập cửu niên Diêm Phù thù hóa tích, trí bi nguyện mãn, nhi kim tất thủ hoàn gia!

Hai câu đối Nôm sau đây được ni chúng và nữ cư sĩ ở Huế đưa tặng:

Chốn Song Lâm mây ẩn bóng Ưu Đàm, dứt nổi tiếng chuông, dẹp cỏ đi về còn tưởng tượng.

Miền Thiếu thất trắng lông lộng gương Bát Nhã, mênh mang biển học, thuyền từ che chở biết nhờ ai?

THIỀN SƯ HUỆ PHÁP



Thiền sư Huệ Pháp (66), giáo thọ của Giác Tiên, là toạ chủ chùa Thiên Hưng. Năm 1920, khi ông khai giảng lớp Phật pháp cao học tại đây, thiền sư Giác Tiên, không những đã tới tham học mà lại còn đem các vị đệ tử của mình tới dự thính nữa. Thiền sư Huệ Pháp, người họ Đình, sinh năm 1871 tại làng Trung Kiên phủ Triệu Phong tỉnh Quảng Trị. Ông xuất gia tại chùa Từ Hiếu, làm đệ tử của thiền sư Cương Kỳ. Năm 21 tuổi, thụ Sa di giới, ông

được thiền sư đặt pháp danh là Thanh Tú, pháp tự là Phong Nhiêu. Ông thụ giới Cụ Túc tại Giới Đàn tổ chức tại chùa Báo Quốc năm 1894 do thiền sư Lương Duyên tổ chức. Năm sau, ông được đặc pháp với thiền sư Lương Duyên, hiệu là Huệ Pháp. Năm 1896, môn đồ chùa Thiên Hưng đến Từ Hiếu dâng lễ thiền sư Cương Kỳ để xin rước Huệ Pháp về trú trì chùa Thiên Hưng.

Ông hành đạo rất tinh tấn. Mỗi năm ông an cư hai lần, vào mùa Hạ và mùa Đông. Ông thường mở những lớp giảng kinh cho những tăng sĩ tới cầu học: kinh Pháp Hoa, kinh Lăng Nghiêm, kinh Phạm Võng, luật Tứ Phần v.v... Năm 1910, ông được mời làm đệ tam tôn chứng trong giới đàn chùa Phúc Lâm ở Quảng Nam do thiền sư Vĩnh Gia làm chủ tọa. Năm 1911 ông khởi công trùng tu chùa Thiên Hưng. Vua Khải Định ban giới đao độ điệp cho ông vào năm 1919 và sắc cho ông làm trú trì chùa Diệu Đế. Năm 1924, ông được mời làm giáo thọ cho toàn thể giới tử đại giới đàn Từ Hiếu. Năm 1926 ông được ban chức Tăng Cường chùa Diệu Đế. Ông tự thiêu năm 1927 tại chùa Thiên Hưng, hưởng thọ 56 tuổi. Tháp ông được xây tại chùa Từ Hiếu và đệ tử của ông là thiền sư Quảng Tu kể thế trú trì chùa Thiên Hưng. Bài văn khắc trong bia dựng ở tháp ông là do thiền sư Viên Thành thảo. Viên Thành đã viết:

"Đại sư thiệp liệt giáo pháp; tông chỉ và lý thuyết đều tinh, chuyên tâm nghiên cứu nghĩa lý chỉ quán phái Thiên Thai, lại thường khuyên người tu Tịnh độ để làm con đường giải thoát mau chóng... Đại sư tùy cơ ứng đối thích hợp như sữa và nước hòa nhau, cơ duyên hóa độ rất nhiều không sao thuật hết..."

Đối với Huệ Pháp, Viên Thành làm một pháp đệ tử. Ông xem Huệ Pháp như thầy của ông và giao tình giữa hai người suốt đời. Viên Thành rất thương tiếc. Ông đi một đôi câu đối như sau:

Bất tuệ nhãn vị nhân vị nhãn xả thiên tiên, tri kỷ lệ thành Hồng hạnh vũ;

Đại khai sĩ hữu duyên quy Phật tạo, cổ sơn mộng đoan Bích đào thiên.

Dịch:

Kẻ hậu sinh chưa nỡ bỏ thân ngay, tri kỷ khóc thành mưa Hồng hạnh;

Bực khai sĩ có duyên về Phật sớm, non xưa mộng thấy chốn Đào hoa.

Bài minh của Viên Thành viết ở cuối bia như sau:

Giác Hoàng ứng thể thủy vi ngôn

Bàng bạc nhật nguyệt, châu kiên khôn

Trí giả tại biên cùng hóa nguyên

Thị vi diễn thuyết khai mê hôn.

Hằng sa giáo điển tuy vân vân,

Diệu nhập Thiên Thai Chỉ Quán môn.

Đại sư cận xuất dương thanh phân

Chí kiên, khí trực, mạo thả ôn.

Thiếu nhi mẫn ngộ, lão ích cần.

Hoặc sám hoặc giảng vong bỏ hân

Trung hưng giáo quản chấn diệt quần

Tung hoành ngôn luận diệu nhập thần.

Di văn xán nhược khả ngôn lân.

Từ thuần lý chính đạo bất phiền,

Hà nhĩ học đồ nhật tuần môn.

Ký tư chính giác tiêu ba tuần.

Hạnh cao danh vọng thượng quốc văn.

Thiên tử khiến sứ lai trung hôn.

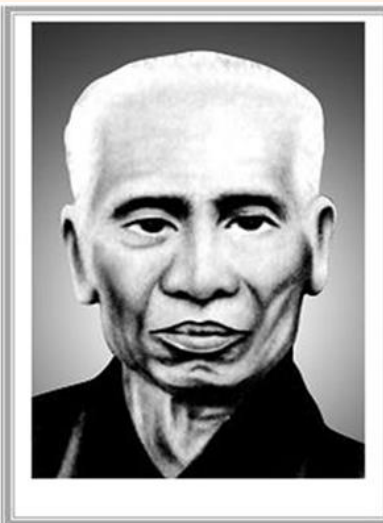
Triều dã huân thích cổ sở hân.

*Điệp môn cung tứ hồi thiên ân
Tri thân biến điệp như phù vân
Thệ dũng khí xả cam xu phần.
Tông thuyết kiêm thông, thù kỳ nhân
Sư tâm liễu liễu sở túc đôn,
Pháp thân vô tướng, ninh phi chân?
Kim tuy vân vong, ninh phi tồn?
Hậu thế tử tôn kỳ phồn phần.
Khâm sư đạo hạnh quan tư vấn.*

Dịch:

Giác hoàng ứng thế mở lời mầu
Bàng bạc trắng sao nghĩa thâm sâu
Kẻ trí biện tài đem giáo hóa
Thuyết pháp cứu độ đời thương đau
Giáo điển tuy nhiều đến vô lượng
Thiên Thai Chỉ Quán riêng tâm đầu
Đại sư xuất thân dòng cao khiết
Chí bền, lòng thẳng, dáng thanh tao
Tuổi thơ nhanh nhẹn, lớn cần mẫn
Thiền sàng pháp tọa không hề xao.
Trùng hưng giáo quán trong thiên hạ
Ngôn luận tung hoành như trời cao
Văn từ sáng rỡ không khúc mắc
Giản lược lời ngay ý nghĩa sâu
Học đồ bốn phương về tụ hội
Đuốc tuệ soi đường, ma chạy mau.
Nhà vua tôn sùng sai sứ thỉnh
Trong triều ngoài quận thầy mong cầu
Biết thân bèo bọt như mây nổi
Phó thác hình hài ngọn lửa cao.
Thiền giáo hai bên đều nắm vững
Tâm tư sáng rỡ bậc anh hào
Pháp thân không tướng mà chân thực
Nói mất mà còn muôn đời sau
Cháu con sau này như có nhớ
Tìm tới bia này đọc mấy câu.

QUỐC SƯ PHƯỚC HUỆ



Hòa thượng Phước Huệ
(1869 - 1945)
Chùa Thập Tháp, Bình Định

Thiền sư Phước Huệ tên là Nguyễn Tấn Giao, sinh năm 1869 tại làng Nhơn Thành, Bình Định, xuất gia năm 1881 tại chùa Thập Tháp dưới sự hướng dẫn của thiền sư Chí Tịnh. Ông lại được theo học với thiền sư Châu Long chùa Tịnh Lâm, Phù Cát, và thiền sư Luật Truyền tại chùa Từ Quang ở Đá Trắng. Ông thọ đại giới năm 1889 và đắc pháp năm 1892 với thiền sư Luật Truyền. Năm 1894, ông làm trú trì chùa Phổ Quang ở huyện Tuy Phước. Năm 1901 ông được triều đình ban cho giới đao độ điệp làm Tăng

Cương cho chùa Thập Tháp. Năm 1908 ông được mời ra hoàng cung giảng đạo đồng thời cũng để khai một khóa giảng kinh tại chùa Trúc Lâm. Các vua Thành Thái, Duy Tân và Khải Định đều có mời ông vào cung giảng đạo. Vì vậy ông được tôn xưng là quốc sư.

Năm 1920 ông tổ chức các lớp tăng học tại hai chùa Thập Tháp và Long Khánh. Từ năm 1930 trở đi, theo lời thỉnh cầu của thiền sư Giác Tiên, năm nào ông cũng ra Huế giảng dạy. Năm 1938 ông lại được mời làm chủ giảng Phật học đường Long Khánh ở Quy Nhơn.

Tại Huế, ngoài các lớp cao học tại Trúc Lâm, ông còn dạy những lớp cấp trung học tại Tường Vân và Tây Thiên. Phần lớn những giáo sư và giảng sư hoạt động từ năm 1938 trở đi đều có thụ giáo với ông trong số đó có nhiều vị gốc từ Nam Kỳ.

Năm 1934, ông có đề tựa cho sách Việt Nam Phật Giáo Sử Lược của thiền sư Mật Thế. Bài tựa này được viết bằng Hán văn tại chùa Thập Tháp. Khả năng giáo hóa của Phước Huệ rất vĩ đại, vì vậy người đương thời đã tặng ông mỹ hiệu "Phật pháp thiên lý cầu" nghĩa là con ngựa ngàn dặm của Phật pháp." Ông là tổ khai sinh chùa Phước Long tại Phú Phong; thiền sư Trí Diệu, đệ tử của ông là trú trì chùa này. Ông tịch năm 1945 tại chùa Thập Tháp. Đệ tử xuất sắc nhất của ông là thiền sư Huệ Chiếu, được ông ủy nhiệm kế thế trú trì chùa Thập Tháp. Thiền sư Huệ Chiếu tịch năm 1965 và trao trách nhiệm cho thiền sư Kế Châu.

(còn tiếp)

(65) Thiền sư Nhật Định họ Nguyễn, sinh tại làng Trung Kiên, tổng Bích La, huyện Đăng Xương, tỉnh Quảng Trị. Ông được thế độ với thiền sư Phổ Tịnh chùa Thiên Thọ (Báo Quốc) năm 18 tuổi, và thọ đại giới tại chùa Quốc ân với thiền sư Mật Hoàng năm 1814. Thiền sư Mật Hoàng có ban cho ông bài kệ sau đây:

*Nhất định chiếu quang minh
Hư không nguyệt mãn viên
Tổ tổ truyền phúc chúc
Đạo minh kế Tánh Thiên*

Tánh Thiên là pháp danh của ông. Năm 1816, khi thiền sư Phổ Tịnh viên tịch, ông phải trực tiếp điều hành chùa Báo Quốc. Năm 1830 ông được triều đình cấp giới đao và độ điệp. Năm 1835 ông được bộ Lễ cung thỉnh trụ trì chùa Linh Hựu. Vua Minh Mạng, nhân dịp này có ban cho ông một chứng tử, trong đó vua khen ông là "giới luật nghiêm tịnh, thiền cơ thâm đạt" (cẩn trì giới luật, xòa ngộ thiền cơ). Tương An Quận Vương, con thứ 12 của vua Gia Long, rất hâm mộ ông, đã có lần tặng ông bài thơ sau đây:

*Dạ tụng Pháp Hoa kinh
Thân tâm bách luyện tinh*

*Phòng vô phiền trần nhập
Bích quả điểm đăng minh
Tích hữu Uyên Minh thức
Tâm như Huệ Viễn thanh
Chúng nhân đồ ngọt ngọt
An đắc thấu sinh sinh.*

Dịch:

Đêm tụng Pháp hoa kinh
Thân Tâm mãi chuyên tinh
Bụi hồng không mảnh lạc
Trên vách ngọn đèn xanh
Dấu Uyên Minh ngời sáng
Lòng Huệ Viễn trong thanh
Kẻ phàm nhiều lận đận
Ai thấy được chân hình?

Năm 1839, ông được sắc phong Tăng Cương chùa Giác Hoàng. Ông từ bỏ chức vụ này vào năm 1834, năm ông 60 tuổi và về lập An Dưỡng Am trên núi Dương Xuân. Chùa Báo Quốc thì ông giao lại cho pháp đệ là thiền sư Nhất Niệm trông coi. Tại An Dưỡng Am, ông từ chối mọi sự cúng dường, cùng hai đệ tử là thiền sư Hải Thuận và Hải Thiệu, cuộc đất, trồng khoai, gieo bắp để tự túc. Các quan trong triều thường lui tới thăm viếng và xin phép ông dựng chùa tại đây, nhưng ông nhất định không chịu. Trước Am, ông đề hai câu:

*Thân đới quán châu nhà tuệ
nguyệt*

*Thủ trì tích tượng nhạo vân
sơn*

Dịch:

Chuối tràng đeo cổ nhàn năm
tháng

Tích tượng cầm tay vui níu
mây.

Ông mất năm 1847, bốn năm sau khi dựng An Dưỡng Am. Ông mất rồi thì năm sau (1848) thiền sư Hải Thiệu (Cương Kỳ) mới chịu xây chùa với sự ủng hộ của các thái giám. Năm ấy vua Tự Đức mới lên ngôi, ban sắc tứ cho chùa là Từ Hiếu. Chùa này được đại trùng tu năm 1894, khi thiền sư Tâm Tịnh còn làm tự trưởng và Thiền sư Huệ Minh là trụ sự. Thiền sư Hải Thiệu tịch vào năm 1899. Cao đệ của thiền sư Nhất Định còn có Thiền sư Hải Thuận (Lương Duyên) và Hải Toàn (Linh Cơ). Thiền sư Hải Thuận làm trú trì chùa Báo Quốc và thiền sư Hải Toàn sáng lập chùa Tường Vân.

(66) Tên chùa thiền sư là Tuệ Pháp, nhưng chữ Tuệ cũng đọc là Huệ, nhất là ở Trung và Nam.



RỜI XA

Rời xa lậu nghiệp chớ làng nhàng, ()*

Tham ái thêm nhiều khổ lụy mang.

*Việc đến luôn chăm tâm chẳng buộc,
Chuyện qua mãi khuấy dạ không ràng.*

Rủ mê hiển đạo cho ngày tĩnh,

*Ôm giác nương Thầy để khắc an. (**)*

*Vô trú Sát na nào niệm khởi, (***)*

Thiền môn tự tại có chi bàn...

thơ **MINH ĐẠO**

1.2020

(*) Lậu nghiệp. Nghiệp của phàm nhân trong dòng sinh tử luân hồi—Karma of ordinary rebirth—The deeds of the sinner in the stream of transmigration, which produces his karma.

(**) Thiên Nhân Sư (10 danh hiệu Phật)

(***) Sát na, Là thời gian rất ngắn, 1/60 của giây.

Về một Thiền hữu và bốn chữ “Vô thường thị thường”

NGUYỄN VĂN SÂM

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



Vô
Thường
Thị
Thường
(Thư pháp: HT
Thích Nguyên
Tâm, Nam CA.)

Giới văn học nghệ thuật cũng như giới tu học thường đọc sách về đạo Phật, ít nhất là ở Mỹ, đều biết một người viết lách rất khiêm cung và thiết là đặc biệt: đó là nhà thơ Phan Tấn Hải.

Phan Tấn Hải đầu tiên bước vào làng văn bằng thi ca nên người đời gọi anh là thi sĩ. Cái danh vị đó theo anh, dính luôn đầu sau này anh viết văn xuôi nhiều hơn, hay những năm gần đây anh cố gắng hiến cho đời nhiều đầu sách về những vấn đề của Phật học, của kinh điển, những vấn đề mà nhiều vị thượng tọa, hòa thượng có nhiều năm tu tập chưa chắc đã thấu hiểu hay trình bày mạch lạc như anh.

Tôi nói anh đặc biệt vì ngoài đời anh nho nhã, khiêm nhường, đối với ai cũng hết lòng thân thiết, giúp đỡ chân tình nếu có dịp. Trong sách vở anh viết cả chục cuốn sách về đạo Phật mà quyển nào quyển nấy cũng hình thành do sự tham khảo nhiều nguồn sách về vấn đề sẽ

trình bày và đều được ký tên một cách khiêm nhường: Nguyên Giác, không có chữ gì trước đó hay sau đó.

Trước đây chúng ta có Thiền sư Nghiêm Xuân Hồng – chữ **Thiền sư** tôi dùng cho nhà văn Nghiêm Xuân Hồng với sự trân trọng từ đáy lòng – cũng viết nhiều sách về Phật đạo. Trước nữa có các học giả Phạm Quỳnh, Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Tố, Phan Văn Hùm, Phạm Công Thiện cũng viết, đã đi sâu vào những vấn đề căn bản của đạo như: Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo, Trung Quán luận, Tánh Không. Đó là chưa kể sách của những vị Hòa Thượng suốt đời nghiên cứu kinh kệ, kể ra bao nhiêu vẫn còn là thiếu.

Nhưng phải đợi đến Thiền hữu Nguyên Giác chúng ta mới đọc được những bàn luận sâu sắc về **các vấn đề nhỏ, chi li** của đạo như *Thiền đốn ngộ, Thiền tập, Thiền tập trong đời thường, Thiền Tông Qua bờ bên kia, Kinh Pháp Cú Tây Tạng...*

Đọc những quyển sách này, thú thật chỉ đọc sơ qua vì chạm tới tuổi 80, tôi không dám và cũng không có thời giờ mở ra một khía cạnh mới về chữ nghĩa và kiến thức, đành xài bao nhiêu phần đã thấm lượm được từ mấy mươi năm trước đó ở những quyển sách nhập môn của các ông Phạm Quỳnh, Trần Trọng Kim, Phan Văn Hùm xa xưa cũ, không còn phù hợp được bao nhiêu. Đã thiếu mà chiều sâu lại không có nhiều.

Với những quyển sách về chuyên môn, với những bài viết rải rác có chủ đề nghiên cứu lý thuyết của đạo Phật của anh, tôi thấy rằng nhà thơ Phan Tấn Hải đã đi quá tốt trong việc tìm hiểu đạo Phật, tìm để giới thiệu và giải thích cho cư sĩ, về những vấn đề thuộc về đạo, về hạnh, không thuộc về tu, về hành, thuộc về triết lý, không thuộc về mê tín dị đoan hay cái gọi là đạo Phật bình dân, đạo Phật đại chúng hóa.

Tôi thấy mình thua người bạn trẻ này - trẻ hơn mình một con giáp - anh gọi tôi bằng thầy một cách thân tình và kính trọng, nhưng về

mặt triết lý đạo tôi chưa đáng là trò của anh. Con đường kiến thức mệnh mông, người ta ai cũng có những lỗ trống kiến thức đầu thuộc ngành chuyên môn của mình, huống chi mình chỉ là người ngoại đạo đối với vấn đề Phật đạo chuyên sâu.

Với cái nhìn biết ơn đó, tôi không gọi Nguyên Giác là cư sĩ Phật giáo, tôi gọi anh bằng từ ngữ kính trọng hơn: **Thiền hữu**. Ta có văn hữu, thi hữu, đạo hữu, sao không có Thiền hữu? Nguyên Giác hiện tại không ly gia cát ái sống toàn thời gian trong chùa, chưa đủ đạo hạnh cao siêu, và không có cái cao ngạo tự xưng nên tôi chỉ xin được gọi là Thiền hữu thôi.

Chữ **Thiền** chỉ cuộc sống hiện tại và những công nghiệp đối với đời về mặt đạo của ai đó. Chữ **hữu** chỉ sự thân thiết, gần gũi, ngang hàng để học hỏi lẫn nhau của ta với nhân vật đó. Bạn đạo, bạn yêu đạo, chứ không phải thầy, không phải Sư (phụ).

Vậy tôi học được gì từ Thiền hữu Nguyên Giác?

Nhiều lắm, nhiều lắm. Ngoài đời là cách cư xử của Thiền hữu. Trong sách vở là sự bao dung và mở rộng tầm tay của anh. Anh viết về người bạn Thăng Long văn sĩ Vũ Huy Quang, về người bạn thời trai trẻ sau này làm thơ vừa mới mất ở VN tuy rằng mấy chục năm không gặp lại và rất có thể khuynh hướng hai người đã trở nên khác biệt, về nhà thơ Mộc Đạc ít người biết đến...

Tôi học gián tiếp từ Thiền hữu Nguyên Giác nguyên lý hư không khi đọc các sách của anh và suy ra được rằng cuộc đời này được vận hành bằng nguyên tắc 'Vô Thường Thị Thường.' Vàng, đời này, vũ trụ này là một thể hiện của sự Vô thường. Mọi có không, được mất, hạnh phúc đau khổ, vinh quang tủ nhục, sống chết... đều là vô thường.

Cái vô thường đó tồn tại vĩnh viễn đến trở thành bình thường.

Và tôi sống với nguyên lý đó một cách bình thường để khi gặp những trạng huống đau lòng trong đời sống đều đón nhận với sự bình thường dửng dưng. Và tôi cảm ơn Thiền hữu Nguyên Giác với những Thiền hữu khác trong tương lai đã khơi dậy trong tôi cái nguyên lý quan trọng đó...

(Victorville, CA, mồng 6 Tháng Giêng, Canh Tý)

TÂM TÌNH TRONG MÙA DỊCH BỆNH CORONA

*Em có biết bệnh đang tràn khắp nẻo
Cô Rô Na dịch khủng khiếp hiện nay
Em có thấy Xuân chưa tàn đã héo
Mọi người đâu dám tụ hội sum vầy?
Vi rút đó khởi sanh từ Vũ Hán
Rồi lây lan khắp thế giới rất nhanh
Nay có hơn bảy vạn người gặp nạn
Nỗi âu lo trước căn bệnh hoành hành.
Muốn khỏi bệnh phải vệ sinh trước hết
Rồi tránh xa những phân tử khả nghi
Đừng mạo hiểm – kéo sớm tìm cái chết
Suốt tháng giêng, công sở đóng li bì...
Thế giới này đâu có chi bảo đảm?
Nhân loại đang chịu nhiều cảnh tai ương
Rừng nước Úc cháy điêu tàn bi thảm
Giờ năm Châu chịu dịch bệnh thể lương!...
Thân khỏe khoắn, tâm an lành – hạnh phúc
Chớ quay cuồng theo dục vọng cao xa
Rồi một mai sẽ đến ngày kết thúc
Đành buông tay, nắm giữ được chi mà?
Nhưng đâu chỉ Cô Rô Na mới hại?
Còn bao nhiêu độc tố ở bên mình
Nên kiểm soát và khoanh vùng chúng lại
Quyết không cho chúng cơ hội nảy sinh.
Tham Sân Si độc hại không kể xiết
Nghiệp chúng sanh cứ mãi miết xoay vần
Em ý thức và phải lo trừ diệt
Nước cam lồ nên tưới tắm thân tâm.
Giữ cá thể và môi trường cộng hưởng
Tu sửa mình, làm trong sạch môi trường
Sống thanh cao, với phúc lành hương thượng
Hành tinh xanh, chung xây đắp tình thương.
Hãy tranh thủ lúc em còn sung mãn
Lo dân thân làm tốt Đạo, đẹp Đời
Già bệnh đến, sức sẽ cùng, lực cạn
Làm gì hơn khi cổ máy đã rời?
Cung kính lễ Đức Dược Sư mâu nhiệm
Lòng từ bi ban thần dược độ sinh
Giúp nhân loại mau thoát qua nguy hiểm
Sống yên vui trong thế giới thanh bình.*

Cảm tác trong mùa dịch bệnh Corona

thơ THÍCH ĐỒNG TRÍ

LÒNG SÂN HẬN THẬT ĐÁNG SỢ

Đào Văn Bình

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Vào ngày 8/2/2020, một thảm kịch đã xảy ra cho đất nước và quân đội Thái Lan. Thượng Sĩ Jakrapanth Thomma sau khi cãi cọ với thượng cấp của mình là viên đại tá đã rút súng bắn chết ông này và bà mẹ vợ của ông ta. Sau đó Jakrapanth Thomma lấy thêm súng, ăn trộm xe bọc thép Humvee (trong nước gọi là xe đặc chủng) lái ra phố, điên cuồng bắn giết rồi chạy vào một khu thương xá bắn giết thêm một số nữa, bắt giữ con tin và cố thủ ở đây suốt một đêm. Cảnh sát đặc nhiệm Thái Lan được gửi tới cùng bà mẹ của hung thủ, kêu gọi hung thủ ra đầu thú nhưng thất bại. Cuối cùng hung thủ bị bắn chết với "thành tích" kinh hoàng là đã giết chết 29 người, làm bị thương 57 người. Thảm kịch xảy ra đúng vào ngày lễ quan trọng của Phật Giáo trên đất nước Thái Lan.

Vào ngày 11/2/2020, tướng tổng tham mưu trưởng Quân Đội Thái Lan họp báo cho biết sở dĩ viên thượng sĩ có hành động điên cuồng như thế chỉ vì y đã tức giận vì bị đối xử bất công trong việc mua bán đất đai mà bà mẹ vợ của viên đại tá là người trung gian (real estate agent).

Để xoa dịu bớt nỗi đau chung của đất nước, Thủ Tướng Prayut Chan-ocha đã ra lệnh cho công chức mặc đồ đen để tưởng niệm và Hoàng Gia Thái Lan cũng công bố trợ giúp tang lễ và chi phí hỏa thiêu cho các nạn nhân.

Nguyên do của thảm kịch này nằm ở đâu? Cho dù viên thượng sĩ có thể bị xử ép hay lường đảo trong vụ mua bán đất đai, thì vẫn còn luật pháp và tòa án chứ, nhất là một đất nước dân chủ như Thái Lan. Như vậy chính sự tức giận, chính lòng sân hận bùng lên mà viên thượng sĩ không kiềm chế được đã đưa tới hành động

tức thì. Mà hành động tức thì để hả cơn giận luôn luôn là mắng chửi, đập phá và bắn giết. Trong lịch sử chúng ta đã thấy có những ông vua, những vị tướng đã hủy diệt cả một quốc gia, một chủng tộc cũng chỉ vì tức giận. Ngay tại Hoa Kỳ này, một số vụ thảm sát đã xảy ra chỉ vì một ông/bà nào đó bị sa thải/

đuổi việc đã tức giận xách súng vào sở làm, bắn giết chủ và đồng nghiệp cho hả giận. Chính vì thế mà người ta đã gọi "cơn giận" là "cơn thịnh nộ" là "trận lôi đình", nó ghê gớm và bùng nổ như sấm sét vậy.

Đạo Phật không nhìn cuộc đời bằng con mắt hời hợt, phiến diện. Đức Phật đã nhìn thấu suốt bản chất của con người để tìm ra nguyên do của các bệnh và tìm phương trị liệu. Nguyên do của lòng sân hận (sân) trong tam độc Tham-Sân-Si là Cái Tôi. Sự tức giận nổi lên khi: Cái tôi bị xúc phạm, cái tôi bị chèn ép, cái tôi bị thiệt...Lúc đó tự ái tức lòng yêu cái tôi nổi lên và sân hận bùng nổ tức thì. Nếu không kiềm hãm kịp thời thì thảm họa lớn hay nhỏ sẽ xảy ra, dù trong tu viện, miếu đường, cung điện, công sở, trường học hay trong gia đình. Khi Cái Tôi còn được nuôi dưỡng, âm ứ, mơn trớn thì lòng sân hận giống như những con siêu vi trùng (virus) luẩn quẩn quanh chúng ta và có thể tấn công chúng ta bất cứ lúc nào.

Do đó người Phật tử phải luôn luôn cảnh giác với lòng sân hận của mình. Hiểu và biết về lòng sân hận chưa đủ mà phải có phép đối trị. Phải huân tập từng ngày để phòng ngừa "con virus sân" này. Muốn làm dịu các cơn giận quý vị có thể vấn hỏi các vị Thiền Sư. Tôi đoán chắc rằng khi đó các Thiền Sư sẽ hướng dẫn các bạn ngồi Thiền rồi qua Thiền mà quán chiếu cái Tôi do Ngũ Uẩn tạo thành. Khi Cái Tôi là Không, là Không Thực thì làm gì có Cái Tôi bị xúc phạm, Cái Tôi bị thiệt và Cái Tôi bị chèn ép và lòng sân hận cũng không có luôn.

Riêng bản thân, tôi có chút kinh nghiệm là khi lòng sân hận/tức giận nổi lên thì nên ngồi xuống, thở hít thật sâu cho đủ dưỡng khí dồn lên óc, cho hơi thở bớt hỗn hển, cho tim đập chậm lại... rồi suy tính. Xin nhớ cho khi lòng sân hận nổi lên, đầu óc chúng ta không còn sáng suốt nữa mà tràn ngập ý định trả thù. Do đó, "Mọi hành động trong cơn giận đều đáng tiếc."

Không hành động dù chỉ là lời chửi rủa và kiểm soát hơi thở là biện pháp đối trị cơn giận hay nhất. Thảm kịch của Thái Lan cho tất cả chúng ta một bài học là lòng sân hận không phải là bạn ta mà là kẻ thù rất nguy hiểm của chúng ta.

Thiện Quả Đào Văn Bình
California ngày 11/2/2020



THE STORY OF THE BHIKKHU FROM THE COUNTRY OF THE VAJJIS

Dhammapada, Verse 302

While residing at the Veluvana monastery, the Buddha uttered Verse (302) of this book, with reference to a bhikkhu from Vesali, a city in the country of the Vajjis.

On the night of the full moon day of Kattika, the people of Vesali celebrated the festival of the constellations (Nakkhatta) on a grand scale. The whole city was lit up, and there was much merry-making with singing, dancing, etc. As he looked towards the city, standing alone in the monastery, the bhikkhu felt lonely and dissatisfied with his lot. Softly, he murmured to himself, "There can be no one whose lot is worse than mine". At that instant, the spirit guarding the woods appeared to him, and said, "those beings in niraya envy the lot of the beings in the deva world; so also, people envy the lot of those who live alone in the woods." Hearing those words, the bhikkhu realized the truth of those words and he regretted that he had thought so little of the lot of a bhikkhu.

Early in the morning the next day, the bhikkhu went to the Buddha and reported the matter to him. In reply, the Buddha told him about the hardships in the life of all beings.

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 302: It is hard to become a bhikkhu; it is hard to be happy in the practice of a bhikkhu. The hard life of a householder is painful; to live with those of a different temperament is painful. A traveller in samsara is continually subject to dukkha; therefore, do not be a traveller in samsara; do not be the one to be subject to dukkha again and again.

At the end of the discourse the bhikkhu attained arahatship.



Difficult is renunciation, difficult is it to delight therein.
Difficult and painful is household life.
Painful is association with those who are incompatible.
Ill befalls a wayfarer (in Sa'msaara).
Therefore be not a wayfarer, be not a pursuer of ill.
(Dhammapada, Verse 302)

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.**,
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma.

SÓNG LỚN

Anh chàng Đại Lãng thuở xưa
Có tài đồ vật rất tr tuyệt vời
Lại thêm sức mạnh hơn người,
Khi trong nội bộ ngay nơi viện nhà
Lúc thi đấu phô tài ra
Quả là vô địch, vượt xa cả thầy,
Nhưng mà kỳ lạ lắm thay
Ra ngoài công chúng chàng hay thẹn thùng
Rụt rè, nhút nhát vô cùng
Nên khi thi đấu lại thường hay thua
Mặc dù tài nghệ có thừa
Chàng vì lẽ đó suy tư muộn phiền
Muốn tìm về chốn cửa thiền
Mong thiền sư giúp mạnh thêm tinh thần.
Duyên đâu may mắn vô ngần
Có thiền sư nọ dừng chân chốn này
Trong thiền đường nhỏ gần đây,
Chàng đồ vật vội tìm ngay thăm thầy
Thành tâm cung kính trình bày
Ưu tư trở ngại lâu nay đủ điều.

Thiền sư nghe chuyện, dăm chiêu
Chợt ngài nghĩ tới sóng triều biển khơi:
"Tên con Đại Lãng đây thôi
Nghĩa là Sóng Lớn cao vời đại dương,
Tôi nay ở lại thiền đường
Trong chùa thanh tịnh, dăng hương, nguyện cầu
Rồi ngồi thiền định thật lâu
Tập trung tư tưởng trước sau kiên trì
Nghĩ mình là ngọn sóng kia
Phăng phăng cuốn tất cả đi dễ dàng,
Chẳng là đồ vật bình thường
Tính tình nhút nhát, thẹn thùng như xưa
Cứ như vậy mà trầm tư
Thời con sẽ chẳng bao giờ còn thua,
Trở thành đồ vật thượng thừa
Trên toàn đất nước khắp mùa đua tranh."
Thiền sư vào nghỉ sau màn
Anh chàng đồ vật đêm thanh ngồi thiền.

Một mình suy tưởng triền miên
Cho mình là sóng nơi miền biển xa,
Nào đâu dễ mường tượng ra
Nghĩ suy tán mạn thật là khó khăn.
Rồi chàng cố gắng dần dần
Tập trung tư tưởng xoay vần một nơi
Tạo ra cảm giác tuyệt vời
Mình là ngọn sóng trùng khơi bạc đầu

Êm đềm từng lớp trước sau
Mênh mông mặt nước đuổi nhau xô bờ
Liên miên tiếp nối hàng giờ
Lướt theo cánh gió nhẹ đưa chập chùng.
Đêm khuya khoát, cảnh mịt mùng
Từ từ gió chuyển bão bùng khắp nơi
Gió miên man, sóng toai bời
Trùng dương xao động, biển khơi thét gào
Đêm dần qua, sóng càng cao
Cuốn theo muôn vật trôi vào biển xa,
Trên bàn thờ để giữa nhà
Sóng lôi theo cả bình hoa trưng bày
Cùng bao tượng Phật nơi đây
Dập dình sóng bạc cuốn ngay theo dòng,
Khi trời chưa rạng vừng đông
Sóng dâng chìm ngập mênh mông phủ đầu
Thiền đường nhìn chẳng thấy đâu
Thênh thang từ phía một mầu đại dương.

Sáng ra rực rỡ muôn phương
Thiền sư bước tới thiền đường chợt vui,
Chàng đồ vật hãy còn ngồi
Môi chàng thoáng nở nụ cười thân tiên
Trầm tư, mặc tưởng, tọa thiền
Cõi lòng thanh thoát, não phiền tiêu tan.
Vỗ vai, ngài nói cùng chàng:
"Bây giờ con đã hết mang muộn sầu
Còn gì trở ngại nữa đâu
Con là sóng lớn bạc đầu dâng cao
Cuốn phăng mọi vật dễ sao
Sóng trôi cuốn cuộn ai nào cản chân!"

Chàng đồ vật vững trong tâm
Ngay ngày hôm đó dự phần đua tranh
Thắng kỳ thi đấu quang vinh,
Kể từ trận đó nổi danh như cồn
Giữ ngôi vô địch luôn luôn
Trên toàn nước Nhật ai hơn nổi chàng.

thơ **TÂM MINH
NGÔ TẮNG GIAO**

(thi hóa, phỏng theo Great Waves
truyện văn xuôi trong 101 ZEN STORIES
của Nyogen Senzaki và Paul Reps)

EVE ENSLER, ĐÓA SEN VƯỜN LÊN TỪ Bùn

CHỮA LÀNH UNG THƯ BẰNG PHẬT PHÁP
VÀ PHONG TRÀO CHỐNG LẠM DỤNG PHỤ NỮ

Huỳnh Kim Quang

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Không phải đợi đến khi phong trào #MeToo ra đời vào năm 2017 người phụ nữ mới mạnh dạn lên tiếng chống lại vô số những bạo hành và lạm dụng thể xác lẫn tinh thần từ trong gia đình ra ngoài xã hội, mà trước đó cả hai thập niên cũng đã có người dám đứng lên vận động chống lại giới mày râu ý mạnh hiếp yếu. Trong số những nhân vật tiên phong nổi tiếng nhất thế giới trong phong trào này là nhà văn, kịch tác gia, diễn viên và nhà hoạt động người Mỹ Eve Ensler.

Có thể nói rằng Eve Ensler là một đóa sen vươn lên từ trong bùn lầy ô uế của cuộc đời, từ cuộc đời cá nhân của bà đến cuộc đời chung của xã hội loài người mà bà sống trong đó.

Eve Ensler là một Phật tử tu theo Nhật Liên Tông của Phật Giáo Nhật Bản và thường xuyên niệm "Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh." Bà đến với Phật Giáo để tìm sự giải thoát nỗi đau và sự ám ảnh của những năm tháng bị lạm dụng tình dục và bạo hành thể xác cũng như tinh thần. Trong một lần trả lời phỏng vấn của David Swick được đăng trên trang mạng của Lionsroar.com ngày 1 tháng 5 năm 2009, bà cho biết rằng:

"Tôi có tu tập. Tôi là một Phật tử; Tôi tu tập nhiều năm. Tôi tụng kinh. Tôi tập thể dục rất nhiều. Tôi cố gắng cảm nhận cảm thọ của mình. Tôi thường ở giữa nỗi đau của nhiều người. Nhiều người cảm thấy bị sức ép, trên nền tảng về điều tôi đang chia sẻ, để san sẻ nỗi đau của họ với tôi. Đó là một đặc quyền to lớn, nhưng tôi cảm thấy vinh dự, và nó cũng là cực kỳ đau đớn."

Bà cũng đến với Phật Giáo Tây Tạng. Tại căn nhà ở miền quê vắng vẻ, Ensler tôn trí tượng đức Phật Mẫu Tara trên cái hồ bình yên nơi vườn nhà. Trong lần trả lời phỏng vấn của Lindsay Kyte vào ngày 16 tháng 8 năm 2019, Ensler kể rằng đức Tara là sức mạnh của sự

hướng dẫn và cảm hứng. Đức Phật Mẫu có đầy đủ lòng từ bi, trí tuệ, và sự nổi kết.

Nhờ ý tưởng nổi kết trong tương quan tương duyên này của Phật Giáo, bà đã sáng lập ra phong trào quốc tế rộng lớn V-Day và về sau là phong trào One Billion Rising để giúp tất cả các phụ nữ và con gái trên toàn thế giới bị lạm dụng tình dục hoặc bị bạo hành thể xác và tinh thần.

Phong trào V-Day tính đến năm 2016 đã quyên góp được trên 100 triệu đô la và giáo dục hàng triệu người về vấn đề bạo hành chống lại phụ nữ và các nỗ lực để chấm dứt nó. Phong trào cũng đã trình làng chương trình Karama tại Trung Đông để tái mở cửa các trại tạm cư, và tài trợ cho 12,000 chương trình chống bạo động tại các cộng đồng và những căn nhà an toàn cho phụ nữ tại Cộng Hòa Congo, Haiti, Kenya, South Dakota, Egypt và Iraq. Những căn nhà an toàn này cung cấp nơi an toàn cho phụ nữ khỏi bị lạm dụng, bị cắt bỏ bộ phận sinh dục phụ nữ và bị giết chết. Chữ V-Day tượng trưng cho sự chiến thắng, tình yêu, bộ phận sinh dục phụ nữ.

Phong trào One Billion Rising [Một Tỷ Đứng Lên] được Eve Ensler thành lập vào năm 2012 để vận động chấm dứt bạo động, và khuyến khích công lý và bình đẳng giới tính cho phụ nữ. Vào ngày 14 tháng 2 năm 2013, kỷ niệm năm thứ 15 của phong trào V-Day, phụ nữ và đàn ông tại nhiều quốc gia trên thế giới đã tổ chức các buổi khiêu vũ để đòi hỏi chấm dứt bạo hành chống lại phụ nữ và con gái.

Những nỗ lực vận động bảo vệ phụ nữ kể trên của Eve Ensler bắt nguồn từ kinh nghiệm đau thương của chính bà như là một nạn nhân của bạo hành tình dục.

Ensler sinh ra đời tại Thành Phố New York, là người con thứ 2 trong gia đình 3 người con. Cha bà, ông Arthur Ensler, là giám đốc một

công ty thực phẩm. Bà đã lớn lên tại vùng ngoại ô phía bắc của Scarsdale, New York. Cha bà là người theo Do Thái Giáo và mẹ bà là tín đồ Thiên Chúa Giáo. Bà trưởng thành trong cộng đồng mà người theo Do Thái Giáo chiếm đa số. Tuy nhiên, Ensler xác định bà là một Phật tử theo truyền thống Nhật Liên Tông của Nhật Bản.

Ensler kể rằng từ lúc 5 đến 10 tuổi, bà bị người cha lạm dụng tình dục và thể xác. Lớn lên, bà có lần phát biểu rằng bà *"rất buồn, rất giận, rất buồn bình. Tôi là đứa con gái tóc dơ. Tôi không thích hợp bất cứ ở đâu cả."* Đến năm Ensler 10 tuổi, người cha đã bóp cổ cô, đâm vào mặt cô, dọa đâm chết cô và đánh cô bằng dây nịt và mái chèo thuyền trong những hành động bệnh hoạn của đau đớn và sỉ nhục. Mẹ của Ensler đứng đó nhìn thấy mà im lặng không nói lời nào. Gia đình của Ensler chống lại cô. Cha cô đã qua đời lúc 31 tuổi. Cho tới lúc lâm chung ông không bày tỏ bất cứ lời ăn năn nào.

Những năm tháng của thời thơ ấu vào thập niên 1960s lúc đó bà sống ở Scarsdale, New York, Ensler nói với Lindsay Kyte trong cuộc phỏng vấn nói trên rằng, cuộc sống lắng lẽ tại miền đồng quê thật là khó hiểu đối với Eve Ensler tuổi trẻ, là người đã từng xem thế giới này như là kẻ thù của mình. *"Tôi sợ hãi cây cối,"* bà viết như thế trong hồi ký *"In the Body of the World."* *"Tôi đã không sống trong rừng. Tôi sống trong thành phố bê tông nơi mà tôi không thể nhìn thấy bầu trời hay mặt trời lặn hay các vì sao. Tôi chạy theo tốc độ của máy móc và nó nhanh hơn hơi thở của tôi. Tôi trở thành kẻ xa lạ với chính mình và đối với nhịp điệu của trái đất."*

Hơn thế đó, bà xem chính thân thể mình như là kẻ thù. *"Thân thể tôi là gánh nặng,"* bà viết thế. *"Tôi nhìn nó như cái gì đó không may bị giữ lại. Tôi có rất ít kiên nhẫn đối với những nhu cầu của nó."* Bà đã tìm quên lãng cơ thể

trong rượu, ma túy, tình dục, lạm dụng đàn ông, và ngay cả cái chết bằng tự tử. Đó là cách bà tìm cách rời bỏ cơ thể của mình bị người cha dày vò, lạm dụng, bao hành qua nhiều năm của thời thơ ấu. Bà viết, *"Có lúc tôi đã không thể ngừng uống rượu và làm tình."*

Ensler vào học trường Đại Học Middlebury College tại tiểu bang Vermont nơi cô nổi tiếng là một chiến sĩ đấu tranh nữ quyền. Sau khi tốt nghiệp vào năm 1975, cô đã lao vào thế giới truy lạc với ma túy và rượu.

Ensler biết rằng bà đã đụng phải tảng đá tận dưới đáy khi bà thức dậy trong một bãi đậu xe sau khi bị đánh gục bởi người bạn trai của mình, và bất ngờ nhìn ra rằng bà đang phung phí tài năng của mình, những món quà, và nhiều cơ hội. *"Tôi quý gối và thể với Thương Đế mà tôi đã không tin,"* bà viết như thế. *"nó như thể là tôi đã được trao trả lại tâm hồn của tôi, tôi đã thay đổi."*

Năm 1978, bà lập gia đình với Richard Dylan McDermott, thợ pha rượu 34 tuổi cũng chính là người đã kéo bà ra khỏi vũng bùn và làm lại cuộc đời.

Khi 23 tuổi, Ensler nhận Mark Anthony McDermott, 16 tuổi, con trai riêng của chồng đầu làm con nuôi. Mỗi quan hệ của họ thật là thân thiết, và Ensler nói rằng điều đó dạy cho bà *"làm sao để yêu thương con người."* Sau khi Ensler đau đớn vì bị sẩy thai, Mark lấy tên mà bà đã dự định đặt cho đứa bé xấu số, Dylan, đặt cho con trai ông. Ensler và cha của Dylan đã ly dị vào năm 1988, lý do là vì bà "cần độc lập, tự do." Theo một bài viết đăng trên báo Sydney Morning Herald, *"Sau khi cuộc hôn nhân chấm dứt, bà có mối quan hệ lâu dài với nghệ sĩ và nhà trị liệu tâm lý Ariel Orr Jordan nhưng hiện bà sống độc thân, điều này có vẻ thích hợp với lối sống vô định của bà - bà có nhà tại New York và Paris nhưng thường đi đây đi đó quanh năm."*

Dù không còn truy lạc và say sưa, Ensler cũng đã đối diện với sự lo lắng tê liệt, và cần tìm cách để hiểu và trình bày sự chấn thương, bà đã quay sang viết kịch. Trong các vở kịch của mình, Ensler đã chuyển cuộc sống chìm ngập trong ma túy của bà vào cuộc đời hoạt động và nghệ thuật ở mức độ cao và thấp. Như báo New York Times mô tả bà là *"một nhà viết kịch còn lu mờ, nhiều hoài bão nhưng bị trở ngại, bị đau khổ bởi những đánh giá xấu, và bị tra tấn bởi những vết thương cá nhân và toàn cầu."* Tuy nhiên, vở kịch Floating Rhoda và Glue Man của Ensler đã thu hút được sự chú ý của truyền thông, và vở kịch Necessary Targets của bà đã được Meryl Streep, Vanessa Redgrave, và Glenn Close khoe là có rất nhiều người đọc.

Cuộc đời của Ensler đã thay đổi vĩnh viễn năm bà ở tuổi 40 khi bà trao đổi với những phụ nữ khác về cơ thể của họ. *"Những câu chuyện của chúng tôi thường là loại riêng tư, bí mật xấu hổ mà chúng tôi giữ cho riêng mình, đặc*



Eve Ensler trong cuộc phỏng vấn của báo WSJ tháng 05.2019

biệt những người đã bị áp bức hay bị lạm dụng hay bị xâm hại," bà nói thế. "Khi bạn nói toát ra câu chuyện của bạn cho cả thế giới, thì điều đó nói với những người khác rằng, 'Tôi là ai, đây là điều đã xảy ra với tôi,' và bạn đột nhiên nhận thức ra rằng những người khác cũng đã có kinh nghiệm, những người khác đã cảm thông bạn, và rồi họ bắt đầu chia sẻ những câu chuyện của họ. Sự chia sẻ cho nhau những câu chuyện là sự chuyển đổi năng lượng."

Lắng nghe các câu chuyện của những phụ nữ khác dẫn đến việc Ensler viết "The Vagina Monologues" [Độc Thoại Âm Đạo], là vở kịch khám phá các chủ đề như những kinh nghiệm tình dục đồng thuận và không đồng thuận, hình ảnh thể xác, sự cắt bỏ bộ phận sinh dục, và buôn bán tình dục. Vở kịch được lên tiếng bởi các phụ nữ của nhiều danh tính khác nhau, gồm, như trang mạng của Ensler mô tả, "một bé gái 6 tuổi, một người sinh trưởng ở New York cỡ tuổi 70, một người tham dự hội thảo về âm đạo, một phụ nữ làm chứng sự ra đời của đứa cháu gái của bà, một người Bosnia bị hãm hiếp sống sót, và một người ủng hộ nữ quyền vui thú khi tìm ra một người đàn ông 'thích nhìn nó.'"

Từ lần đầu tiên được trình diễn tại một căn nhà hầm vào cuối thập niên 1990s, hiện nay The Vagina Monologues đã được dịch sang 48 thứ tiếng và được trình diễn tại hơn 140 quốc gia. Những nhân vật đóng vai trong vở kịch này đã thành những người nổi tiếng như Jane Fonda, Susan Sarandon, Whoopi Goldberg, và Oprah Winfrey. Nhờ vở kịch này mà Ensler đã đoạt được giải thưởng Obie Award vào năm 1996 cho "Vở Kịch Mới Hay Nhất" và vào năm 1999 bà được giải Guggenheim Fellowship Award in Playwriting.

Vở kịch The Vagina Monologues ra đời có nhiều phản ứng trái ngược nhau. Nhiều người khi thấy bích chương có chữ "vagina" đã giận dữ và vội vã xé quảng nó đi. Nhưng cũng có người nói rằng họ rất vui vẻ bởi vì theo họ thì ít nhất nhờ đó mà nhiều người hiện nay có thể mạnh dạn nói về thân thể của người phụ nữ một cách công khai. Sự im lặng làm cho câu chuyện ngày càng tồi tệ, như Ensler đã viết trong vở kịch The Vagina Monologues rằng, "Tôi đã từng lo sợ. Tôi lo sợ về vaginas. Tôi đã lo sợ về điều chúng ta nghĩ về vaginas, và ngày càng sợ hãi hơn rằng chúng ta không nghĩ về chúng."

Ensler đã bắt đầu nói một cách ám ảnh về vaginas, và chữ V-Day khởi sinh từ đây. V-Day là phong trào hoạt động toàn cầu mà bà sáng lập để chấm dứt bạo động chống lại phụ nữ và thanh thiếu nữ. Nó miêu tả các sự kiện sáng tạo để gia tăng nhận thức, gây quỹ, và làm hồi sinh tinh thần của các tổ chức chống bạo động đang có mặt. Qua các cuộc vận động của V-Day, hàng ngàn người trên khắp thế giới đã thực hiện các cuộc trình diễn phúc lợi hàng năm về vở kịch The Vagina Monologues và các



Eve Ensler và các phụ nữ và thiếu nữ trong phong trào One Billion Rising. (Photo by Paula Allen – www.lionsroar.com)

tác phẩm A Memory, A Monologue, A Rant, và A Prayer, tập hợp các bài viết được Ensler hiệu đính.

Như một phần trong công tác đột phá này, Ensler đã bắt đầu đi chu du khắp thế giới, 60 quốc gia tất cả, trong việc tìm tòi các câu chuyện của những phụ nữ là những người đã từng trải qua bạo động và đau khổ, những người đã trở nên bị lưu đầy khỏi cơ thể của họ, và những người đang tìm đường về nhà họ. "Tôi đã nghe về những phụ nữ bị quấy nhiễu trên giường của họ, bị treo lơ lửng trong bộ quần áo dài từ đầu tới chân, bị phóng acid trong nhà bếp của họ, bị bỏ cho chết trong các bãi đậu xe," bà viết như thế.

Ensler tới Congo vào năm 2007, nơi bà đã nghe kể nhiều câu chuyện đã làm tiêu tan những câu chuyện khác, những câu chuyện có trong thân xác của bà và làm bà không ngủ được. Bà viết rằng, "Congo là nơi tôi đã chứng kiến sự kết thúc của cơ thể, chấm dứt nhân tính, tận thế." "Diệt chủng, hãm hiếp có hệ thống, tra tấn dã man, và tiêu diệt phụ nữ và thanh thiếu nữ, được tuyển dụng như chiến thuật doanh nghiệp quân đội để bảo vệ an toàn các mỏ quặng."

Ensler cho biết rằng chính ngay tại Congo mà hiện thực của sự tương quan tương duyên, một giáo lý chủ chốt của Phật Giáo, đã bắt đầu tác động mạnh mẽ đối với bà. "Sự riêng biệt là ảo tưởng," bà cho biết. "Điều mà nhiều người trong chúng ta nỗ lực thực hiện hướng tới ngày nay là hiểu biết rằng các cơ thể của chúng ta không phân cách với chính chúng ta, thân thể của chúng ta không tách rời trái đất này, và chúng không phân ly nhau. Đó là cảm nhận về sự tách đôi, chia cách, đổ vỡ. Người ta không hiểu rằng họ là một phần của cùng một gia đình nhân loại."

"Điều mà tôi khám phá trong tác phẩm của mình như một nghệ sĩ là sự nhận thức rằng tất cả chúng ta đều nằm bên trong sự đấu tranh của nhau. Nếu bạn tìm câu chuyện sinh ra đời của tôi, hay sự nghèo đói hay điều gì đang xảy ra cho những người di dân hay điều gì đang



Eve Ensler ở tuổi 65 (Photo by Paula Allen – www.lionsroar.com)

xảy ra đối với trái đất, thì tất cả chúng ta đều ở trong trang mạng này. Nó tương tự như vậy trong cơ thể của bạn. Bạn không thể tách lá gan của bạn ra và nói rằng, 'Ồ, lá gan của tôi thật sự vĩ đại, nhưng tôi không thích trái tim của mình.'"

Nhưng bà Ensler cũng chứng kiến niềm hy vọng khôn nguôi và sức mạnh trong những người kể những câu chuyện mà bà đã nghe tại Congo. Phụ nữ đã nhận thức về một nơi tưởng tượng mà họ gọi là "The City of Joy" [Thành Phố của Niềm Vui] một thánh địa nơi mà họ sẽ được an toàn, có thể chữa lành, cùng đến với nhau, và giải thoát hết đau đớn và chấn thương. *"Khi bạn sống trong cộng đồng, bạn bắt đầu không bị tách rời,"* Ensler phát biểu. *"Bạn bắt đầu đúng kích cỡ của bạn. Bạn không quá nhỏ và không quá lớn. Bạn vừa đúng kích cỡ trong cộng đồng đó. Khi bạn lẻ loi một mình, bạn cực kỳ nhỏ bé hay to lớn quá cỡ, bạn biết mà phải không?"*

Ensler đã quyết định biến Thành Phố của Niềm Vui thành hiện thực, và đã thực hiện với nguồn tài chính của bà từ việc gây quỹ của sự kiện V-Day và với Cơ Quan UNICEF của Liên Hiệp Quốc để xây dựng và duy trì nó. Sau nhiều trì hoãn, nản lòng, và lừa gạt, Thành Phố của Niềm Vui đã lên lịch trình khai trương vào tháng 5 năm 2010. Nhưng đến tháng 3, các bác sĩ khám phá một cục bướu lớn trong tử cung của Ensler. Người phụ nữ tìm kiếm những câu chuyện của nhiều người về thân thể của họ đã phải đối diện với cơ thể của chính bà.

Eve Ensler hiện đang sống trong thế giới của bệnh ung thư -- bệnh viện, bác sĩ, bệnh hoạn, đau khổ. *"Cơ thể của tôi không còn trừu tượng nữa,"* bà viết như vậy. *"Có nhiều người đàn ông cắt xẻ vào nó và những cái ống ra khỏi nó và những cái bao và những cái ống thông dẫn lưu nó và những cây kim đâm nó và làm nó chảy máu. Tôi là máu và phân và nước tiểu và âm đạo. Tôi đang chảy và buồn nôn và sốt và suy yếu. Tôi thuộc về thân xác, trong cơ thể. Tôi là thân thể. Thân thể. Cơ thể. Thế xác."*

Ung thư, chứng bệnh của những tế bào chia cắt một cách bệnh hoạn, đốt cháy các bức tường của sự chia cách của tôi và hạ cánh tôi trong thân xác của tôi, giống như Congo đã hạ cánh tôi trong thân thể của thế giới."

Ensler cho biết rằng qua việc điều trị bà cần tìm cách để trở thành ai đó khác hơn là một bệnh nhân ung thư. Một người đã giúp được bà là Mama C, người thông dịch và hướng dẫn của Ensler tại Congo. Bà ấy nói chuyện điện thoại với Ensler và kể cho Ensler nghe về sự thú vị của trái xoài, hay về sự tham nhũng trong lúc sửa soạn tại Thành Phố của Niềm Vui, không giấu điều gì hết. Mama C đã mang năng lực của cuộc sống trở lại cho thế giới nhỏ bé của phòng bệnh viện và máy móc của bà Ensler.

Một cách khác mà bà Ensler tự tìm thấy trong bệnh ung thư để buông xả tự ngã của bà. *"Cái tôi của tôi đã chạy khỏi,"* bà viết. Để giúp bà ấy điều hướng thế giới mới vô ngã này, Ensler quay về Đạo Phật. Một ngày trước khi bà bắt đầu hóa trị, bà đã lập một bàn thờ với tượng Phật Mẫu Tara, đặt lễ vật cúng bằng một chiếc khăn choàng màu hồng và các đồ nữ trang, và tụng thần chú, *"Lạy Đức Phật Mẫu Tara, con cần ngài ngay bây giờ."*

Vào tháng 6 năm 2011, Thành Phố của Niềm Vui đã khai trương, với nhiều lễ ăn mừng. Ensler, với đầu tóc đã cắt, đã có mặt ở đó, 3 tuần sau lần giải phẫu cuối cùng của bà, khiêu vũ khi giấc mơ về một nơi cho cơ thể của phụ nữ để chữa lành được dựng lên trên mặt đất vững chắc.

Được củng cố bởi sự thành công này và công việc của bà được tiếp tục với V-Day, vào năm 2012 Ensler đã giúp sáng lập phong trào One Billion Rising. Nó được mô tả trên trang mạng của phong trào này như là *"hành động tập thể lớn nhất để chấm dứt bạo động chống lại phụ nữ trong lịch sử nhân loại. Phong trào này bắt đầu như một lời kêu gọi hành động dựa trên thống kê kinh ngạc rằng 1/3 phụ nữ trên hành tinh sẽ bị đánh đập hay bị hãm hiếp trong cuộc đời của họ. Với dân số 7 tỉ người, con số này lên tới hơn 1 tỉ phụ nữ hay thanh thiếu nữ."*

Phong trào One Billion Rising có nhiều hành động, như kêu gọi phụ nữ trên khắp thế giới tham gia vào các cuộc khiêu vũ tập thể như là cách đi vào cơ thể để thay đổi và yêu thương chúng.

"Khiêu vũ là sự biểu hiện thánh thiện sâu sắc của con người," Ensler nói như vậy. *"Đây là cách chúng ta biểu hiện âm nhạc của nỗi sợ hãi của chúng ta, về một điều gì đó vượt ra ngoài chúng ta, và thể hiện chính chúng ta không phải bằng lời mà qua năng lượng di chuyển qua chúng ta. Bạn thực sự cho mọi người thấy năng lượng đó trông giống cái gì khi nó được biểu hiện qua thân thể của bạn."*

Khi người ta cùng nhau khiêu vũ, họ có thể bày tỏ những cảm xúc và cảm giác không tạo

ra sự phân đôi. Họ tạo ra sự cởi mở và mời gọi. Mọi người hãy làm điều đó." Một triệu nhà hoạt động tại 200 quốc gia đã tham gia vào các hoạt động của One Billion Rising, và trang mạng của phong trào này rục rờ với nhiều videos về nhiều người cùng khiêu vũ vui vẻ trên khắp thế giới.

Hiện nay, ở tuổi 65 và đã chữa lành ung thư, Eve Ensler có quan niệm khác hoàn toàn về "cơ thể."

"*Thân thể của chúng ta là thứ kết nối với tất cả các pháp,*" bà cho biết. "*Chúng ta phải chiếm giữ hoàn toàn thân thể của mình. Tôi lơ lửng ở đây trong đầu và tôi bị cắt đứt quan hệ với thiên nhiên, với cảm giác, với ký ức của tôi. Khi bạn không còn nối kết với cơ thể của bạn, thì bạn không ở trong ý thức cao; bạn không còn ý thức. Bạn bị chia xắt thành mảnh. Trong cuộc hành trình trở lại thân thể của tôi, càng vào sâu tôi càng tới đây một cách bất ngờ. Trong cách tốt. Trong cách mà bạn có thể đạt được kinh nghiệm nhất thể."*

Hiện Ensler vẫn tiếp tục sáng tác và hoạt động. Tác phẩm mới của bà là cuốn "The Apology" [Lời Xin Lỗi], là cách để bà cố gắng hiểu sự lạm dụng của cha bà qua việc viết lách. Bà nói rằng, "*thật là quan trọng để chúng ta trở lại với những vết thương và đi qua chúng để chúng ta có thể giải thoát chúng."*

Ngoài ra bà còn tập trung vào việc phục vụ thế giới này, hành tinh này, mẹ thiên nhiên này. Bà nói rằng, "*Chúng ta đã phá hủy quá nhiều thứ và quá nhiều thứ mà mẹ thiên nhiên đã cho chúng ta hài lòng."*

Ensler quả thật là đóa sen tỏa ngát hương trong bùn lầy thế gian!



THƯƠNG VỀ CỐ QUỐC

*Cũng đã bao thu cách xóm làng
Nhớ quê, thương nước mới về thăm
Nghe tin thêm ngán đời đen trắng
Độc báo càng buồn chuyện trái ngang
Dưới ách độc tài bao tăm tối
Trên nền dân chủ mãi sáng choang
Thương về cố quốc lòng quặn thắt
Kẻ thắng như loài cú rừng hoang
Đối cảnh không ngăn nên bật khóc
Nhuộm đỏ quê hương, một lũ cuồng!
Có thấy hôm nay tại Hồng Kông?
Thế giới khắp nơi phải động lòng
Nhân dân vùng dậy đòi dân chủ
Cộng sản chủ nghĩa quá lỗi thời!*

THẨM KỊCH

*Rừng thu lổ nhố lũ sơn dương
Nghênh ngáo đưa nhau đến vũ trường
Đế khóc, ve than làm nhịp điệu
Đêm thâm chú cọp (*) ẩn trong sương*

*Nào hay chú cọp ẩn trong sương!
Giương vuốt, nhe nanh về Chúa Vương
Mãi miết bày dương đang nhảy múa
Ngờ đâu thâm kịch diễn đêm trường!*

thơ **DIỆU VIÊN**

San Jose, 2020

(*) Cọp chỉ Trung Cộng.

LUÂN HỒI

trong KINH PHÁP CÚ

Tâm Minh Ngô Tằng Giao



ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Từ xưa đến nay người ta thường thắc mắc về vấn đề mất còn, sống chết. Có hai thuyết làm cho người ta chú ý đến nhiều nhất. Một thuyết cho rằng loài người cũng như loài vật, một lần chết là mất hẳn, không còn gì tồn tại sau đó nữa. Một thuyết cho rằng loài người chết đi, nhưng linh hồn vẫn vĩnh viễn còn lại, được lên thiên đàng hay bị xuống địa ngục.

Cả hai thuyết trên đều không đúng với sự thật. Chết rồi, không thể là hoàn toàn mất hẳn được, vì ở đời này, không có vật gì là mất hẳn. Cho đến một hạt cát, một may lông cũng không thể mất hẳn, huống là cái thân con người. Nhưng bảo rằng linh hồn thường còn, ở mãi trên thiên đàng hay dưới địa ngục cũng không đúng. Trong vũ trụ không có một cái gì có thể vĩnh viễn ở yên một chỗ, mà trái lại, luôn luôn biến đổi và xô dịch. Và lại, có gì bất công hơn là chỉ vì những cái nhân đã gieo trong một đời hiện tại ngăn ngùi, mà phải chịu cái quả vĩnh viễn tốt hay xấu trong tương lai? Hai thuyết trên này đều bị Đạo Phật bác bỏ.

Theo giáo lý Đạo Phật thì chúng sinh không phải đoạn diệt, cũng không phải thường còn, mà quay lộn trong cảnh sinh tử "luân hồi". Luân hồi theo chữ Hán thì "luân" là bánh xe, "hồi" là trở lại. Hình ảnh bánh xe quay tròn trở lại dùng để hình dung sự xoay chuyển của mỗi chúng sinh trong sáu cõi. Khi đầu thai ở cõi này, khi ở cõi khác. Từ sinh, sinh tử tiếp nối không ngừng, như bánh xe quay lẩn. Khi đã công nhận luật nhân quả, thì chúng ta cũng không thể phủ nhận sự luân hồi, vì luân hồi chẳng qua là nhân quả liên tục. Bánh xe luân hồi quay tròn. Trên vòng tròn ấy, không có điểm khởi đầu cũng không có điểm kết thúc. Bánh xe ấy cứ quay mãi trong vòng trầm luân của sinh tử khổ đau cho đến khi nào con người tu tập và đạt đến sự giải thoát tối thượng.

Vua Ba Tư Nặc một hôm ra khỏi thành bắt gặp thấy một thiếu phụ rất xinh đẹp. Bà này đã có chồng. Muốn chiếm đoạt bà nên vua tìm cách hãm hại người chồng, sai người chồng đi làm một công chuyện khó khăn ở nơi thật xa,

nếu không thành công sẽ bị trừng phạt. Suốt đêm hôm đó vua không ngủ được, bên tai cứ nghe văng vẳng tiếng kêu than của người tử dưới địa ngục. Vua đến hầu Phật và bạch rằng vua cảm thấy đêm dài vô tận. Người chồng cũng trình với Đức Phật rằng một dặm đường thật quá dài. Đức Phật đúc kết hai câu chuyện và thêm rằng đối với người không biết giáo pháp, vòng luân hồi mới quả thật là xa xôi diệu vợi:

(Pháp Cú 60)

Người mất ngủ thấy đêm dài

Bộ hành mỗi một than hoài đường xa

Luân hồi cũng vậy thôi mà

Chập chùng tiếp nối thật là tái tê

Với người ngu dại, u mê

Biết gì chánh pháp, hiểu chi đạo mầu.

Con người nào hay ngoài nổi cơ cực của kiếp người, còn có đời sống siêu thoát, đời sống an lành. Đó là đời sống của người hiểu "chân diệu pháp". Không hiểu "chân diệu pháp" con người sẽ khổ đau mãi mãi trong kiếp luân hồi. Chân diệu pháp chính là Phật pháp. Trong vũ trụ tất cả sự vật, từ vật nhỏ như hạt bụi, đến lớn như quả địa cầu, không vật nào chẳng luân hồi:

1. Đất luân hồi: Đất làm thành bình hoa. Một thời gian bình bị bể và lại thành đất. Đất này lại làm thức ăn cho cây cỏ. Cây cỏ tàn rụi trở thành phân bón cho cây khác, hoặc làm thực phẩm cho động vật. Động vật ăn cây cỏ này vào, hoặc bài tiết ngay ra ngoài để thành phân, thành đất, hoặc biến thành máu huyết, da thịt để một ngày kia thân thể động vật già yếu, sẽ tan rã thành đất lại. Bao nhiêu lần thay hình đổi dạng đất lại trở thành đất sau một vòng luân chuyển.

2. Nước luân hồi: Nước bị sức nóng mặt trời bốc thành hơi. Hơi bay lên không gặp lạnh biến thành mây. Mây tụ lại rơi xuống thành mưa. Mưa chảy xuống ao hồ thành nước lại. Hoặc nước mưa gặp hơi lạnh quá, đọng lại thành băng giá. Băng giá gặp hơi nóng mặt trời tan ra lại thành nước.

3. Gió luân hồi: Gió là sự luân chuyển của

không khí. Không khí bị sức nóng mặt trời bốc cháy, giãn ra, bốc lên cao làm thành những khoảng trống. Để bù vào những khoảng trống ấy, không khí ở các nơi khác bay tới điền vào, gây thành luồng gió. Không khí xê dịch chậm thì gió nhỏ, xê dịch nhanh thì gió lớn, xê dịch nhanh nữa thì thành bão, nhưng bản chất của nó bao giờ cũng là không khí.

4. Lửa luân hồi: Lửa là một sức nóng làm cháy được vật. Khi đủ nhân duyên thì sức nóng phát ra lửa. Chẳng hạn hai thanh củi trong trạng thái bình thường thì chúng ta chẳng thấy sức nóng ở đâu cả, nhưng khi chà sát vào nhau một hồi, thì lửa liền bật lên. Ngọn lửa này có thể đốt hai thanh củi kia, và hai thanh củi này một phần hóa thành tro than, một phần biến thành thán khí. Những cây khác dùng rễ mình để thu hút thán khí, chất chứa lại sức nóng để một ngày kia, gặp đủ nhân duyên lại bùng cháy lên. Như thế, sức nóng bao giờ cũng có sẵn, nhưng khi thì nó ở trạng thái tiềm phục, khi thì ở trạng thái phát hiện. Mắt chúng ta chỉ thấy khi nó phát hiện, và chỉ khi ấy mới cho là nó có, còn khi nó ở trạng thái tiềm phục thì ta bảo là nó không có. Thật ra thì nó chỉ luân hồi qua những trạng thái khác nhau, chứ không phải dứt đoạn hay mất hẳn.

5. Cảnh giới luân hồi: Kinh Phật thường nói: "Thế giới nhiều như cát sông Hằng". Thật thế, ban đêm chúng ta nhìn lên trời, thấy hằng hà sa số tinh tú. Mỗi tinh tú là một thế giới và mỗi thế giới ấy đều không thoát ra ngoài định luật chung là "thành, trụ, hoại, không". Mỗi phút giây nào cũng có sự sinh diệt của thế giới. Thế giới này tan đi, thì thế giới khác nhóm lên, như một làn sóng này mất đi thì một làn sóng khác nổi lên, làm nhân làm quả, tiếp nối cho nhau, luân hồi không bao giờ dứt.

6. Thân người luân hồi: Thân người, hay thân thú vật cũng thế, xét cho cùng thì cũng do bốn chất lớn ("tứ đại") là "đất, nước, gió, lửa" mà có. Như trên chúng ta đã thấy, tứ đại đều luân hồi, thì thân người cũng phải luân hồi theo. Khi thân này chết và tan rã, thì chất cứng dẻo trả về cho Đất; chất đượm ướt trả về cho Nước; hơi nóng trả về cho Lửa; hơi thở và sự cử động trả về cho Gió. Rồi bốn chất này tùy theo duyên chung hợp lại, làm thành cây cỏ hay thân người khác. Người khác đến khi chết rồi, bốn chất đó trở về bản thể cũ của chúng. Khi thành thân người, lúc làm thân súc vật, năm nay tụ hợp ở đây, sang năm đã rời đi nơi khác, không phải thường còn, cũng không phải mất hẳn, mà là luân hồi.

7. Tinh thần Luân hồi: Con người không phải chỉ gồm có tứ đại. Ngoài tứ đại, còn có phần tâm lý nữa, hay nói một cách tổng quát hơn, còn có tinh thần. Phần thể xác đã không tiêu diệt mà chỉ biến hóa luân hồi, thì tâm hay tinh thần, cũng không tiêu diệt mà chỉ biến chuyển xoay vần mà thôi. Như đã nói, tất cả những hành động của thân tâm tạo thành cho chúng ta một cái nghiệp. Cái nghiệp ấy biến

dịch, xoay vần mãi theo một định luật chung, đó là luật nhân quả. Đến đây, chúng ta thấy được sự tương quan mật thiết giữa nhân quả và luân hồi. Đã có nhân quả, tức phải có luân hồi (trừ trường hợp tu nhân giải thoát); đã có luân hồi phải tuân theo luật nhân quả.

Truyện tích kể rằng một thầy Sa di trẻ tuổi không biết giữ gìn các giác quan, nhìn gái đẹp mà mím cười, lòng khởi lên dục vọng. Cô gái bực bội gọi thầy là "ông trọc đầu". Thầy nổi sân, không ai làm dịu được thầy. Đức Phật dùng phương pháp hòa giải và thuyết phục. Ngài dạy hãy từ bỏ tham vọng thấp hèn, chớ buông lung chạy theo cảnh vật bên ngoài, phải biết thanh lọc tâm ý thời sẽ tránh khỏi bị trôi lăn mãi trong cảnh sinh tử, tử sinh của vòng luân hồi:

(Pháp Cú 167)

Đừng theo dục vọng thấp hèn

Sống đừng buông thả đắm chìm bản thân

Đừng mang thành kiến sai lầm

Đừng tăng thêm mãi dương gian nã phiền

Luân hồi sinh tử triền miên.

Có thể nói một cách chắc chắn rằng, chúng ta lúc sinh tiền tạo nhân gì, thì khi chết rồi, nghiệp lực dẫn dắt tinh thần đến chỗ nó thọ báo không sai. Nếu tạo nhân tốt, thì luân hồi đến cảnh giới giàu sang, thân người tốt đẹp. Còn tạo nhân ác, thì luân hồi đến cảnh giới nghèo hèn, thân hình xấu xa, tàn tật. Tùy theo nghiệp nhân mình tạo mà một chúng sinh có thể nhập vào một trong những cảnh giới sau đây:

- Địa ngục: nếu tạo nhân sân hận, độc ác làm nhiều điều tội lỗi vừa hại mình vừa hại người.

- Ngạ quỷ (quỷ đói khát): nếu tạo nhân tham lam, bòn sẻn, không biết bố thí, giúp đỡ người, từ tiền của đến giáo pháp, trái lại, còn mưa sâu, kể độc, để cướp đoạt của người.

- Động vật (súc sinh): nếu tạo nhân si mê sa đọa theo thất tình, lục dục, tửu sắc, tài khí, không xét hay dở, tốt xấu.

- A Tu La (một loại thần nóng nảy giữ tợn): nếu tạo nhân trong trường hợp gặp việc nhân nghĩa thì làm, gặp việc sai quấy cũng không tránh, vừa cương trực, mà cũng vừa độc ác. Tạo nhân như vậy, kết quả sẽ gặp vui sướng cũng có, mà buồn khổ cũng nhiều.

- Người (nhân): Tu theo "ngũ giới" thì đời sau trở lại làm người, cao quý hơn muôn vật.

- Trời (thiên): Bỏ "mười điều ác" tu theo "thập thiện" thì sau khi chết, được sinh lên cõi trời. Nhưng nên nhớ cõi trời này cũng còn ở trong vòng phàm tục, chịu cảnh sinh tử, luân hồi.

- Muốn thoát ra ngoài cảnh giới sinh tử luân hồi, và đến bốn cõi Thánh là Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát và Phật, thì phải tu nhân giải thoát.

Ngày kia Đại đức Xá Lợi Phất vô tình chạm nhằm vành tai của một tăng sĩ vốn đã có lòng ganh tị với thầy. Tăng sĩ này đem câu chuyện

bạch lại với Đức Phật. Khi được hỏi đến, thầy Xá Lợi Phất không tự bào chữa mà chỉ mô tả lại đời sống khiêm tốn của thầy từ lúc xuất gia. Tăng sĩ kia nghe xong lấy làm ăn năn hối hận, xin sám hối với thầy và thầy cũng vậy, xin sám hối trở lại, nếu thầy có làm điều chi lỗi lầm, phạm đến tăng sĩ. Nhân đó Đức Phật ca ngợi Đại đức Xá Lợi Phất, ví thầy như đất, im lìm, trầm lặng không hề xao xuyên:

(Pháp Cú 95)

*Bao sân hận chẳng vương mang
Tâm như một cõi đất bằng phẳng kia
Và như trụ đá kiên trì
Như hồ trong lặng không hề bùn nhơ
Người như vậy chẳng bao giờ
Luân hồi sinh tử diễn ra được nào.*

Một ông cha vợ đã đến tuổi già mà chưa làm được việc thiện nào. Chú rể thỉnh Đức Phật và chúng Tăng về nhà để cúng dường thay cha vợ. Đức Phật dạy cụ già:

(Pháp Cú 238)

*Hãy lo tự tạo cho mình
Một hòn đảo để tu hành bình an
Tinh cần, trí tuệ, khôn ngoan
Gột đi dục vọng, phá tan não phiền
Sẽ không quay trở về miền
Quần quanh sinh lão, triển miên luân hồi.*

La Hầu La là một Sa di trẻ tuổi, đã đặc quả A La Hán, nằm ngủ trước hương thất của Đức Phật. Ma vương đến, cố ý làm cho thầy sợ hãi. Đức Phật nhận thấy và tuyên bố rằng người này đã đạt đến mức toàn thiện, không còn lo sợ, không còn ô nhiễm, xa lìa ái dục, tiêu trừ hết mọi gai chướng của đời sống trần tục, thì chỉ còn thân này là cuối cùng, không bị tiếp tục sinh diệt trong vòng luân hồi nữa:

(Pháp Cú 351)

*Mục tiêu ai đạt tới nơi
Không còn sợ hãi. Xa rời nhiễm ô
Xa lìa ái dục êm ru
Cắt đi gai chướng nhỏ to trong đời
Mũi tên sinh tử nhỏ rồi
Thân này là cuối, luân hồi còn đâu.*

Đức Phật dạy thêm rằng người không còn ái dục, không còn luyến tiếc, bỏ hết mọi ham muốn các thú vui vật chất thấp hèn, dẹp bỏ mọi thành kiến, mọi tà kiến, thông suốt ý nghĩa trong kinh điển giáo lý, là bậc trí tuệ uyên thâm, là bậc vĩ nhân. Họ là người mang thể xác cuối cùng và không còn tiếp tục sinh diệt trong vòng luân hồi nữa:

(Pháp Cú 352)

*Xa lìa ái dục tâm thường
Không còn luyến tiếc vẫn vương bận lòng
Bao nhiêu giáo pháp tinh thông
Lời văn, ý nghĩa vô cùng hiểu sâu
Là người trí tuệ hàng đầu
Vĩ nhân đáng kính, còn đâu luân hồi,
Thân này là cuối cùng rồi.*

Thầy Xá Lợi Phất một hôm dẫn năm trăm vị Tỳ kheo đi khất thực và đến trước nhà mẹ thầy. Bà mẹ mời mọi người vào nhà và dọn thức ăn. Nhân dịp này bà mẹ già nặng lời quở

mắng thầy vì thầy bỏ nhà đi tu, nhưng thầy nhận nại chịu đựng. Khi nghe thuật lại hạnh nhân nhục này, Đức Phật ngợi khen vị đệ tử mình là đã làm tròn nhiệm vụ, thận trọng tự khép mình vào khuôn khổ khắc khe của đời sống đạo hạnh, sẽ mang xác thân này lần cuối cùng bởi vì đã tận diệt mọi dục vọng, sẽ không còn tái sinh nữa:

(Pháp Cú 400)

*Ai không nóng giận với người
Chu toàn bốn phận, sống đời trang nghiêm
Không tham ái, biết tự kiềm
Xác thân hiện tại trở nên cuối cùng
Luân hồi sinh tử chẳng còn
Bà La Môn gọi tên không sai gì.*

Người họ có biệt tài biết được một người chết rồi sẽ tái sinh đi đâu khi gõ nhẹ vào cái sọ của người chết. Ngày kia ông đến nơi Phật ngự. Đức Phật đưa ra năm cái sọ. Ông nói đúng tất cả mọi trường hợp, ngoại trừ trường hợp cái sọ của một vị A La Hán đã viên tịch. Ông không thể biết được vị ấy đi về đâu. Ông bạch hỏi Đức Phật ông phải làm thế nào để biết. Đức Phật nói nếu ông xuất gia Ngài sẽ chỉ dạy. Vì muốn biết, ông họ xin thọ lễ xuất gia và sớm đặc quả A La Hán. Đức Phật dạy rằng dù biết được nơi thác sinh của kẻ khác cũng chưa đủ, phải tu tập thêm để chứng quả A La Hán, chứng được vô sinh thời mới hết bị vướng vào vòng luân quần khổ đau của luân hồi. Khi đó thời không còn ai hay biết được nơi thọ sinh của mình nữa vì mình đâu còn tái sinh:

(Pháp Cú 420)

*Ai mà sau lúc qua đời
Dù chư thiên hoặc loài người khắp nơi
Hay chúng sinh ở cõi trời
Không hay biết họ về nơi chốn nào,
Họ là bậc đáng tự hào
Nhiễm ô, dục vọng diệt bao lâu rồi
Chẳng còn sinh tử luân hồi
Bà La Môn xứng tên người biết bao!*

Cần lưu ý là khi chết rồi, một chúng sinh ở cảnh giới này, có thể đầu thai qua cảnh giới khác, chứ không phải chỉ có người mới đầu thai làm người mà thôi. Những loài thú có tâm trạng gần giống người, có thể đầu thai làm người được, cũng như những người, có tâm trạng lang sói, sẽ trở thành lang sói. Người ta thường có quan niệm sai lầm rằng, người có linh hồn người, thú vật có linh hồn thú vật và linh hồn người hay linh hồn thú vật đều bất biến, dù chết hay sống. Vì suy nghĩ như thế, nên người ta không thể công nhận rằng: chết rồi, linh hồn người trở lại chui vào thân hình chó, mèo chẳng hạn, và hồn chó mèo lại có thể vào nằm trong lột thân hình con người.

Thật ra, nghiệp không phải là linh hồn, mà là một năng lực có nhuộm tính chất những hành động của mỗi chúng sinh. Vì tính chất riêng biệt ấy, mà "nghiệp lực" nhập vào một hình thức này hay một hình thức khác, do cái luật hấp dẫn (đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu). Thay vì nói người trở thành thú,

hay trái lại, thú kia trở thành người, đúng hơn, nên nói “nghiệp lực phát hiện dưới hình thể người hay dưới hình thể thú”.

Với giáo lý luân hồi, chúng ta phần khởi mà tin rằng chết rồi không thể mất hẳn. Nhưng nếu chúng ta không biết vun trồng cội phúc, không cố gắng sống một đời sống có đạo đức, thì đời sau, chúng ta sẽ sinh vào cảnh giới xấu xa đen tối. Giáo lý luân hồi làm cho chúng ta thêm lòng tự tin, tự thấy mình là chủ nhân của đời mình, mình tạo nghiệp nhân gì, thì mình chịu nghiệp quả ấy, chứ không ai cầm cân thường phạt, ban phước, giáng họa cho mình cả.

Nay chúng ta đã hiểu ý nghĩa và giá trị của giáo lý luân hồi, chúng ta nên cố gắng cải tạo tư tưởng, lời nói là hành vi của chúng ta, để tránh cho kiếp sau khỏi lâm vào cảnh giới đau khổ. Một khi các nhân ác đã được rửa sạch, những quả lành đầy đủ, các nghiệp hữu lậu không còn, lúc bấy giờ chúng ta có thể thoát ra khỏi luân hồi sinh tử và đạt đến cảnh giới tốt đẹp, bất sinh bất diệt của các vị A La Hán, Bồ Tát hay Phật.

Sống và chết cũng như thức và ngủ, vậy thôi. Chúng ta không nên quan tâm quá đáng về cái chết, vì ai cũng chết. Điều đáng quan tâm hơn là sống và sống như thế nào để lúc chết được bình an. Vì lẽ đó, đối với Phật tử chúng ta cần phải sống giữ tâm linh trong sạch, đừng làm điều gì gây khổ đau cho chính mình và cho kẻ khác, nhất là phải luôn luôn ý thức rằng cuộc đời là vô thường. Nên quan niệm rằng “*trần gian này là chiếc cầu, hãy đi qua nó chứ đừng xây nhà trên nó*”. Cho đến khi nào tâm được trong sạch, thanh bình, không còn luyến tiếc, không còn bám víu vào bất cứ một điều gì, thì khi đó sự chết của chúng ta như “*lên thuyền sang sông*”, giải thoát mọi khổ đau và thanh thản lìa đời trong sự bình an phúc lạc.

Một chàng thanh niên con nhà giàu có đem lòng thương một cô gái làm nghề diễn viên nhào lộn khi thấy cô này biểu diễn rất khéo léo và duyên dáng. Muốn cưới nàng làm vợ chàng phải rời nhà ra đi theo đoàn hát xiếc. Về sau này chính chàng cũng luyện tập để trở thành một nhà leo dây nhào lộn. Một hôm chàng đang biểu diễn tài nghệ của mình và đang được dân chúng tán thưởng thời đoàn hát sĩ của Đức Phật đi đến. Mọi người tranh nhau tới đánh lễ Đức Phật, chẳng ai màng nhìn tiếp trò nhào lộn.

Chàng nghe Đức Phật dạy bên dưới “Chớ tham luyến vào thân tâm năm uẩn, hãy mau mau tìm lối thoát khỏi vòng sinh tử luân hồi, đừng luyến ái dĩ vãng, hiện tại, hay tương lai. Hãy vượt qua bờ bên kia của kiếp nhân sinh trần tục với tâm giải thoát, để khỏi chịu cảnh tử sinh luân hồi trở lại với mình”. Chàng chợt thức tỉnh. Sau khi rời đoàn hát chàng xin thọ giới Tỳ kheo, chẳng bao lâu chứng được quả vị A La Hán. Chàng vẫn không quên lời Phật dạy:

(Pháp Cú 348)

*Mặc cho quá khứ trôi đi
Nú chi hiện tại, chờ gì tương lai*

*Rời mau bến thăm cuộc đời
Vượt qua bờ nọ là nơi tuyệt vời
Khi tâm đã giải thoát rồi
Đâu còn sinh lão nổi trôi xoay vần.*

Liên sau khi thành đạo tại cội bồ đề, một trong những tuyên ngôn đầu tiên của Đức Phật đã được cất lên giữa dòng đời với nội dung giải thoát vòng luân hồi trầm luân. Khái hoàn ca đó đã được ghi lại trong kinh tạng như sau:

(Pháp Cú 153 - 154)

*Lang thang khắp nẻo luân hồi
Qua bao tiên kiếp nổi trôi ta bà
Tìm không gặp kẻ làm nhà
Chuyên gây cuộc sống diễn ra rồi bời,
Nay ta bắt gặp người rồi
Kẻ làm nhà hỡi, ngừng thôi đừng làm!
Rui mè người đã gây ngang
Rui mè dục vọng tan hoang đã đành,
Cột kèo người cũng tan tành
Cột kèo tấm tối vô minh hại người!
Niết Bàn ta chứng đắc rồi
Bao nhiêu tham ái dứt nơi tâm này.*

Ở đây, Đức Phật xác nhận cuộc đi thênh thang bất định trong nhiều kiếp sống quá khứ đầy đau khổ, một sự kiện hiển nhiên chứng minh có nhiều kiếp tái sinh. Ngài phải đi bất định, và do đó, phải chịu khổ đau, phải lang thang mãi cho đến ngày tìm ra được “kiến trúc sư” đã xây dựng cái nhà này, tức thể xác này. Trong kiếp cuối cùng, giữa khung cảnh cô đơn tịch mịch của rừng thiêng, lúc đi sâu vào công trình thiền định mà Ngài đã dày công trau giồi từ xa xôi trong quá khứ, trải qua cuộc hành trình bất định, Ngài khám phá ra kẻ làm nhà hăng mong mỏi muốn biết.

Kẻ làm nhà này là nguyên nhân luân hồi. Kẻ làm nhà này không ở ngoài, mà ở sâu kín bên trong Ngài, khiến Ngài bị tái sinh mãi để mang cái thân xác này. Đó là dục vọng, ái dục, sự tự tạo, một thành phần tinh thần luôn luôn ngủ ngầm bên trong tất cả mọi người. Dục vọng xuất phát bằng cách nào thì không thể biết. Cái gì ta tạo ra, ta có thể tiêu diệt. Tìm ra kẻ làm nhà tức tận diệt dục vọng, trong lúc đắc quả A La Hán, mà trong bài kệ này, ý nghĩa bao hàm trong thành ngữ chấm dứt dục vọng.

Rui mè, hay cái sườn nhà, của căn nhà tự tạo này là những ô nhiễm như tham, sân, si, tự phụ, tà kiến, hoài nghi, mê muội, phóng dật, biếng nhác. Cột kèo hay cây đòn dông chịu đựng cái sườn nhà là vô minh tăm tối, căn nguyên xuất phát của mọi dục vọng. Phá vỡ cột kèo vô minh bằng trí tuệ tức là làm sập căn nhà. Rui mè và cột kèo là vật liệu mà kẻ làm nhà dùng để cất nhà, cái nhà không đáng cho ta ham muốn. Vậy, khi hết vật liệu xây cất, tức nhiên anh thợ không còn dựng nhà được nữa. Khi cái nhà đã bị phá tan tành thì cái tâm đã thành đạt trạng thái vô lậu, vô sinh, bất diệt, là Niết Bàn. Tất cả cái gì còn tại thế đều phải bị bỏ lại phía sau và chỉ có trạng thái siêu thế, Niết Bàn, sẽ tồn tại.

Có ngờ gì không

DU TÂM LĂNG TỬ

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Chẳng biết Tâm Kinh truyền đến cổ quận mình tự bao giờ. Phật tử xứ mình hầu như ai cũng biết, ai cũng thuộc Tâm Kinh. Bản Tâm Kinh hai trăm sáu mươi chữ là cô đọng, là cốt tuỷ của bộ Bát Nhã Tâm Kinh sáu trăm quyển. Người xứ mình ngày xưa thường uống thuốc Bắc, ắt ai cũng biết sắc thuốc Bắc từ một lít còn tám phân. Bản Tâm Kinh hai trăm sáu mươi chữ ấy cũng là tám phân tinh túy, cô đọng vậy! Chỉ hai trăm sáu mươi chữ mà vượt qua mọi phân tích, chia chẻ, giảng giải, bình luận... bằng ngôn ngữ của thế gian. Ai cũng tụng niệm thuộc lòng, càng tụng càng sáng khoái, càng lắng lắng; càng đọc càng nồng cái mùi vị giải thoát khó mà dùng từ ngữ để diễn tả được. Ví như người ăn món ngon nhưng ngon thế nào, mỹ vị hương sắc ra sao thì chỉ người ấy biết, chỉ người ấy cảm nhận chứ đem lời diễn tả ngon cho người chưa ăn hay không ăn thì đành chịu thôi!

Mở đầu Tâm Kinh là lập tức "Quán tự tại." Quán cái gì mà tự tại? Tại sao quán mới tự

tại mà không quán thì không tự tại? Quán Tự Tại cũng là danh hiệu của bồ tát Quán Thế Âm nhưng không chỉ riêng bồ tát Quán Thế Âm quán mới tự tại. Hễ ai quán thì cũng tự tại (tất nhiên không thể một sớm một chiều). Thế bồ tát là ai? Bồ tát là bậc hữu tình đã giác ngộ và cũng là bậc giác ngộ các hữu tình chúng sanh; phải thực hiện quán một cách sâu sắc và không ngừng nghỉ cái trí huệ Bát Nhã cho đến một lúc nào đó thì sẽ chiếu kiến, tức là thấy rõ ràng, hiểu một cách tường tận sâu sắc cho đến tận chân tơ kẽ tóc, thấy hết mọi sự thật, thật tướng của thân tâm và các pháp. Chiếu kiến như đèn pha soi, như ánh mặt trời rọi, như siêu kính hiển vi... Thấy năm uẩn (tức thân và tâm) đều là không (*không* này nếu không khéo sẽ rơi vào hư vô chủ nghĩa). *Không* không phải là không có mà là không có một cái ngã độc lập. Sắc tức là phần thân, là do các tế bào duyên sanh giả hợp mà thành; cái thân này là thể,

van vật trên thế gian này đều là thể, không có một cái tự ngã mà tất cả do duyên hợp mà tạm gọi là có. Ví như ta gọi cái nhà, thật sự không có một cái độc lập nào để gọi là cái nhà mà cái nhà tạm gọi là thể vì so duyên hợp của: gạch, gỗ, cát, đá, xi măng, sắt, kiếng, công thợ... Rồi bản thân mỗi món đó cũng là duyên hợp từ những nguyên tố mà thành. Cái nhà vì thể mà tạm có nhưng một mai hết duyên thì mọi thứ lại rời ra, tan hoại đi. Vì dùng trí huệ Bát Nhã để quán nên thấy rõ (chiếu kiến) bản chất thật sự của thân tâm nên Bồ tát (hay người quán) mà vượt qua những khổ đau, ách nạn của thế gian.

Xá Lợi Tử tức ngài xá Lợi Phất, một bậc đại trí huệ đệ nhất. Khi Phật gọi tên ngài tức là dụng ý đây là kinh khai ngộ đệ nhất vậy. Học Phật thì phải dùng trí huệ chứ không thể dùng cảm tình hoặc hành động bằng cảm tính; phải học quán chiếu tứ niệm xứ để biết rõ thân tâm, phải nắm vững Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo... phải học và tu đúng chánh pháp chứ không thể suốt ngày cứ reo gọi bồ tát cứu khổ cứu nạn, ban phước, cầu con, cầu tài, cầu lộc... Phật gọi Xá Lợi Phất tức cũng là gọi chính mỗi người chúng ta vậy!

Tại sao sắc tức là không, sắc chẳng khác không? Sắc là phần vật chất, là sắc thân. Cái thân lộ lộ thế này sao bảo là không? Vì nó có là do duyên hợp các tế bào mà thành, nó không thật là có mà giả tạm là có, vì thế mới bảo nó chính là không, nó tức là không vậy. Cái thân (sắc) là giả hợp, là không thật có vậy thì: thọ,



tưởng, hành, thức thật được sao? bởi thế mới nói: diệc phục như thị! Tất cả đều như vậy cả!

Các pháp vốn không có thật tướng, cái tướng hiện hữu vốn là giả tướng do duyên hợp mà thành, mà tạm có! Vì là giả hợp mà có nên cái sự sanh-diệt, tăng-giảm, dơ-sạch cũng không thể có được! Đây là ba cặp đối đãi tiêu biểu của mọi tướng trạng, mọi pháp trong đời. Khi đã không thật có thân này thì thọ-tướng-hành-thức ở đâu ra? Vì thế mà không có cái gọi là sáu căn (mắt-tai-mũi-lưỡi-thân-ý), không có sáu căn thì làm thế nào để dính sáu trần (sắc-thanh-hương-vị-xúc-pháp) và vì thế mà cũng không có sáu thức nốt (vô nhân-nhi-tý-thiệt-thân-ý). Bồ tát hay người quán chiếu trí huệ Bát Nhã hiểu rõ thật tướng nên tâm không có gì ngăn ngại hay sợ hãi cả! Thật ra thì vốn đã không có gì ngăn ngại, sợ hãi vì sắc chẳng khác không thì có gì để ngăn ngại hay sợ hãi. Từ quán chiếu trí huệ Bát Nhã mà xa rời những điên đảo của thế gian này. Những gì là điên đảo? là tài-sắc-danh-thực-thuỳ, là tham-sân-si, là tà kiến, tà tri, là chấp trước... các pháp nhiều bao nhiêu thì điên đảo cũng nhiều bấy nhiêu.

Quá khứ-hiện tại-vị lai chư Phật cũng đều từ quán chiếu trí huệ Bát Nhã mà thành. Thành Phật là thành gì? Là Tam Miệu Tam Bồ Đề, là giác ngộ, là thành chánh đẳng chánh giác, là không còn lậu hậu sanh-tử, là bậc phước-trí nhị nghiêm. Phật còn là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Thế Tôn.

Tiếng Tâm Kinh thì thầm vọng trong đất trời như làn sóng âm ba, thì thầm trong lòng người tử xa xưa cho đến hôm nay và sẽ mãi mãi mai sau. Bóng dáng Tâm Kinh như ánh trăng ảo diệu sáng lung linh soi sáng thế gian này. Trời người nghe mà lòng hoan hỷ và an lạc biết bao. Tâm

Kinh lắng đọng trong lòng hay xuất phát từ trong thâm sâu của tâm mình thì gã du tử ấy không sao phân biệt được! Tâm Kinh là lời kinh chân thật của tâm Phật, tâm Bồ Tát, của chơn tâm. Phật và chúng sanh vốn đồng một thể (Sanh Phật bất nhị) nhưng vì mê-ngộ nên sanh ra khác biệt, sanh ra trần thế - Niết Bàn. Phật-Bồ Tát quán chiếu trí huệ Bát Nhã mà vượt qua ngăn ngại, khủng bố, mà chứng đắc Niết Bàn tịch tịnh nên vượt qua cả sinh tử luân hồi!

Thế gian này vô thường, sanh-diệt trong từng sát-na, lẽ thịnh-suy vẫn liên tục quay vòng, cuộc bể dâu chưa hề dừng dứt. Có những chùa chiền, đền tháp, đá bia... đã tan hoại, có biết bao công trình vật chất đã lụi tàn theo thời gian nhưng tiếng thì thầm của Tâm Kinh vẫn vang vọng truyền từ đời này sang đời khác. Hai mươi lăm thế kỷ trôi qua nhưng lời Tâm Kinh chưa hề dứt bao giờ! Tâm Kinh là tiếng lòng của chư Phật, của những người tin theo Phật. Tâm Kinh là tiếng lòng của những ai muốn liễu sanh thoát tử, muốn giải thoát khỏi những ràng buộc của thế gian này!

Bồ Tát Quán Tự Tại nhờ quán chiếu mà tự tại. Ai quán thì người ấy tự tại. Ai quán thì người ấy là bồ tát quán tự tại cũng đồng một nghĩa lý với: Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành!

Gã du tử trên đường tìm về nguồn cội ít nhiều cũng vâng lời Phật, ít nhiều cũng quán chiếu nhưng chưa tự tại, thiên hạ bao nhiêu người cũng ít nhiều quán chiếu nhưng chưa tự tại tại là làm sao? Vì dù rằng biết thân là giả hợp, là túi da thối nhưng vẫn chấp chặt trong lòng, bởi vậy còn chỗ nào trống để cho Tâm Kinh khởi dụng! Ngũ dục vẫn còn ôm chầm chưa buông hoặc giả chỉ buông hơi hợt thì làm sao mà tự tại được đây? Dù nghe tiếng thì thầm của Tâm Kinh nhưng vẫn mê mắt biếc,

má đào... nên đường về còn xa diệu vợi. Đôi lúc lắng lòng tưởng đã buông nhưng thật sự vẫn còn ràng buộc biết bao. Có những lúc hào tâm hứng chí khởi lên thì nói rằng thôi nhưng chẳng mấy chốc thôi rồi lại thôi, thế thì thôi rồi còn gì là quán mà ngưng vọng Tâm Kinh. Lời thì thầm của Tâm Kinh vẫn nghe mà mắt biếc, má đào vẫn như ảo giác lung linh trong tâm thì biết rằng chưa thể nào "vô quái ngại, vô khủng bố" được! Gã du tử tháng ngày nghe Tâm Kinh nhưng vẫn:

*Thưa rằng chẳng đợi nhau
đâu*

*Ngẩn ngơ du tử từ lâu
chứa về*

*Cổ công vun cội bồ đề
Này em mắt biếc có ngờ
gì không*

(thơ TLTP)

Bảo rằng không thì không phải lẽ, bảo rằng có thì lại như không, bởi thế nên sắc vẫn tức là sắc, không vẫn tức là không! Nếu một mai thật sự sắc tức thị không, không tức thị sắc thì cần chi buông bỏ nữa, vì lúc ấy thì còn có gì để buông. Tháng ngày còn chưa buông đặt thì:

*Em ở đâu vẫn tháng ngày
mắt biếc*

*Ao hạ vàng bất tuyệt vẫn
vương tư*

*Lời thì thầm đồng vọng
hoá trang thơ*

*Tiếng Tâm Kinh hiện cung
trời nguồn cội*

(thơ TLTP)

Đời vẫn xô xao, em vẫn mắt biếc lung linh, tiếng lòng vẫn đồng vọng và lời thì thầm Tâm Kinh vẫn vang vọng giữa đời.

DU TÂM LẮNG TỬ
Ất Lãng thành, 6/2019



MỠI KỲ MỘT MÓN CHAY

HỦ TIỂU NAM VANG CHAY

(Vegan Phnom Penh rice noodle soup)

Nguyên liệu:

- 1 cây chả lụa chay
- 2 cây mì căn
- 1 bịch hủ tiếu dai
- 2 củ cà-rốt
- 1 củ sắn to (củ đậu)
- 1 trái táo
- 1 bắp cải thảo rửa sạch, cắt khúc
- Bột nêm nấm hương chay
- 1 hộp gia vị hủ tiếu Nam Vang chay
- 1 hủ cải thảo băm
- 1 cây boa-rô, phi dầu cho vàng thơm
- 1 muỗng muối
- 1 muỗng hạt nêm chay
- 2 muỗng nước tương
- 1/2 muỗng cà-phê tiêu
- 300 gram nấm rơm tươi cắt gốc, rửa sạch
- 3 miếng đậu hủ chiên vàng
- 300 gram chân nấm Nhật ướp gia vị, băm nhỏ đem xào với dầu boa-rô, nêm nêm vừa ăn
- Vài cọng cần tàu rửa sạch, cắt khúc
- Rau tần ô cắt gốc, rửa sạch
- 1 miếng tàu hủ ky lá chiên vàng
- Nước tương
- Giấm đỏ
- Ớt xắt lát
- Đậu phộng rang ngũ vị hương
- Chanh
- Giá
- Ngò

Cách làm:

- Củ cải, cà-rốt, củ đậu (củ sắn), trái táo gọt vỏ, thái miếng (trừ táo, táo để nguyên trái).
- Cho vào nồi, đổ nước ngập cao, hầm lấy nước ngọt.
- Cho hộp gia vị hủ tiếu Nam Vang chay vào.



- Cuối cùng cho cải thảo cắt khúc vào nêm nêm lại vừa ăn, theo khẩu vị từng người.
- Hủ tiếu trụng nước sôi, xả nước lạnh, để ráo nước, thêm vào vài giọt dầu ăn để hủ tiếu không dính vào nhau.
- Chả lụa chay cắt lát mỏng.
- Mì căn ướp gia vị khoảng 1 giờ, cắt lát mỏng, xào sơ cho thơm.
- Tàu hủ ky: chiên vàng, cắt thành miếng vừa ăn.
- Nấm rơm tươi: rửa sạch, cắt làm ba, nêm gia vị cho thơm, xào sơ.
- Đậu hủ: để ráo nước, cắt làm tư, ướp gia vị cho thơm xong chiên vàng, sau đó cắt lát mỏng vừa ăn.
- Ngò, cần: rửa sạch, cắt khúc.
- Boa-rô: cho dầu xào vàng thơm mới vớt ra, để riêng.
- Nước lèo: Dùng nước súp sẵn có, đun sôi, nêm gia vị cho vừa.

Trình bày:

Cho giá sống, rau cần và hủ tiếu vào tô, trên sắp chả lụa chay, nấm, đậu hủ, tàu hủ ky, chân nấm Nhật băm nhỏ, mì căn, một ít boa-rô, ngò, ít đậu phộng rang tẩm ngũ vị hương và tóp mỡ chay làm từ bánh mì.

Chan nước dùng vào và dùng nóng.

Ăn kèm với rau tần ô, salad, cần tây, chanh và ớt xắt ngâm nước tương giấm đỏ thì ngon tuyệt!

Diệu Thảo

Truyện cực ngắn

STEVEN N.



VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

ĐỘ TA KHÔNG ĐỘ NÀNG

Có anh nhạc sĩ chế ra chuyện ông tăng trẻ yêu một cô gái, tình yêu trắc trở, cô gái chết. Ông tăng sanh phần hận:

- Sao Bồ Tát độ ta mà không độ nàng?

Từ đó khắp thành thị cho chí thôn quê, thiên hạ gần cổ hát: "Độ ta không độ nàng." Đại chúng hát đã đành, hàng cử sĩ có chút ít pháp học cũng hòa vào, cả mấy ông tu sĩ trẻ cũng hát ăn theo. Có bậc thức giả gởi thư cật vấn anh nhạc sĩ:

- Ông dùng lời yêu mị mê hoặc chúng, ông sai rồi! Bồ Tát chỉ là người chỉ đường, còn đi đường nào là do chính người chọn, sao lại đổ vấy cho Bồ Tát?

Không biết anh nhạc sĩ nghĩ gì mà từ đấy lặn luôn.

NHẠC CHẾ

Có ông tăng trẻ, thuyết pháp có duyên, ăn nói hóm hỉnh lại thường pha tấu hài... Đại chúng thích thú lắm. Ông tăng trở nên nổi tiếng như một ngôi sao. Ông tăng lại thường lấy nhạc ngoài đời thay lời, chế nhạc để hát và còn dạy cho đại chúng hát. Nhiều pháp lữ can gián thì ông ấy bảo:

- Phương tiện mà!

Một hôm có người mạnh mẽ phản biện:

- Làm thế vi phạm tác quyền.

- Tự hạ thấp phẩm giá Phật

giáo, các tôn giáo bạn sẽ cười: "Phật giáo không sáng tác nổi nhạc đạo phải lấy nhạc đời chế lời mà dùng."

- Lực lượng sáng tác của Phật giáo khá hùng hậu sao không dùng đến?

Không biết ông tăng ấy có nghe không? Nhưng những cuộc thuyết pháp cũng như trên mạng vẫn thấy hát nhạc chế giễu trời luôn.

TÂM TƯỚNG

Thầy giảng kinh:

- Tâm tạo tác, tâm chủ tể, sơn hà đại địa không ngoài một tâm, tâm thể nào cảnh thể ấy, tâm sanh tướng, tướng tông tâm sanh..."

Bên dưới nhiều người hồ nghi:

- Tâm vốn vô hình sao có thể quyết định được như thế?

Trong chúng có một người đứng lên thẳng thắn thưa:

- Chúng con thấy mơ hồ quá!

Thầy cười:

- Dễ thôi, Các con hàng ngày thường lên You Tube, Face Book và các trang mạng khác phải không? Nếu người nghiêng về chính trị thì trang cá nhân của họ toàn chuyện chính trị. Người thích ca nhạc - phim ảnh thì trang cá nhân của họ toàn diễn viên, ngôi sao, người mẫu. Người thích thể thao thì trang cá nhân của họ toàn bóng đá, vận động viên, cá độ... tương của tâm đấy!

Thầy dứt lời, đại chúng vỗ tay như pháo Tết.

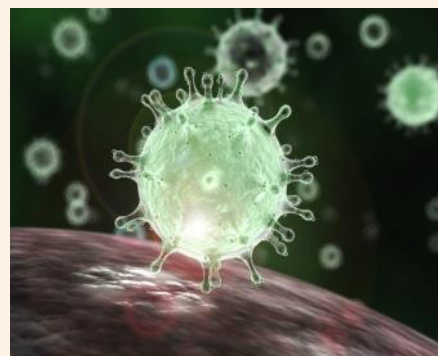
KHẨU

Từ khi corona virus lan tràn khắp nơi, thiên hạ sợ người xứ dịch như tà, nơi nơi tẩy chay, đóng cửa khẩu. Riêng xứ cá quỳnh kê bên thì bình chân như vại, cửa khẩu mở toang đón khách dịch như đón thượng khách.

Dân xứ ấy lo sợ sốt vó nhưng chẳng biết làm sao cả, hễ mở miệng ra là bị trấn áp tàn bạo. Người ta chỉ còn biết tranh nhau đi mua khẩu trang tự bịt miệng để cứu lấy thân. Bọn thương nhân cũng tàn độ không kém, lợi dụng cơ hội thời giá lên tận mây xanh. Chỉ sĩ có người thương dân, đau lòng viết:

Cô đơn cô phụ cô hồn không sợ chỉ sợ cô rô na (corona)

Khẩu súng khẩu nghiệp khẩu phàm chẳng giữ chỉ giữ có khẩu trang.



BIẾT NGAY THÔI

Tiệc tân niên cũng xôm tụ vui như tiệc tất niên, bạn bè sum họp ăn uống thả giàn luôn. Rượu vào thì lời ra, ai cũng tranh nhau nói nào là chuyện cổ phiêu trời sục, chuyện doanh nghiệp gian lận, chuyện thực phẩm độc hại... cuối cùng ai cũng công nhận chuyện Thủ Thiêm, Lộ Hưng, Đồng Tâm... là thể thảm nhất. Một người thắc mắc:

- Sao người tốt, lương thiện thường thua thiệt, cô thân yếu thế. Bọn ác thì thường giàu mạnh, quyền lực trong tay, vậy câu: "Ở hiền gặp lành," "Ác giả ác báo" có đúng không ta?

Mọi người tham gia lý giải, mỗi người mỗi ý nhưng nhìn chung chẳng có ý nào đủ sức thuyết phục. Chú Ba nãy giờ im lặng, bất ngờ nói:

- Nhân duyên sâu xa khó biết, chỉ biết hiện tại là vì cộng nghiệp với nhau, thứ nữa cứ thử quán xem: Một ngày ta có bao nhiêu niệm thiện và bao nhiêu niệm ác, từ đó sẽ thấy vì sao.

HỘI RUỘT GIÀ YÊU NƯỚC

Luật sư Henry H là người khá có tầm tiếng lãn tai tiếng trong cộng đồng. Y đánh hơi đồng ở cổ quận ngon ăn hơn, bèn thậm thụt đi về và có nhiều hành vi mờ ám. Y được người ta tuyển dụng làm cò môi, ngày kia gần giáp Tết. Họ tổ chức mừng xuân, cờ xí xanh đỏ, khẩu hiệu đại ngôn, loa rao xôm tụ lắm. Y được cho lên tivi:

- Tôi xin đại diện cho những người yêu nước nhất, từ ngàn dặm về đây xây dựng tương lai.

Bạn bè, đồng nghiệp ngao ngán quá, có người chửi đồng:

- Xây gì, dựng gì mà? kiểm cơm cháo thì cứ kiểm, bày trò khó ngủi quá!

Người khác thì bảo:

- Đùng là cái hội ruột già yêu nước!

Thấy dân mạng chửi quá



Dân Hồng Kông tưởng nhớ Bác Sĩ Lý Văn Lương (Li Wenliang), một trong 8 vị bác sĩ đầu tiên cảnh báo về dịch Corona tại Vũ Hán. Ông từ trần ngày 06/2/2020, hưởng dương 34 tuổi.

sanh nóng mặt, y bèn dùng phương tiện truyền thông của chủ chửi lại:

- Bọn phản động ghen ăn tức ở, cố tình phá hoại nhưng hội ruột già yêu nước sẽ sống mãi trong sự nghiệp chúng ta.

RÕ RÀNG RỒI ĐẤY NHÉ

Xứ sở mấy ông trời con vốn đất rộng người đông, sản vật cũng dồi dào, khổ nỗi lòng tham không đáy. Từ đời cổ tổ đến giờ cứ đi xâm lấn đất đai người khác, lấy của người khác làm của mình, chuyên làm chuyện bá đạo, tham lam, thậm hiểm và tàn độc. Bởi vậy sản sinh những ông kẹ giết người như ngoé, thỉnh thoảng lại sinh dịch họa. Năm kia thì dịch Sars, cúm gà, cúm heo... năm nay thì coronavirus. Thiên hạ kinh sợ, gần xa đóng cửa, cấm người xứ ấy. Riêng xứ cả quỳnh sát nách thì tỉnh bơ, vẫn mở toang cửa, đón người xứ dịch như thượng khách. Dân chúng khóc toáng lên:

- Đóng cửa lại, không thì chết cả đám!

Triều đình đâu có ngán, cử ông sứ ra tuyên bố:

- Đóng sao được mà đóng? Chúng ta có thỏa thuận rồi, khi nào thiên triều gặt đầu mới được phép đóng!

Nghe thế thì bọn trí thức, nhân hào thân sĩ, bọn "phản

động," bọn "thù địch"... đồng thanh:

- Rõ ràng rồi nhé! Vậy mà lâu nay cứ chối leo leo, giờ mới chịu xì ra.

XỨ SỞ MẤY ÔNG TRỜI CON

Mới đầu năm mà các chú Chệt đã cho thế giới một "Món quà" đáng sợ: Coronavirus. Bắt đầu từ Wuhan lan toả ra khắp nơi. Con virus nhỏ đến độ không thể thấy bằng mắt thường ấy đã làm cho những kẻ ngông cuồng nhất cũng phải sợ. Ban đầu các đệ tử Mao Xénh Xáng giấu bắt tin, đến khi không giấu được nữa thì đổ lỗi:

- Bọn truyền thông và thế lực thù địch bêu xấu, gây bất an!

Có người thì bảo virus ấy từ món súp dơi, kẻ thì nói virus ấy thoát ra từ phòng thí nghiệm vũ khí sinh học... chẳng biết đúng sai thế nào nhưng quả thật xứ sở mấy ông trời con này hết dịch Sars thì đến cúm gà, cúm heo, giờ thì coronavirus. Nhiều người bảo: "Tiếng đồn cũng chẳng sai, bọn họ ăn uống tàn độc, tham lam vô độ, sân hận ngập trời... thì quả bảo đến cũng chẳng có gì lạ."

STEVEN N
Ất lã thành, 2/2020

CHUYỂN TỪ THỞ SANG NUỐT

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức



Y KHOA PHỔ THÔNG

1- Họng được cấu tạo như thế nào?

Cổ họng là một ống cơ bắp lót bằng một màng nhầy, chiều dài khoảng 2.7 phân và kéo dài từ phía sau của mũi tới thực quản. Đây là một phần của hai bộ phận khác nhau là bộ phận hô hấp và tiêu hóa. Không khí và thực phẩm đi qua đó và quý vị sẽ rất ngạc nhiên là sự cộng sinh này xảy ra một cách êm ả.

Họng chia ra làm ba vùng

- 1) Phần trên cùng là mũi hầu, bắt đầu từ xoang mũi. Từ đây không khí và các chất tiết từ mũi và các xoang sẽ chảy ra.
- 2) Phần giữa là họng miệng, rộng nhất của họng. Chính tại đây, ngay ở dưới vòm miệng, là đường dẫn không khí nối với cơ quan chuyển trở thực phẩm.
- 3) Ở phần thấp nhất của họng là hầu thanh quản với các đường hô hấp và tiêu hóa. Vì chúng gặp nhau, có người cho rằng thực phẩm và nước thường thường đi nhầm đường.

Các ống dẫn không khí, bắt đầu từ phía sau của họng, uốn cong về đằng trước. Ở đó nó trở thành thanh quản với các dây thanh âm. Thanh quản mở vào khí quản rồi lên phổi. Cùng với ống dẫn thực phẩm và ngay đằng sau là thực quản và cuối cùng là bao tử.

2- Cái gì ngăn thực phẩm vào khí quản?

Họng có đường dẫn không khí-khí quản- và thực phẩm- thực quản. Nếu cả hai cùng mở khi quý vị nuốt, không khí có thể vào bao tử và thực phẩm vào phổi. May mắn thay là khí quản khép lại trong khi nuốt.

Bộ phận của cơ chế an toàn đó là tiểu thiệt và nó chuyển động mỗi khi quý vị nuốt. Tới lúc quan trọng, tiểu thiệt, một mẫu nhỏ giống như sụn, làm việc như một cái vung cùng với thanh quản. Thanh quản nhô lên về

đằng trước để đóng khí quản. Các cử động này phân chia thực phẩm lỏng và đặc. Rồi sau mỗi lần nuốt, tiểu thiệt lại di động lên, khí quản trở lại vị trí cũ, và làn không khí sinh tử tới thanh quản và khí quản lại tiếp tục.

Đôi khi quý vị có thể “nuốt sai”, và một vật cứng nào đó rơi vào đường không khí và bị chặn. Bình thường, một cơn ho làm văng vật lạ ra ngoài và mở ống không khí trở lại. Nhưng nếu ho không công hiệu, cần phải cấp cứu mới có thể ngăn nạn nhân khỏi bị nghẹt thở và chết.



Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

3- Tại sao cái banh miệng tongue depressor lại làm quý vị nghẹt thở hoặc nôn ọe?

Nôn ọe khan có thể là một điều khó chịu nhưng nó cũng cứu đời sống của quý vị bằng cách ngăn không để chúng ta vô tình nuốt một vật lạ khiến bị nghẹt thở. Quý vị không thể ngưng được khi nôn ọe vì đó là một phản ứng tự chủ. Nó xảy ra khi một vật lạ tấn công một vài đoạn cuối của dây thần kinh nằm trong vùng lạnh tạo ra giới hạn giữa miệng và phần giữa của họng.

Cái que thăm bằng gỗ của bác sĩ chỉ là vật lạ. Khi đụng vào các dây thần kinh này, nó gây ra một phản ứng để tổng vật sắp bị nuốt ra phía trước của miệng rồi được nhổ ra. Tất nhiên phản ứng này sẽ không cần trong khi bác sĩ khám họng. Nhưng có nó ít nhất cho quý vị hay rằng phản ứng sinh tử đó hoạt động đúng.

4- Cái nắp nhỏ ở đằng sau cổ họng dùng để làm gì?

Lưỡi gà là miếng thịt đó. Đây là mô bào tiếp nối uvula, và màng nhầy nhú xuống từ cạnh của vòm miệng mềm. Đó là phần mà lúc thường chuyển động lên khi quý vị nói “a”. Nếu nó chuyển động sang một phía thì có gì bất thường.

Lưỡi gà đúng là bô phận bật lên và giúp khẹp lại các lỗ đi của mũi khi quý vị nuốt. Nhưng nhiệm vụ đó được coi như không quan trọng, vì nhiều người không có lưỡi gà vẫn không than phiền thức ăn ra ngoài bằng lỗ mũi. Các nhà hoạt họa truyện tranh miêu tả cục thịt dư rung lên khi hát và hét, nhưng thực ra cục này không liên quan gì tới tiếng nói.

5- Chuyện gì xảy ra nếu quý vị có một cục ở họng?

Một điều rõ ràng là cảm giác khó chịu của một tảng nào đó ở họng ít khi gây ra do u bướu hoặc bất cứ vật nào khác. Trong các trường hợp, nó chỉ là triệu chứng của lo âu.

Cảm giác này bắt nguồn từ một rối loạn ở dây thần kinh số chín và ở cơ bắp kiểm soát thực quản. Đôi khi các rối loạn này co thắt lại lúc ta bực mình. Đây chỉ là những triệu chứng tạm bợ có nhiều liên quan tới các hoàn cảnh gây căng thẳng và cần thời gian để giải quyết. Tuy nhiên trong những trường hợp hiếm, miếng đó vẫn còn và người này phải tới bác sĩ để được khám bệnh. Đôi khi một nhỏ giọt ở đằng sau lỗ mũi hoặc quá nhiều chất chua ở bao tử cũng gây ra triệu chứng này.

6- Im lặng vì e thẹn nghĩa là gì?

Mặc dù thành ngữ im lặng vì thẹn tongue-tied- thường thường chỉ được dùng như một nhóm chữ để gây ra xúc động mạnh, nhưng đó cũng là sự thật. Lưỡi của một em bé ít cử động hơn lưỡi người lớn. Đó là vì lớp màng nhờn gọi là cái hãm frenum nó cột phần dưới của lưỡi vào phía đáy của miệng gần hết chiều dài của lưỡi, nhờ đó đầu lưỡi được tự do.

Trong năm đầu của em bé, đầu lưỡi lớn lên rất mau và cái hãm "cột" dần dần phần nhỏ của lưỡi. Tuy nhiên trong các trường hợp rất hiếm, cái hãm còn bị hạn chế và đứa bé gặp khó khăn để nói và ăn. Bác sĩ bèn khuyên nên cắt bớt phần sau của nếp gấp và như vậy lưỡi được tự do di động.

7- Nghẹt thở có tránh được không?

Ăn và uống nhiều không đi đôi với nhau; lượng rượu lớn có thể làm tê liệt việc nuốt, làm cho thực phẩm rơi vào khí quản thay vì thực quản. Tuy nhiên đa số các trường hợp nghẹt thở choking xảy ra chỉ vì quý vị "nuốt sai" hoặc cười to với thức ăn đầy miệng và nhai nhồm nhoàn là điều nên tránh.

Một số nhỏ nạn nhân của nghẹt thở có thể đã bị khó khăn nuốt mà không biết cho tới khi họ thở hỗn hển để sống. Rối loạn này có thể gây ra do bất thường của cuống họng hoặc các tật khác từ khi mới sinh. Hay có thể nó xảy ra sau này vì u bướu, rối loạn cơ bắp hoặc thần kinh. Nếu quý vị bị nghẹt thở thường xuyên thì nên cho bác sĩ hay./.

www.nguyenyduc.com



XUÂN XA MẸ

*Lại một mùa xuân nữa đã về
Lâu rồi viễn phố cũng là quê
Chiều nay cố xứ bên hiên vắng
Có lẽ xuân đang rộn tứ bề*

*Thấu chẳng trong đất trời xuân đó
Mắt mẹ già nua rỏ lệ mờ
Đăm đăm mòn mỏi trông đầu ngõ
Bóng thẳng con dại tạc trong mơ*

*Hay chẳng xuân thắm trời viễn xứ
Niềm một hình nhân chẳng biết xuân
Gió khuya e áp tình xuân nữ
Se thắt lòng kia nghĩa đón mừng*

*Thiên Ân cha nằm đau núi ngủ
Trà Giang mẹ đứng xót sông trôi
Sao con chẳng thể về bên mẹ
Khi bước ly hương đã mỗi rồi.*

(Đầu xuân 2020)

thơ

LƯU LÃNG KHÁCH

Một bài thơ của nhà sư Buddhadasa Bikkhu

HOANG PHONG
chuyển ngữ và giới thiệu



VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Buddhadasa Bikkhu (1906-1993) là một nhà sư Thái Lan thật uyên bác và khác thường. Tư tưởng và sự hiểu biết về Đạo Pháp của ông vượt lên trên những hình thức màu mè của một tín ngưỡng, loại bỏ được tất cả những thêm thắt và diễn đạt không thể tránh khỏi của người sau suốt trên dòng lịch sử phát triển lâu dài của Phật Giáo.

Các quan điểm vô cùng trong sáng và khoa học về Đạo Pháp, cũng như các chủ trương thật tinh khiết trong việc tu tập của ông cũng đã khiến cho một số người Phật Giáo thủ cựu - và cả những người làm chính trị cực đoan - ngay trên quê hương ông phải khó chịu, kể cả một vài học giả Tây Phương cũng đã hiểu lầm ông. Thế nhưng con đường thênh thang và tinh khiết do ông khai mở ngày càng được nhiều người bước theo. Hai trong số các quan điểm chính yếu nhất của ông về Phật Giáo là trước hết ông chỉ quan tâm đến kiếp sống hiện tại và không giảng hay đề cập đến các kiếp sống quá khứ cũng như tương lai, và sau đó đối với ông thì "tam giới" (dục giới, sắc giới và vô sắc giới) cũng như "lục đạo" (địa ngục, quỷ, súc sinh, A-tu-la, người và trời) cũng chỉ là những thể dạng biến đổi và tiếp nối của tâm thức trong kiếp sống hiện tại mà thôi, nói cách khác là chúng ta đang luân hồi trong từng khoảnh khắc một trong kiếp sống này.

Bài thơ dưới đây được ông viết vào năm 1988, tức là năm năm trước khi ông qua đời, và đã được rất nhiều người biết đến vì nội dung thật nhân bản và khoan dung của nó. Bài thơ cũng đã được đăng tải trên rất nhiều trang web của Thái Lan cũng như trên toàn thế giới. Một Phật tử Thái Lan "vô danh" - có lẽ vì muốn chứng tỏ sự khiêm tốn của mình chăng (?) - đã dịch bài thơ này sang tiếng Anh với sự giúp đỡ của một tỳ kheo người Mỹ vào năm 1993, tức vào năm Buddhadasa Bikkhu qua đời. Tuy người Phật tử Thái trên đây không cho biết người tỳ kheo hiệu đính bản tiếng Anh là ai, thế nhưng cũng có thể nghĩ rằng vị này là một đệ tử trẻ người Mỹ của Buddhadasa mang pháp danh là Santikaro Bikkhu, đã từng dịch nhiều bài giảng và thơ của ông.

Gần đây hơn là vào năm 2011, một học giả Pháp là ông Louis Gabauche, cựu thành viên của Trường Viễn Đông Bác Cổ (École française d'Extrême Orient) đã căn cứ vào bài thơ này của Buddhadasa để viết một bài báo khá khúc triết mang tựa đề "*Những sự rạn nứt xã hội và Phật Giáo: dưới con mắt của nhà sư Buddhadasa Bikkhu*" (*Fractures sociales et Bouddhisme: le regard de Buddhadasa Bikkhu*) nhằm bênh vực quan điểm của nhà sư này trên phương diện Đạo Pháp cũng như xã hội và chính trị. Khi viết bài này Louis Gabauche cũng đã dịch bài thơ của Buddhadasa sang tiếng Pháp và đặt vào cuối bài trong phần thư tịch.

Bài thơ của Buddhadasa không mang tựa đề gì cả mà chỉ ghi bên dưới là làm tại Suan Mokkh (Khu vườn Giác Ngộ) ngày 22 tháng 5, Phật Lịch 2531 (tức là năm 1988). Louis Gabauche cũng có đề nghị ghép thêm cho bài thơ này một cái tựa: "*Những kẻ khác... và chúng ta*" (*Les autres... et nous*). Thật ra bài thơ của Buddhadasa không cần phải có một cái tựa nào cả hầu nói lên ý nghĩa của nó, bởi vì từng vần trong bài thơ tự nó cũng đã nói lên được lòng bao dung và độ lượng của một con người tu hành chân chính. Tuy nhiên người dịch sang tiếng Việt cũng mạn phép nghĩ rằng một cái tựa nào đó chẳng hạn như "*Giữa con người với nhau*" biết đâu cũng có thể mang lại một chút tiền vị hầu có thể giúp chúng ta bước vào bầu không gian rộng mở trong lòng nhà sư Buddhadasa được dễ dàng hơn chăng?

Hãy xem mỗi con người là bạn ta và nghĩ rằng:

Người ấy là bạn ta, cùng sinh ra đời để rồi sẽ già nua, bệnh tật và chết cùng ta.

Người ấy là bạn ta, cùng ngập lặn với ta trong vòng sinh diệt.

Người ấy cũng vướng bụi trần ô nhiễm như ta, do đó đôi khi cũng phạm vào lầm lỗi.

Người ấy cũng mang đầy dục vọng, thù hận và mê lầm, nào có khác ta đâu!

Cũng như ta, người ấy cũng lầm khi nhằm lẫn.

Người ấy cũng chẳng biết tại sao mình lại



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION

CHÙA BÁT NHÃ

Bat Nha Meditation Institute of America – Bat Nha Buddhist Temple
4717 W First Street, Santa Ana, CA 92703 Tel: (714) 571-0473

THƯ MỜI THAM DỰ

LỄ ĐỘNG THỔ KHỞI CÔNG XÂY DỰNG TĂNG XÁ TIỆC CHAY VĂN NGHỆ GÂY QUỸ XÂY DỰNG TĂNG XÁ

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Kính bạch Chư Tôn Thiền Đức Tăng Ni.

Kính thưa Quý Đồng Hương, Phật Tử.

Chùa Bát Nhã hội đủ thiện duyên được kiến lập tại địa điểm mới vào năm 2016 như là thể hiện sự nhiệm mầu của Tam Bảo. Đến nay gần 4 năm nhưng tâm nguyện xây dựng Tăng Xá làm nơi ở cho Tăng Ni tại địa điểm chùa mới vẫn chưa thành tựu. Suốt 4 năm qua Chùa Bát Nhã phải thuê lại địa điểm chùa cũ để Tăng Ni có nơi trú ngụ. Hằng ngày, quý Thầy, quý Sư Cô phải đi về giữa chùa mới - chùa cũ để ở và hướng dẫn Phật tử tu tập. Điều này rất bất tiện cho sự sinh hoạt của Chùa Bát Nhã và hiện nay chủ đất tại địa điểm chùa cũ đã có plan xây dựng do đó Chùa Bát Nhã không thể thuê địa điểm chùa cũ làm nơi ở cho Tăng Ni nữa. Nay hội đủ thuận duyên, Chùa Bát Nhã trang nghiêm tổ chức:

LỄ ĐỘNG THỔ KHỞI CÔNG XÂY DỰNG TĂNG XÁ

vào lúc **11:00 am Chủ Nhật ngày 16 tháng 02 năm 2020**

tại Chùa Bát Nhã, 4717 W 1st St., Santa Ana, CA 92703

Để có tài chánh lo cho Phật sự này, Chùa Bát Nhã cũng sẽ tổ chức:

TIỆC CHAY VĂN NGHỆ GÂY QUỸ XÂY DỰNG TĂNG XÁ

vào lúc **5:00pm Chủ Nhật ngày 15 tháng 03 năm 2020**

tại Diamond Seafood Palace 3, 6731 Westminster Blvd, #122, Westminster, CA 92683

Kính cung thỉnh Chư Tôn Thiền Đức Tăng Ni quang lâm chứng minh, cầu nguyện, kính mời Quý Vị Phật Tử và Quý Đồng Hương sắp xếp thời gian tham dự và hộ trì cho Phật sự xây dựng Tăng Xá của Chùa Bát Nhã được thành tựu viên mãn.

Kính chúc quý vị và gia quyến thân tâm an lạc, vạn sự cát tường.

Mọi chi tiết xin liên lạc: Chùa Bát Nhã

4717 W. First St., Santa Ana, CA 92703 Tel: (714) 571-0473

Email: chuabatnhacalifornia@gmail.com

Santa Ana ngày 10 tháng 01 năm 2020

Viện Chủ Chùa Bát Nhã

HT Thích Nguyên Trí

**HÌNH ẢNH LỄ ĐỘNG THỔ KHỞI CÔNG XÂY DỰNG TẦNG XÁ
CHÙA BÁT NHÃ, SANTA ANA, CALIFORNIA
NGÀY 16 THÁNG 2 NĂM 2020**





Độc Vĩnh Hào: Lời Ca của Gã Cùng Tử

NGUYỄN GIÁC

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Là một nhà văn, một nhà thơ, một nhà báo, và là một người tuyên thuyết Phật pháp – trong vị trí nào, Vĩnh Hào cũng xuất sắc, và nổi bật.

Tài hoa của Vĩnh Hào đã hiển lộ từ các tác phẩm đầu thập niên 1990s, và sức sáng tác đó vẫn đều đặn trải dài qua hai thập niên đầu thế kỷ 21. Vĩnh Hào viết truyện dài, truyện ngắn, làm thơ, viết tùy bút, viết tiểu luận – thể loại văn nào anh viết cũng hay, cũng nổi bật hơn người. Giữ được sức viết như thế thực là hy hữu.

Thể hiện nơi ngòi bút rất mực văn chương, Vĩnh Hào chính là một tấm lòng thiết tha với đất nước, với đạo pháp, với con người. Tấm lòng đó hiện rõ trong từng hàng chữ anh viết, đặc biệt là trong 100 Lá Thư Tòa Soạn của Nguyệt San Chánh Pháp, là nội dung của sách này với nhan đề Lời Ca Của Gã Cùng Tử.

Tuyển tập 100 lá thư này không chỉ thảo luận về tình hình giáo hội, về chuyện quê nhà, về những nỗi khổ của nhân loại, mà lúc nào cũng tuyên thuyết chánh pháp. Vĩnh Hào viết về những trận cháy rừng ở California, rồi cũng nói về Khổ Đế và nêu lên Tứ Thánh Đế. Vĩnh Hào viết về những cánh hoa mùa xuân bắt đầu rơi xuống, để mùa xuân chuyển sang mùa hạ... rồi cũng nói về lẽ vô thường và vô ngã. Vĩnh Hào viết về những người trong tứ chúng miệt mài ngày đêm chạy theo danh lợi, rồi cũng ngợi ca bậc hiền trí, những người có tâm nhẫn nhục như đất và bao dung như bầu trời, lặng lẽ và đơn độc đi vào nơi thâm áo kỳ tuyết. Vĩnh Hào viết về những gian nan trong các Phật sự hoằng pháp của người Việt tỵ nạn, và rồi ca ngợi Hòa thượng Thích Trí Chơn (1933-2011), người đã *"làm tất cả việc với lòng chí thành, tận tụy, nhưng đồng thời buông bỏ tất cả, chẳng vướng mắc lưu giữ gì cho bản thân, từ vật chất đến tinh thần. Tạo dựng rất nhiều đạo tràng, hướng dẫn hàng ngàn Phật tử, nhưng chỉ sống đạm bạc trong một căn phòng nhỏ chứa đầy sách báo để khảo cứu, trước tác, dịch thuật, giảng dạy. Có bằng cấp học vị mà không bao giờ phô trương; xuất bản bao nhiêu tác phẩm mà chẳng bao giờ khoe khoang, ra mắt.*

Âm thầm vắng lai hành đạo; lặng lẽ du phương hoằng pháp. Độc hành trì chí suốt bao năm trường cho việc văn hóa giáo dục."

Vĩnh Hào viết về những hỗn loạn và bất trắc của lịch sử, rồi ca ngợi những nhân vật tự nguyện hy sinh cho đạo pháp và quê hương như ngài Thích Quảng Đức, một ngọn lửa hiện thân của *"tư lương và hành trang mà người con Phật đem vào cuộc đời, cứu độ chúng sanh, chính là trái tim, là lòng từ bi, là tâm bồ-đề."* Vĩnh Hào viết về chức năng của văn hóa, giáo dục, canh tân xã hội, cải cách chính trị... rồi viết lời ca ngợi nhà văn Nhất Linh – Nguyễn Tường Tam (1906 – 1963), người quyền sinh bằng độc được *"để làm bất tử lý tưởng của mình, đồng thời cất lên nguyện vọng của quốc dân"* trước cường quyền nhà Ngô.

Vĩnh Hào viết về những bước gập ghềnh của lịch sử quê nhà và giáo hội, và viết về các lựa chọn gian nan của những *"Bậc đại sĩ gánh trong nhiệm với đời, với đạo, nhiều khi bị đặt vào những cảnh huống khó xử, khó làm hài lòng tất cả. Cân nhắc việc lợi/hại, sinh/tử, còn/mất... có khi phải bạc trắng cả đầu trong một đêm hay nhiều đêm không ngủ..."* Đó là quý ngài Trí Thủ, Huyền Quang với những *"đường bay siêu tuyệt của chim bằng trên trời cao thẳm. Đường bay ấy, chim quạ nào mà hiểu nổi!"*

Chất thơ trong các Lá Thư Tòa Soạn bằng bạc trong từng dòng chữ. Văn xuôi nhưng là thơ, là tiếng nói thiết tha của Vĩnh Hào, một nhà văn cư sĩ đang mang chánh pháp vào đời. Chất thơ thường hiện rõ trong những đoạn văn đầu trong Lá Thư Tòa Soạn. Vĩnh Hào viết thư theo kỹ thuật "Tiên tả cảnh, hậu thuyết kinh" -- nơi đó, vào đề bằng những chuyện lá mùa thu rơi với hoa mùa xuân tàn, rồi nói chuyện vô thường, vô ngã; vào đề bằng chuyện thời đại *"suy vong, nguy biến cùng cực của Phật giáo"* và rồi nói về *"những bậc bồ-tát hóa thân, lấy lòng từ bi mà cảm hóa nhân tâm, tỏa sáng mà khai mở cho kẻ lầm mê, đem đức uy dũng mà đương cự ác đảng, tà đạo"* như ngài Đức Đệ tử Tăng thống Thích Huyền Quang.

Có những lúc, ngòi bút tài hoa của Vĩnh

Hào lộ ra xúc động đặc biệt, với lối đặt câu như kiệm lời, rất mực ngập ngừng... Như khi nhớ về người cha.

Thư tòa soạn số 54, tháng 05.2016 viết, trích:

"Ôi, nhớ nụ cười của Cha.

Ngày con bỏ nhà đi hoang, Cha không buồn can lối. Lặng lẽ ngó theo. Ngón tay điểm về đầu núi biển có vầng trăng lơ lửng tầng không. Con ương ngạnh, hãnh tiến, không quay đầu. Ngày dài tháng rộng trôi lăn dòng đời cuộn sóng. Sĩ mê khát ái chìm con ngập ngựa sinh lây. Chối với chơi với cũng chỉ níu được một ngón tay sông. Dật dờ lê theo bóng mộng. Khóc tràn những giấc mơ hoa. Thoạt khi tỉnh giấc, chỉ muốn quay về nũng nịu bên Cha, vùi một cái xoa đầu. Nhưng con đường, sao dài xa hun hút. Ôi là nhớ, mắt hiền Cha vẫn dõi theo. Không lời oán trách con hư. Nhấn nạy ngón tay điểm nguyệt." (ngưng trích)

Trong tận thâm sâu Vĩnh Hào cũng là một người yêu thiên nhiên. Trên các trang thư Vĩnh Hào là những mô tả về lá vàng mùa thu, về hoa mùa xuân, về dòng suối nhỏ, về tiếng chim hót ngoài vườn, về giàn bông giấy rực đỏ, về tia nắng buổi sớm, về tách trà nóng ban khuya, về bóng đêm tịch tịch... Thói quen viết của Vĩnh Hào là nói về chuyện nhỏ rồi nói chuyện lớn, trước là nói về những gì được thấy, được nghe, được nhớ lại và rồi sẽ nói về những diễn biến lịch sử của đời, về những bậc đại sĩ "là người thấy biết và cảm nhận sâu xa thực trạng thống khổ của con người và cuộc đời, mạnh dạn dẫn vào nơi hiểm nguy, mưu cầu lối thoát cho tất cả."

Đọc kỹ, khi đọc rất kỹ, và khi đọc rất chậm, chúng ta sẽ thấy trong văn xuôi Vĩnh Hào không chỉ có chất văn, chất thơ, nhưng cũng đầy những sắc màu hội họa chen vào các âm vang nhiều nhạc tính.

Thí dụ như đoạn đầu Thư tòa soạn số 90, tháng 05.2019, trích:

"Khuya đây nghe tiếng dế gáy đầu đó ở vườn sau. Trăng hạ huyền mảnh khánh phương tây. Bầu trời không mây, trong vắt, như tấm gương ảnh hiện một góc sáng, loang dần lên từ phương đông. Gió nhẹ mơn man cành liễu rủ. Hương thơm từ nhiều loài hoa sau vườn tỏa nhẹ vào cửa sổ để hé. Hai con quạ từ đâu bay về đậu trên cây phong, không gây tiếng động. Nổi cô liêu bất chợt trùm cả hư không." (ngưng trích)

Hay như trong đoạn đầu của Thư tòa soạn số 12, tháng 11.2012, trích:

"Trời đã vào thu. Sớm mai, gió nhẹ bên ngoài đủ đưa khí lạnh len vào cửa sổ để hé. Nhìn ra vườn có thể thấy sương mù bao phủ những thân cây trụ lá, khẳng khiu; và đầu đó

trên các lối đi, lá vàng khô chưa kịp quét dọn đã dầy thêm một lớp..." (ngưng trích)

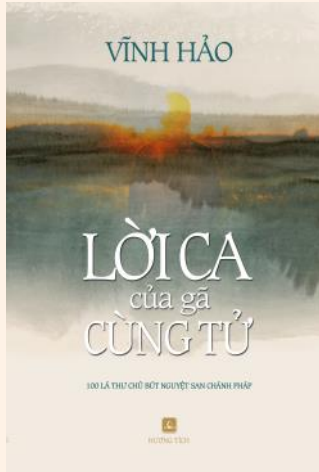
Hai đoạn văn vừa dẫn là nói về cảnh, với văn phong thơ mộng của Vĩnh Hào. Trong khi đó, khi nói về người, Vĩnh Hào cũng có ngôn ngữ riêng, với cách viết y hệt như ống kính máy ảnh, như khi kể về một hòa thượng trưởng lão rất mực đáng kính mới viên tịch. Trong Thư tòa soạn số 23, tháng 10.2013, trích như sau:

"Từ khi hành điệu với đầu xanh để chóp cho đến khi lông mày bạc phơ rũ xuống hai gò má nhăn nheo, Sư cụ đã học Phật một cách lặng lẽ non một thế kỷ nơi ngôi chùa lớn nhất thành phố. Trong cương vị trụ trì, hiếm người sống đơn giản dung dị như Sư cụ. Một căn phòng nhỏ, chiếc giường gỗ nhỏ, một vài cuốn kinh trên kệ sách nhỏ, một ghế xích đu phủ manh chiếu rách. Sư cụ là hiện thân của một trưởng lão tỳ kheo phạm hạnh, bản hàn, ngay nơi thị thành phồn hoa nhiệt nảo. Kinh qua bao nhiêu thăng trầm lịch sử của ngôi chùa, của đất nước, Sư cụ vẫn vậy, vẫn là hành giả học Phật khiêm hạ sót lại từ thế kỷ trước. Có chút tiền là mua hoa quả cúng Phật, mua thực phẩm, thuốc men, đích thân đến bệnh viện biếu tặng những người khổ bệnh, nghèo đói. Bàn tay lần chuỗi không ngơi. Mắt từ trao gửi nhân thế. Chưa từng một lần cao đẳng pháp tòa thuyết kinh giảng luật, mà bóng Sư cụ đã che rợp cả bầu trời quê hương, bảo bọc bao thế hệ hậu bối. Nhìn Sư cụ là thấy con đường xả ly, thấy cả khung trời tự tại giải thoát. Nếu chưa hiểu thế nào là học Phật đúng nghĩa, chúng ta có thể chiêm nghiệm cuộc đời của vị lão tăng ấy." (ngưng trích)

Và ngôn ngữ đẹp tận cùng là khi Vĩnh Hào tuyên thuyết Phật pháp. Như trong Thư tòa soạn số 4, tháng 3.2012, trích:

"Hành trình của một người hướng về giải thoát, giác ngộ, là hành trình của buông xả. Buông xả sự chấp chặt vào bản ngã; buông xả những gì được cho là thuộc về bản ngã; buông xả luôn cả ý niệm là mình đã buông xả hay đang buông xả... Từ nội tâm đến ngoại giới, đều phải buông xả, không vướng mắc, không trôi buộc vào bất cứ điều gì." (ngưng trích)

Tuyển tập Lời Ca Của Gã Cùng Tử là một ấn phẩm mới của Vĩnh Hào, nhưng cũng là chặng đường 10 năm của Nguyệt San Chánh Pháp, cũng là những bước gian nan của giáo hội trong nỗ lực hoằng pháp tại các chân trời xa quê nhà. Nhiều hơn những gì chúng ta có thể đọc trong các hàng chữ, ẩn sâu trong các trang sách tuyển tập chính là tấm lòng của nhà văn Vĩnh Hào, và hành trạng của những người con Phật được khắc họa trong sách. Trân trọng chúc mừng những trang văn cực kỳ thơ mộng và thiết tha của Vĩnh Hào.



Động mỗi từ tâm

Soạn giả: THÍCH MINH CHIẾU
(Truyện Cổ Phật Giáo)



TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

Đây là một dãy núi rừng phía bắc kinh thành ở khoảng giữa hai ngọn núi cao, núi sà thấp xuống như một lòng chảo. Thung lũng này là đường thường bay qua của loài chim nhạn di cư.

Những ngày đông giá lạnh đang sắp trở về. Chim nhạn vượt qua thung lũng của dãy núi cao, từ Bắc bay về Nam, từng đàn từng đàn cất tiếng kêu vang trời như rú rê, như hò hẹn. Bầy chim vô tình không để ý rằng đã có một người đó biết được sinh hoạt thường kỳ trên của chúng. Người đó là tên bầy chim của nhà Vua, một ông Vua rất ưa ăn thịt chim nhạn.

Tên bầy chim đã chuẩn bị một kế hoạch qui mô. Hắn sắp sẵn cung tên, mang theo một con chim mỗi tuyệt khôn. Và tất cả hy vọng của hắn đặt hết vào một chiếc lưới vừa rộng, vừa dài mà nó sẽ giăng ngang thung lũng trên con đường thường bay qua của bầy chim nhạn. Lần này, không những một vài con sẽ sa lưới mà có thể hắn sẽ bầy trọn cả một đàn.

Một buổi sáng kia, tên bầy chim thức dậy thật sớm. Hắn nghe có tiếng chim nhạn ríu rít gọi đàn. Như có cái gì báo trước một điềm lạ, hắn vuốt ve con chim mỗi rồi giả tiếng chim khẽ kêu lên vài tiếng.

Khác ngày thường, sáng nay chim mỗi buồn bã, ủ rũ, vẫn không đáp lại hắn. Giữa lúc đó, thì trên không trung có tiếng vỗ cánh rồi một đàn chim nhạn xếp hàng thứ tự, bay về phương Nam. Chim

đầu đàn, lông trắng như tuyết, đuôi thẳng đôi chân ra sau, lướt tới nhẹ nhàng như tên bắn.

Bỗng chim đầu đàn, buông lên vài tiếng đau thương làm cả đàn kinh hoàng. Rồi chim lộn lại mấy vòng và bay sà thấp xuống. Chim vừa thấy dưới thung lũng một con chim nhạn, lông cánh phờ phạc, đôi chân bị trói vào nhau và đôi mắt u buồn. Chim đầu đàn sà thấp hơn nữa. Chim muốn cứu lấy bạn mình. Và có ngờ đâu, trong khi đôi mắt chỉ để ý đến con chim mỗi đau thương, chim nhạn đầu đàn sa vào lưới của tên đánh bầy, đầu chim lọt trọn vào một mắt lưới, đôi cánh cũng bị kẹt vào trong những dây tơ. Càng muốn vươn tới, chim càng bị quấn thêm chặt vào, càng muốn thối lui thì các đường lông bị đẩy ngược xừng lên không tài nào gỡ ra được.

Bầy nhạn trên không quần lại, buông lên những tiếng kêu đau xót trong lúc tên bầy chim, từ trong khóm cây, mừng rỡ chạy ra. Hắn đang tóm lưới lại. Hắn thật hài lòng về các cách đánh bầy mới lạ của hắn và trong trí hắn tưởng tượng đến một lồng nhốt đầy chim nhạn để dâng lên cho Vua hắn.

Hắn đang gom thâu gần hết lưới rồi. Chim nhạn đầu đàn sắp phải nằm gọn trong tay hắn, bị nhốt vào trong lồng để rồi ngày hôm sau biến thành thức ăn thích thú của Hoàng thượng. Trong lúc đó, thì trên không trung, một con nhạn vụt sà thấp xuống,

bay quanh chim đầu đàn, kêu lên những tiếng dài náo nức như là những tiếng khóc than. Người bầy chim giờ tay xua đuổi mà chim vẫn không chịu bay đi. Giận dữ, hắn nói:

- Tao mà có sẵn cung tên đây thì tao cho mày một phát để mày cùng chết theo bạn mày.

Lời nói hung bạo, những tia lửa căm tức, vẫn không làm cho chim nhạn kia sờn lòng. Chim cứ quần đi, quần lại bên chim đầu đàn, có lúc như muốn đâm sầm vào trong lưới và hai ba lần suýt bị người bầy chim nắm được.

Chửi rủa đã chán, tên bầy chim lui cui lần hết tay lưới. Tay hắn đã nắm được chim đầu đàn và lần gỡ chim ra. Phải như mọi lần, nó chỉ làm trong nháy mắt là xong để rồi giăng lưới lại, chờ bắt thêm con chim khác, nhưng lần này hắn không thể nhanh tay được. Hắn thấy bộ lông trắng nõn của chim đầu đàn như có cái gì quý giá vô song, nên nó giữ gìn cẩn thận từng tí. Đôi mắt chim khộng lộ vẻ gì sợ hãi mà trái lại vẫn nhìn thẳng như an nhiên tự tại.

Tên bầy chim cầm chim đầu đàn trong tay, ngồi xuống một phiến đá, bên cạnh lồng. Hắn để ý rằng từ nãy đến giờ, chim nhạn kia vẫn theo sát nó, quần quít một bên chim đầu đàn, tiếng kêu khan trông rất thảm thương. Bỗng nhiên tên bầy chim tự nghĩ: "Con chim nhạn đầu đàn đẹp đẽ, khí thế oai nghiêm này mới đáng quý làm sao. Nếu đem chim nhỏ trụi lông đi, chọc tiết để dọn cỗ cho nhà Vua mua lấy cái thú vị

ở đầu lưới, chất đầy một cái da dày thì thật là quá ồng phí. Hay ta phải thả chim lại cho trời đất!”

Nhưng liền sau đó, hẳn nhớ lại nét mặt giận dữ của Vua, trong những bữa ăn thiếu thịt chim nhạn, những lần hẳn bị quở mắng và đe dọa bị bãi chức. Không thể được! Hẳn còn phải nghĩ đến vợ con, gia đình hẳn đang sống nhờ bổng lộc của Hoàng thượng. Tên bầy chim mở nắp lồng và nhốt chim nhạn đầu đàn vào. Nhưng nó lại thấy chim nhạn kia sà ngay xuống bên lồng, hai chân bám vào hai vành tre. Chim nhạn mắt vẫn không rời chim nhạn đầu đàn, mồm cất tiếng kêu thê thảm, máu miệng trào ra, chảy thành hai vạch đỏ trên đám đông trắng dưới cổ chim.

Tên bầy chim ngừng tay lại, ngẫm nghĩ rằng: “Loài chim muông còn biết thương nhau đến nỗi quên thân mạng như thế này, ta há nhẫn tâm giết hại chúng hay sao?”

Vừa lúc đó thì chim nhạn đậu ngoài lồng buồng tiếng kêu than và se sẽ đập cánh để khỏi ngã ngất xuống đất. Tên bầy chim lồng đã quyết. Hẳn đứng dậy mở tay vừa thả chim ra. Chim đầu đàn bay thẳng lên cao cùng với chim nhạn kia, cất tiếng vui mừng như để cảm ơn rồi nhập vào đàn. Cả đàn chim quần quít lấy nhau, vỗ cánh tung bừng rồi xếp đặt lại đội ngũ, lướt nhanh về phương Nam như một đám mây trắng nổi trên vùng trời xanh.

Khi thả chim xong người bầy chim chợt thấy mình đứng trước cảnh tình khó xử. Hẳn sẽ nói thế nào để nhà Vua khỏi quở trách khi hẳn trở về với hai bàn tay không? Nếu như nhà Vua cho hẳn là một kẻ bất tài rồi nổi giận mà bãi chức thì gia đình, vợ con hẳn sẽ ra sao? Suy tính hồi lâu, hẳn chỉ thấy còn cách là trình bày hết sự thật và trông mong nhà Vua sẽ thương tình mà tha tội cho hẳn.

Hẳn lúi thủi trở về, lòng nặng một nỗi lo âu. May mắn cho hẳn, hẳn gặp đức Vua

trong khi Ngài đang dạo chơi ngoài vườn. Vua cho gọi hẳn đến, muốn xem những chim nhạn mà hẳn vừa bầy được. Lâu nay, Ngài chỉ thấy những con chim nhạn quay vàng trên đĩa bàn ăn mà thôi. Nhà Vua nhìn con chim nhạn lông trắng tuyết đầu cúi gục buồn thảm, trong chiếc lồng tre nhỏ và hỏi tên bầy chim:

- Chim nhạn kia có bộ lông trắng đẹp như thế, sao trông buồn thảm vậy!

Hẳn quỳ xuống tâu:

- Tâu Bệ hạ, đây là con chim nhạn mồi. Lông chim nhạn đều màu trắng như tuyết. Thần đã dùng nó để nhử các chim nhạn khác bay sà vào lưới để bắt chúng dâng thịt cho Bệ Hạ.

Nhà Vua nhìn đăm đăm vào bộ lông chim nhạn, vào đôi mắt u buồn của nó. Một lát, Ngài quay sang tên bầy chim.

- Ta khá khen cách bầy chim khá sâu hiểm của người. Lấy chim nhạn để giết chim nhạn. Vậy thì người đã sắp sẵn để sẽ dâng cho ta một bữa ăn tuyệt vời!

Tên bầy chim cúi đầu sát đất và run run hẳn cất tiếng thưa:

- Tâu Bệ Hạ! Hôm nay Thần bầy được con chim nhạn đầu đàn, lẽ ra phải dâng lên cho Bệ Hạ. Nhưng vì con chim nhạn khác đã không sợ chết, lẩn xả vào chim đầu đàn mà kêu than thảm thiết đến nỗi trào máu miệng ra, suýt chết ngất đi. Nghe những tiếng kêu đẫm máu, nhìn thấy cảnh tượng đau thương ấy, Thần đã mủi lòng nên đã thả chim ra. Thật là Thần đắc tội với Bệ Hạ. Cúi xin Bệ Hạ rộng lòng tha thứ.

Nhà Vua truyền đỡ tên bầy chim dậy. Vừa đứng lên, hẳn phân vân lo lắng không biết nhà Vua sẽ xử trí với hẳn như thế nào. Bỗng hẳn nghe nhà Vua phán:

- Người đã tự tiện giải quyết, như thế là phạm tội khi quân. Tuy nhiên người đã dám trình bày lại sự việc trước mặt ta, nên ta cũng vui lòng tha thứ.

Và trong khi tên bầy chim lay tạ lui ra, Nhà Vua nghĩ rằng:

“Loài chim thú mà còn biết thương yêu nhau đến quên mạng sống như vậy! Đến cả tên bầy chim mà còn xúc động để thả chúng ra. Lẽ nào, ta là một vị Vua lại không biết trải lòng thương yêu rộng rãi hơn ư!”

Nghĩ rồi, Ngài liền phát từ tâm và quay sang các cận thần. Ngài phán:

- Các khanh! Các khanh có nghe thấy không? Chim nhạn mà biết thương yêu nhau đến quên cả thân mạng, đó là một bài học cho chúng ta vậy. Riêng ta, ta muốn từ đây không sát hại đến chim nhạn. Ta sẽ không ăn thịt chim nhạn nữa.

Rồi quay phía tên bầy chim, nhà Vua nói:

- Ta khá khen cho người đã thả chim nhạn đầu đàn. Và ta còn dặn người điều này nữa, hãy từ bỏ phương pháp hiểm độc: Dùng chim nhạn để sát hại chim nhạn. Nghĩa là người hãy mở cửa lồng, thả cho chim nhạn mồi trở lại tự do. Trở về với đất trời cao rộng.

Tên bầy chim làm theo ý Vua. Mọi người cảm thấy lòng thanh thản trong khi chim nhạn cất cánh bay vút lên tận mây xanh tiếng kêu vui mừng đưa theo gió ngàn lồng lộng.

Chim nhạn đầu đàn trong câu chuyện trên là tiền nhân của Đức Phật Thích Ca, con chim nhạn đã liều chết để cứu chim đầu đàn đến nỗi đã làm lay chuyển cả lòng hung bạo của tên bầy chim, phát động từ tâm của nhà Vua trên đây, chim nhạn ấy là tiền nhân của Ngài A Nan, người đệ tử gần gũi và tin yêu nhất của Phật.

Dương Trường Giang

*“Bàn bè mấy kẻ đá vàng,
hòng khi mưa nắng lờ làng cày
nhau.*

*Khi vui thì vỗ tay vào,
đến khi hoạn nạn thì nào thấy ai.*

Sacramento, ngày 8 tháng 2, 2020

THƯ MỜI **V/v Tham dự buổi sinh hoạt Có Mặt Cho Nhau 8**

NAM MÔ BỒN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Kính bạch Chư Tôn Thiên Đức Tăng, Ni,
Kính thưa quý vị thiên hữu tri thức, quý cư sĩ, và quý đồng hương,
Kính thưa quý Huynh trưởng, Đoàn sinh GDPT và giới trẻ xa gần,
Nhằm tạo một cơ hội sinh hoạt chung để tuyên dương giáo dục, văn học nghệ thuật, văn hoá cũng như truyền lửa cho nhau, và Ra Mắt Sách 20 cuốn sách quý, một buổi sinh hoạt **CÓ MẶT CHO NHAU 8** sẽ được tổ chức tại Phòng hội Viện Việt Học, vào lúc 5:30-9:00 tối, Thứ Bảy, ngày 28 tháng 03, 2020.

Buổi sinh hoạt này gồm có các tiết mục như sau:

I. Tuyên dương:

Thể hiện sự trân quý và lòng biết ơn đối với một vài nhà văn, nhà thơ, hay tác giả của Cội Nguồn Tổ Việt Foundation và Ban tổ chức Có Mặt Cho Nhau.

II. Book Fair và Ra Mắt Sách những cuốn sách mới nhất sau đây:

1. Enlightened Emperor Trần Nhân Tông (Giác Hoàng Trần Nhân Tông). Thích Tuệ Sỹ, Lê Mạnh Thát, Thích Phước An. Cội Nguồn Tổ Việt và Lotus Media xuất bản.
2. Du Già Bồ Tát Giới - Hoà Thượng Thích Tuệ Sỹ do Hương Tích Phật Việt xuất bản.
2. Hiu Hắt Quê Hương Bến Cỏ Hồng và Đường Về Núi Cù Chua Xưa của Hòa Thượng Thích Phước An do Lotus Media xuất bản.
3. Tuệ Sỹ - Đạo Sư, Thơ và Phương Trời Một tuyển tập 2, 3. Hoà Thượng Thích Nguyên Siêu biên tập do Hương Tích Phật Việt và NXB Trung Đạo tái bản.
4. Thiền Lâm Tế Nhật Bản của Thiền sư Matsubara Taidoo do Hòa Thượng Thích Như Điển dịch. Viên Giác Tùng Thư và Lotus Media xuất bản.
5. Hương Tích - Phật Học Luân Tập I, II, III, IV, and V do Hòa Thượng Tuệ Sỹ chủ trương. Thượng tọa Thích Hạnh Viên và cộng tác viên thực hiện. Hương Tích Phật Việt xuất bản.
6. Phổ Hương Tình Thầy của Thượng Tọa Thích Từ Lực, Lotus Media xuất bản.
7. Within A Tree, There Is A Flower. Within A Rock, There Is A Flame của Thượng Tọa Thích Nguyên Tạng, Úc Châu, Lotus Media xuất bản.
8. Nghiên Cứu Triết Học Trung Quán Tập 1 của Dr. T.R.V. Murti do TT. Thích Nhuận Châu dịch, do Ananda Viet Foundation xuất bản.
9. Chánh Niệm Trong Đời Thường – Mindfulness in Everyday Life do Cư Sĩ Tâm Diệu, Nguyên Giác và Tâm Thường Định biên tập. Do Bodhi M. Foundation, Lotus Media và Ananda Viet Foundation xuất bản.
10. Đề Ngộ Tông Chỉ Phật của cư sĩ Nguyên Giác, Ananda Viet Foundation xuất bản.
11. Viết Từ Phương Xa của Nguyên Giác Phan Tấn Hải do Bodhi Media xuất bản.
12. Lời Ca Của Gã Cùng Tử của Vĩnh Hảo do Lotus Media và Bodhi M. Foundation xuất bản.
13. Tìm Hiểu Thơ Thiền Việt Nam của Như Hùng do Lotus Media và Bodhi M. Foundation xuất bản.
14. Từ Mạnh Đất Tâm của Tâm Huy Huỳnh Kim Quang do Lotus Media và Bodhi M. Foundation xuất bản.
15. Only Love Can Save Us from Climate Change, Tuyển tập Hoa Đàm 7, Lotus Media xuất bản.
16. Xuân Hoan Hỷ. Tuyển tập Hoa Đàm 10, Lotus Media xuất bản.
17. Đêm Nghe Sông Hằng Hát, Trần Trung Đạo do Lotus Media xuất bản.
18. Thơ Thời Có Dáng Em Ngồi của Ngô Văn Quý do Lotus Media xuất bản.
19. Tuệ Sỹ - Vị Thầy Của Bốn Chúng, Tâm Thường Định Bạch X. Phê do Lotus Media và Bodhi M. Foundation xuất bản lần thứ 3.
20. Thông Dong Khắp Mọi Nẻo Về, Tâm Thường Định Bạch X. Phê do Lotus Media và Bodhi M. Foundation xuất bản lần thứ 2.

3. Publishers: Giới thiệu các nhà xuất bản Phật giáo Việt Nam tại California

4. Practices: Phần thực tập Chánh niệm sẽ được xen kẽ trong chương trình.

Đồng thời giới thiệu một số sách mới của Phật giáo, ngành giáo dục và khuyến khích văn hoá đọc trong cộng đồng người Việt. Dự trữ có ~300 đầu sách.

Thành kính cung thỉnh Chư Tôn Thiền Đức Tăng Ni và trân trọng kính mời chư thiện tri thức, quý vị cư sĩ, và đồng hương; quý Huynh trưởng và Đoàn sinh Gia Đình Phật Tử cùng các bạn trẻ hoan hỷ dành ít thì giờ đến để **CÓ MẶT CHO NHAU 8**.

Sự hiện diện của quý Thầy Cô và quý vị là động lực lớn, là đạo tình đầm ấm, và là tấm lòng quý giá trên đời dành cho nhau. Mọi sự liên lạc, ủng hộ hay đóng góp xây dựng, xin email về Htr. tamthuongdinh@gmail.com. Cell: (916)-607-4066 hoặc Htr. Tâm Định: (619) 488-7279. Nếu ủng hộ tịnh tài để mua sách, xin Venmo @PheBach hoặc PayPal @tamthuongdinh.

Trân trọng kính cung thỉnh và kính mời.
Thay mặt Ban Tổ Chức
Htr. Tâm Thường Định - Bạch Xuân Phê
Htr. Tâm Định - Nguyễn Xuân Hiệp

Chương trình này có sự bảo trợ và giúp đỡ của:

1. Chùa Kim Quang; Chùa Phổ Từ; Chùa Thiên Trúc,
2. BHD GDPT Hoa Kỳ và Ban Hướng Dẫn Miền Quảng Đức
3. Việt Báo, Thư Viện Hoa Sen, Ananda Viet Foundation
4. Bodhi Media, Asian World Media, Liên Phật Hội
5. Cội Nguồn Tổ Việt Foundation, Nguyệt Sản Chánh Pháp
6. Bodhi M. Foundation, Thao Bach Foundation
7. Simplified Builders, C. Mindfulness LLC

VÀI HÌNH ẢNH BUỔI SINH HOẠT "CÓ MẶT CHO NHAU" 2, BẮC CALIFORNIA:



CÓ NGỜ

445

Biết rằng còn có mai sau
Thì nay lỡ kiếp dài dầu thể thôi
Đã từng vô tận luân hồi
Làm sao em nhớ những lời tôi trao

449

Sóng tâm còn mãi dạt dào
Trong ngoài châu quận phương nào cũng say
Sá chi em chuyện tháng ngày
Chút tình cho gió mây bay trắng trời

453

Từ em đôi mắt biếc ngời
Khi không chợt hiểu những lời vô ngôn
Một vòng quang hiện trong hồn
Một vùng hoa nở giữa con đường trần

457

Một lần ta lại thanh tân
Một lần thôi nhẹ một lần thể thôi
Mai kia về lại lưng đồi
Nằm dài trên cỏ on đời đã xong

461

Bấy giờ mình lại thong dong
Mặc tình vui ở ngoài vòng trần lao
Mùa xuân trảy hội hoa đào
Gặp người ân sĩ năm nào rao hoa

465

Rõ ràng chẳng có đâu xa
Ba ngàn thế giới cũng là tại tâm
Cái vui hỷ duyệt ngủ ngâm
Chợt nhiên lan tỏa đêm rằm trăng thanh

469

Rằng đây giữa Hạc Hoa thành
Tịnh tâm một cõi an lành biết bao
Ngân hà đồng vọng sóng xao
Khúc trường ca ấy làm nao nao lòng

473

Em còn nghi vấn gì không
Mùa xuân vĩnh viễn ở trong đất trời
Từ em hoa hiện dáng người
Tôi tay du tử về chơi tình cờ



thơ

TIÊU LỤC

GÌ KHÔNG



477

*Nội trong khoảng khắc canh giờ
Mà hồn hoa mộng chưa hề nhạt phai
Đi qua tháng rộng ngày dài
Mang theo tâm tưởng hình hài dáng hoa*

481

*Vượt ngoài cương phận quốc gia
Chân trời góc bể từng xa ngút ngàn
Lập nên một cõi hoa vàng
Ngày phù dung nở đêm tàn quỳnh hương*

485

*Hạ về rục rờ hoa dương
Thu qua lá đỏ ngập vườn bướm bay
Đông thời biêng biếc nghệ tây
Xuân sang hoa nở mình say bốn mùa*

489

*Này em biết mấy cho vừa
Thấy hoa cũng thế mình chưa hề lìa
Lòng người nặng nhẹ phân chia
Dòng đời nghiệt ngã nợ kia rạch rời*

493

*Thương em thân phận lạc loài
Vì chưng chẳng thuận thời đời vẫn theo
Rằng thân du tử bọt bèo
Làm sao dám tính chuyện đèo bông đây*

497

*Tự do quen với tháng ngày
Thì thôi em nhé kiếp này không duyên
Thương em rất mực dịu hiền
Trăm năm này phút hiện tiền dáng hoa*

501

*Mai kia sẽ sớm lìa xa
Xác này hoá nấm phù sa mỡ màng
Bón xanh cây cỏ địa đàng
Hóa thân vào đóa hoa vàng phi phong*

505

*Diệu kỳ nguồn cội phương Đông
Lung linh huyền sử nổi giòng xưa nay
Nghìn năm mây trắng còn bay
Khúc trường ca ấy còn say lòng người*

THẦN PHONG

Chuyện Đời chuyện Đạo

TIÊU LỤC THẦN PHONG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Mùa hè năm nay thành Át Lãng nóng như đổ lửa. Không chỉ ở thành Át Lãng mà hình như cả xứ này. Cali cũng nóng, Texas lại nóng hơn. Thậm chí Alaska xứ sở của băng tuyết ấy vậy là cũng lên đến chín mươi... Cờ Hoa nóng, châu Âu cũng nóng, Pháp, Đan Mạch, Hà Lan... dân chúng kêu trời như bộng, cả ngàn người chết vì nóng. Cổ quận mình thì khô phải nói rồi, nóng triền miên, nóng kinh niên, nóng dài lâu... Vì xứ sở nhiệt đới mà! Nhưng có điều quái lạ ở xứ mình là: đồng bằng, miền biển thì nóng, hạn hán mà miền trung du, miền núi cao lại lũ lụt, ngập nặng ngập sâu: Đà Lạt, Đắc Lắc, cao nguyên Trung Phần...

Khí hậu thay đổi, nhiệt độ tăng... ấy là tự nhiên nhưng cũng do sự góp tay của con người, nào là: hiệu ứng nhà kính, phá rừng, xả thải công nghiệp, phát triển nóng như Tàu, Cam Bốt, Việt... Thiên nhiên nóng, xã hội cũng nóng không kém, nóng hừng hực đang chờ chực bốc cháy. Hồng Kông như chảo lửa suốt hai tháng nay. Hồng Kông thừa hưởng nền kinh tế phát triển cao, nền dân chủ pháp trị và tự do của người Anh xây dựng. Hôm nay Hồng Kông đang đối đầu với sự cai trị tàn bạo của chế độ độc tài. Người Hồng Kông đang đấu tranh cho chính họ và tương lai con em của họ. Cuộc đấu xem ra không cân sức, sức mạnh tàn bạo của bạo quyền làm le nghiêng nát họ như đã từng làm ở Thiên An Môn, thật sự không biết ngày mai ra sao? Sức nóng Hồng Kông đang làm cho cả thế giới nín thở quan tâm. Người Đài

Loan, người Ma Cao đang lo sốt vó. Người Hồi Tân Cương, người Tây Tạng... mấy mươi năm nay rên siết dưới sự chiếm đóng cai trị tàn bạo của bọn độc tài, của chủ nghĩa bành trướng đại Hán. Sức nóng ngày càng tăng, không có một dấu hiệu nào, dù nhỏ nhoi để cho thấy sự hạ nhiệt. Biển Đông của xứ mình cũng thế, nóng bỏng hàng ngày. Giặc Tàu tham lam, từ ngàn xưa đến giờ chưa từng từ bỏ mộng xâm lăng. Trên đất liền thì lấn chiếm, xà xẻo đất đai, lập đặc khu, lũng đoạn kinh tế-xã hội. Ngoài biển cả thì dùng tàu quân sự, tàu cá trá hình, tàu thăm dò địa chất... đóng kín mặt biển Đông. Hoàng Sa - Trường sa mất, Gạc Ma mất, nay đến bãi Tư Chính... Người ta chỉ đóng cửa la oai oái: phản đối, cực lực phản đối thể thôi; khá hơn chút nữa phát cờ cho ngư dân đi ra biển.

Danh từ nhân dân chưa bao giờ bị lạm dụng kinh khủng như hôm nay! Tiên lãng, Cồn Dầu, Thủ Thiêm... chỉ là những vụ trong vô số vụ, dân tình o ép vào bước đường cùng. Ai cũng muốn yên ổn sinh sống làm ăn nhưng nay cưỡng chế, mai qui hoạch, nhà cửa mất, ruộng vườn mất... khi không mà bao nhiêu người màn trời chiếu đất, thử ai ai chịu cho thấu? Bởi thế mà có câu: "Hà chính ư mãnh hổ." Tích của nó vốn như thế này, khi Khổng Tử dẫn đám học trò đi du sơn ngoạn thủy, ngày kia đến một túp lều dưới chân núi thì trời đã về chiều. Chợt nghe có tiếng thiếu phụ khóc tí ti. Khổng Tử hỏi thăm định an ủi thì bà ấy nói: "Năm kia cha chồng bị hổ vồ, năm rồi chồng bị hổ tha, năm nay thằng con bị hổ chụp... Tôi đau như đứt từng khúc ruột!" Khổng Tử lại hỏi: "Sao bà không dời nhà vào làng mà sống?" Bà ấy bảo: "Không được đâu! Ở đây tuy hổ



(trích từ câu thơ 445 - 505, trường ca Cổ Ngạc Gi Không)

dữ nhưng còn sống nổi, vào làng chịu không thấu quan lại cường hào." Khổng Tử ngậm ngùi mới dạy học trò: "Các con thấy đấy: Hà chính ư mãnh hổ." Tạm dịch rằng: Nền chính trị hà khắc còn đáng sợ hơn cả hổ dữ!

Thế giới hôm nay vào thời hắc ám, các nhà độc tài, các tay cực hữu, những chính phủ dân túy, dân tộc chủ nghĩa... đang ngày ngày gây thêm những xung đột, kích động những cuộc xung đột cho thêm khốc liệt, mục đích cũng vì tự tư tự lợi, vì ích kỷ nhỏ nhen. Châu Âu, Bắc Phi, Trung Đông, Nam Á và ngay cả Bắc Mỹ này!

Đời đã thế, đạo cũng có vô số chuyện đáng buồn. Đạo từ đời mà ra, đời nhờ đạo mà thăng hoa. Ngạn ngữ có câu: "Thanh xuất ư lam nhi trắng ư lam." Tạm dịch là: màu xanh tuyệt diệu hơn màu lam. Đạo từ đời mà ra nhưng đạo cao cả hơn, lo cho phần tâm trí, đạo đức của con người; hướng dẫn con người vào con đường lương thiện, cao cả... Nhà bác học Einstein từng nói: Khoa học mà không có tôn giáo thì dễ đi vào bại hoại và tàn độc (đại ý là như thế chứ không phải nguyên văn câu nói). Quả thật không sai, hôm nay con người đang đẩy đời vào con đường nguy hiểm và tàn độc. Khoa học quá tân tiến, chế ra bomb A, bomb H, vũ khí tia X, vũ khí hoá học... có thể giết cả triệu người trong chớp mắt, hủy hoại một thành phố trong giây lát. Khoa học đang nhân danh con người nhưng lại làm hại con người một cách kinh khủng nhất: sửa gene, nhân bản vô tính (cloning)... Khoa học đang dùng những phương pháp tàn bạo thử nghiệm trên động vật như: nhỏ acid lên mắt con vật, tạo vết thương trên con vật... để tìm ra thuốc cho con người; dùng những con vật vô tội để thử nghiệm hoá chất mới, mỹ phẩm cho con người. Khoa học tàn độc này quả thật không thể chấp nhận được! Khoa học rời xa tôn giáo, đạo đức thì như thế

đó. Đời vào sâu thời hắc ám, đạo cũng đang lúc mặt pháp những hiện tượng quái gở ngày càng nhiều và lan tràn khắp mọi nơi. Tăng sĩ ngày càng phá bỏ giới luật, sống hưởng thụ nhưng dùng chiêu bài "phương tiện" để biện hộ. Những chế độ độc tài cai cầm người vào tôn giáo để sai xử theo ý của mình, cũng có không ít những tăng sĩ bán mình, bán cả linh hồn để phục vụ cho thế tục. Những ông tăng ngày đêm trầy hội bốn phương, tiệc tùng đình đám, vào ra oai vệ với bao nhiêu mặt vụ đốn đưa... Chùa chiền thành những nơi cúng đám, cầu siêu, xin xăm, giải hạn, cúng sao, trục vong... Những ngôi chùa ngàn tỉ, đồ sộ như cố cung Bắc Kinh. Trong ngoài chưng toàn tượng Tàu, pháp khí Tàu, sư tử Tàu... Khách du lịch kéo về nườm nượp để làm gì? để chụp hình khoe trên mạng xã hội, để cầu duyên, cầu tài, cầu thăng quan, cầu danh vọng hanh thông... Những nhà tu hành chân chính, có sở học, sở hành, có đạo tâm, có đức hạnh... bị đẩy lùi vào vùng khuất!

Đạo Phật dạy cái thân này là huyền, dạy con người phải xả bỏ cái "tôi" nhưng những tăng sĩ dễ dãi, danh văn lợi dưỡng đang ngày đêm nuôi cái "Tôi" cho lớn thêm. Hình tướng, hành xử thật khác xa với những bậc chân tu. Có những vị lơ là chuyện quán xét, lơ lửng giới luật... làm cho hàng Phật tử hoang mang và nhiều người mất cả niềm tin.

Thành Ất Lăng, mùa hạ năm nay nóng lắm. Khí hậu nóng, chuyện đời nóng, chuyện đạo cũng nóng luôn! Lòng người cũng nóng theo, nằm nghe nhạc Vàng thuở trước: "...Mùa hạ năm nay, anh sẽ đưa em về phố chợ..." hoặc như: "...Mùa hạ ơi! Anh xa em mấy mùa hạ rồi, mà lòng vẫn thương vẫn nhớ..." Những khúc ca mấy mươi năm trước sao nghe hoài vẫn hay, vẫn không chán. Ca từ

đơn giản, rõ nghĩa, trong sáng, nội dung rất nhân văn, đầy tình tự với quê hương, đất nước, con người... Có một thời nhạc Vàng bị cấm, ai cất giữ, ca hát... sẽ bị tù như chơi, những tưởng bạo lực bóp nó chết nhưng nào ngờ vẫn âm ỉ sống. Hôm nay thì nó sống lại còn mạnh, còn khoẻ hơn nữa. Những người cấm nó cũng mê nó luôn! Thế mới biết sức mạnh của văn hoá, chữ nghĩa. Cũng nhờ văn hoá riêng biệt mà mình không bị đồng hoá thành Hán, mặc dù Tàu cai trị cả ngàn năm. Bách Việt thời sơ sử giờ chỉ còn có mỗi Lạc Việt, tức giòng Việt ta hôm nay!

Nhà Phật bảo thời gian không thật, không gian không thật, tất cả từ vọng niệm mà ra. Bởi thế mới có câu:

*Thập phương hư không
bất ly đương xứ*

*Cổ kim tam thế bất ly
đương niệm*

Ngay tại phút giây này, ngay tại chỗ này! các pháp sanh diệt, các tướng biến chuyển... Nó như mộng huyền, bào ảnh, như lộ, như điện... Nên thế gian này cũng biến chuyển sanh diệt không ngừng, thịnh - suy quay vòng bất tận. Nền văn minh của nhân loại cũng từng nhiều lần phát triển rực rỡ và lụi tàn. Nền dân chủ của Hy Lạp, La Mã cổ đại cũng từng bị suy tàn để cho đêm trường nghìn năm trung cổ phủ khắp châu Âu. Nhiều chế độ độc tài, gia đình trị... khắp Á, Phi, Trung Cận Đông, Á Rập... cũng từng sụp đổ, cách mạng Hoa Lài, cách mạng màu, mùa xuân Á Rập... truyền cảm hứng cho thế gian này. Thế sự chuyển biến trong từng phút giây, không có cái gì để gọi là đời đời, muôn năm cả! Ấy là sự hoang tưởng của những chế độ độc tài toàn trị.

Thế giới hôm nay, mọi người, mọi quốc gia liên kết với nhau như một mạng lưới, tất cả phụ thuộc lẫn nhau. Chưa bao giờ mà hoàn cảnh thực tế nó chứng minh cho cái nguyên lý "Duyên Sinh" một cách đầy sức thuyết phục như thế! Hễ cái này sinh thì cái kia sinh, cái này diệt thì cái kia

diệt, cái này có thì cái kia có, cái này không thì cái kia cũng không. Tất cả các nền kinh tế phụ thuộc lẫn nhau, các mạng xã hội nối kết con người toàn cầu lại với nhau. Chỉ một sự kiện nhỏ bên này thế giới cũng có thể làm chấn động bên kia địa cầu. Điều này ngày xưa kinh điển cũng như văn chương từng ví: "Cánh bướm bên này đập nhẹ cũng làm dậy sóng, nổi bão tố bên kia". Ngày xưa nền văn minh nông nghiệp, các quốc gia, thậm chí nhỏ như một trấn, một ấp... cũng có thể độc lập, đóng cửa sống một mình, tự cung tự cấp... chẳng lệ thuộc gì bên ngoài. Ngày nay kinh tế mở, kỹ thuật điện toán cao, không một quốc gia nào có thể đóng cửa tự sống một mình được! Khoa học kỹ thuật càng phát triển, con người càng cần tôn giáo hơn hết, khoa học không thể chữa nỗi đau của tâm hồn. Các tôn giáo, phần nhiều đều chỉ dạy con người yêu thương nhau, sống hoà bình với nhau, tương trợ nhau... (Tuy nhiên cũng có những ông đạo diễn giải sai lệch nhằm mục đích biến tôn giáo thành công cụ để lợi dụng, chẳng hạn ISIS giải thích việc giết người, khủng bố để được lên thiên đàng...) Khoa học kỹ thuật chỉ lo cho phần xác thân, tạo điều kiện tiện lợi tối đa cho thân. Còn tôn giáo hướng dẫn cho tâm linh của con người. Nhà Phật không có gọi là linh hồn, chỉ gọi là danh, là tâm (thọ, tướng, hành, thức). Nhà Phật quan niệm rằng: tất cả không ngoài một niệm tâm. "Nhất thiết duy tâm tạo" kia mà! Tâm an thì thân mới lạc, tâm bình thì thế giới mới hòa. Có những người giàu có vô cùng, địa vị cao ngất ngưỡng nhưng tâm không an nên vẫn khổ như thường. Có những ông thầy tu, cái gì cũng chẳng có, chỉ có ba y và một bát ấy vậy mà tâm an thân lạc quả chừng! Nhà Phật luôn dạy mình biết đủ, biết tiết chế sự ham muốn vì nó là nguồn gốc của khổ, dính mắc, bất an, càng ham muốn thì càng khổ và bất an. Con người biết đủ là người hạnh phúc. Người biết đủ thì xã hội này sẽ an ổn, thiên nhiên này đỡ bớt sự hư hoại.

Đời và đạo song hành với nhau, bổ sung cho nhau, cũng giống như thân và tâm, không thể nào có cái này mà không có cái kia. Đạo từ đời mà ra, đời nhờ đạo mà thăng hoa. Có những gã du tử sống giữa đời mà mơ về đạo, con đường đạo tuy là đi ngược dòng đời nhưng chẳng vì thế mà xa rời đời. Đời không thể thiếu đạo và đạo cũng không thể thiếu đời là vậy.

Tri âm

PHAN QUỲNH TRÂM

Ra quán cà phê, ông mang theo 10 tập thơ vừa mới in xong. Ông tặng cho mỗi người bạn một cuốn. Mọi người cảm ơn, nhìn bìa trước và bìa sau, khen sách in đẹp, rồi đặt xuống bàn. Có hai người bạn mở túi xách ra, lấy hai tập thơ họ mới xuất bản, tặng lại ông. Một trong hai người cười, đùa: "Như vậy là huê nhé!" Ông nhận hai tập thơ, cảm ơn, rồi đặt xuống bàn. Ông chờ mọi người mở tập thơ của ông ra và đọc. Nhưng không ai làm vậy cả, làm ông hơi thất vọng. Ông nói về một số điều ông tâm đắc khi sáng tác như một gợi ý cho những ai muốn đi vào thế giới thơ của ông. Nhưng không ai chịu nghe. Họ cứ chuyện đề tài sang những chuyện phiếm rồi cười ha ha. mấy lần đều như thế. Ông chán nản. Ông biết, về nhà, chưa chắc đã có ai đọc tập thơ ông vừa tặng. Ông chợt thấy buồn. Ông chỉ hy vọng trong số các tập thơ được lưu giữ trong nhà họ, sau này, sẽ gặp được một vài tri âm. Đâu đó.



Núi xanh mây hồng

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

CHƯƠNG BA

Để chờ vé xe vào Sài Gòn, tôi phải từ Hội An ra Đà Nẵng, ở lại hai ngày nơi một tịnh xá của các sư khất sĩ. Ở đây chỉ có hai nhà sư. Một trong hai vị rất thích thơ và làm thơ hay. Tôi đã được Tửu đọc cho nghe nhiều bài thơ của nhà sư ấy.

Tôi cũng được Tửu giới thiệu đến đây bằng một lá thư. Trong thư có đề cập đến tôi như một nhà thơ trẻ. Vì có đọc qua lá thư, tôi thấy tức cười và ái ngại quá đỗi. Cuối cùng, tôi chỉ gặp vị sư trưởng ở đây (vị sư sính thơ) và tự giới thiệu bằng miệng chứ không đưa thư của Tửu. Sư rất hoạt bát, dễ dãi. Tôi chưa kịp nghĩ ngợi thì đã được sư đọc cho nghe luôn một hơi tám bài thơ dài của sư sáng tác. Vừa đọc, sư vừa bình phẩm. Tôi chỉ biết im lặng và gật gù, rồi thầm nghĩ: "Hay thì hay thật là hay, mà sao nghe chán như ngày lại đêm!" Sư hỏi tôi thấy thế nào về bài thơ của sư. Tôi

nói: "Tuyệt!" Nhưng lời vừa buông đã thấy ngượng miệng vì mình không thực lòng. Và lại, quả thực là tôi không đủ tinh táo để thưởng thức sau một chặng đường dài từ Hội An ra Đà Nẵng rồi từ bến xe Đà Nẵng cuốc bộ gần một tiếng đồng hồ để tìm cho ra chỗ ở của sư. Hơn nữa, tôi không mấy thích những người vừa đọc vừa bình phẩm thơ của chính họ (dĩ nhiên là họ thường khen hay). Sự niềm nở của nhà sư tuôn ra cùng lúc với lời bình phẩm thao thao bất tuyệt làm tôi cảm thấy sượng sùng thay cho ông. Khoe thơ với một người lạ mà mình chưa biết rõ tâm tình của họ thế nào là điều tôi không thể làm được.

Tuy nhiên, vào giờ chót, khi tôi sắp sửa rời tịnh xá để ra bến xe, một thoáng duyên thơ được khơi dậy. Lúc ấy, nhà sư đang chèo thuyền ngoài rọc rau muống, mảnh y vàng phản chiếu dưới nước và nổi bật lên nền trời xanh biếc

cuồn cuộn những cụm mây trắng, pha lẫn với màu xanh lục của đám rau muống và lục bình sau lưng ông tạo nên một bức tranh với nhiều cảm tưởng đẹp trong tôi. Tôi hứng cảm chép ngay một bài thơ ngắn để tặng nhà sư:

"Lá lục, áo vàng vào cuộc chơi

Trời xanh, mây trắng vượt xa đời

Thuyền xuôi ao tạnh lòng ngưng lại

Bắt giác càn khôn động tiếng cười."

Tôi âm thầm đặt bài thơ lên kệ sách của sư rồi lên đường. Bước ra khỏi tịnh xá, tôi mới nhớ ra rằng mình đã sống hai ngày hai đêm nơi đây như một người cầm.

Chiều, xe vào tới Đại Lãnh thì tông chết một anh bộ đội. Cả xe phải bị giữ lại. Nhắm vào lúc chập choạng tối, lại xa nơi có dân cư, công an không làm việc, chuyển xe

phải nghỉ đêm tại nơi xảy ra án mạng để chờ chính quyền địa phương gần nhất đến giải quyết.

Mọi người kéo nhau tìm mua thức ăn ở một xóm nhỏ cách đó khoảng hai cây số. Đó là điều cần thiết của đời sống. Từ khi xuất gia, tôi chỉ có thể ăn uống ở trong chùa chứ không thể ở bất cứ nơi nào khác. Trên hai chuyến tàu từ Nha Trang ra tới Đà Nẵng, tôi đã nhất định nhịn đói, nhịn khát (một phần vì không muốn biểu lộ cái bản năng sinh tồn không mấy hay ho của mình trước đám đông; một phần, vì không muốn thức ăn thức uống thúc bách mình đi... về sinh-cái điều khổ sở nhất của một tu sĩ khi ra khỏi chùa). Do đó, khi mọi người láo nháo tìm ăn, tôi ngồi lại trên xe, lắng nghe tiếng gió biển thổi vào bờ. Cả một rừng dương lao xao dưới ánh trăng mờ nhạt. Bên kia đường là hai chiếc xe cam-nhông chở đầy bộ đội mà từ đó nạn nhân đã nhảy xuống để đi vào cõi chết một cách vô duyên.

Trước mũi xe là ánh lửa bập bùng được thả bằng dầu thò, đặt bên cạnh xác chết. Xác chết được đắp hờ một manh chiếu cũ. Càng về khuya, xe qua đường càng vắng. Những người đi ăn lác đác trở về. Vài tiếng xuyết xoa thương xót cho nạn nhân (như thể có ăn rồi thì tình thương mới đầy được trong bụng). Sau đó, không ai màng đến kẻ xấu nữa. Có tiếng nhai thức ăn, tiếng một đứa trẻ khóc dai đòi quà, tiếng một chàng trai chọc ghẹo tán tỉnh một thiếu nữ. Chết cũng là một cái gì bình thường thôi. Người ta xuống về đường tìm chỗ ngủ xa xác chết. Một số người ngủ gà ngủ gật trên xe. Xác người nằm co, trơ trọi bên ánh lửa. Mấy chục chiến hữu của người chết còn ngồi lại trên xe, đang lo ăn uống và ngủ ngời trên đó. Họ bị cấm rời khỏi xe (tôi nghe những người chung quanh nói như vậy) để tránh trường hợp có kẻ muốn đảo ngũ. Hình như họ mới biết

nhau, chưa có tình thâm giao. Hình như họ miễn cưỡng nhập ngũ nhưng vội vã lên xe để thi hành nghĩa vụ, chưa đủ thời giờ để kết thành bạn hữu. Một năm trước đây, nếu không có "lý lịch xấu" (gia đình có cha và anh làm việc cho chính quyền Quốc gia) tôi cũng đã trở thành một anh bộ đội cầm súng ngồi trên những chiếc xe như vậy. Và biết đâu tôi cũng là một anh bộ đội bất bình đảo ngũ, nhảy xuống xe và hóa kiếp bên vệ đường như xác người hôm nay.

Ngoài tiếng reo vi vút của những hàng dương và tiếng sóng biển gần đây vọng lại, tất cả đều im vắng. Tôi cơ hồ nghe được tiếng lửa nói chuyện với xác người nằm đó. Một nỗi buồn mệnh mang kéo căng tâm hồn tôi ra như một cánh buồm no gió. Nếu có một người thân, một người bạn nằm xuống một cách thảm thương như vậy thì hẳn là buồn lắm. Tôi bước xuống xe, đến cạnh xác chết đọc thầm một lời cầu nguyện. Và khi tôi quay đi, một cái gì thật thê lương, buồn chán, bỗng trùm xuống cả tâm hồn. Cùng lúc, tôi cảm nhận cuộc đời như những giọt sương long mai. Những giọt sương long lạnh ảo diệu và thật đáng thích, nhưng chúng sẽ phai tàn đi trong khoảnh khắc, dù người ta có mong đợi hay không.

Tài xế bị câu lưu. Hành khách được một tài phụ tạm thời đưa về bến xe Nha Trang để chuyển sang xe khác, tiếp tục hành trình vào Sài Gòn. Tôi không ngờ mình lại có duyên nợ keo sơn với Nha Trang như thế. Xuống bến xe Nha Trang, tôi do dự không biết phải đi đâu. Tôi không thích trở về nhà hay trở về chùa lúc này, vì đó là điều tôi không sao chịu nổi. Tôi đương cần tự do. Tôi không cho phép mình trở về, mặc dù qua hai ngày hai đêm nhịn đói và mất ngủ, tôi rất thèm được yên nghỉ. Hơn nữa, đã bỏ Nha Trang hơn một tháng, chắc chắn tôi đã bị công an địa phương cắt hộ khẩu và trở



thành một kẻ bất hợp pháp của xã hội rồi. Tôi không còn tư cách pháp lý để trở về chùa hay về nhà một cách công khai được nữa.

Tôi đứng mãi ở một góc đường, bản khoăn tự tìm cho mình một quyết định. Cuối cùng, tôi bước đi. Tôi cũng không hiểu rõ là mình đã quyết định gì chưa. Có lẽ vì thấy rằng không thể đứng mãi một chỗ để gây sự chú ý của kẻ khác mà tôi cất bước cũng nên. Tôi men theo các con đường vắng người và ít điện đường để xuống bãi biển. May mà trên đường đi tôi không gặp một người quen nào vì gặp thì phiền hết sức. Một kẻ đi hoang mà cho người ta thấy hình tung của hẳn lẫn quần nơi chốn hẳn từ bỏ thì quả thật là chẳng hay ho gì. Lúc đó tôi cảm thấy vậy.

Tôi bước xuống bãi. Trăng chưa mọc. Biển đen như màn đêm. Tôi chỉ có thể nhìn thấy một cách lơ mờ những đợt sóng vỗ vào bờ làm tung lên những bọt nước trắng xóa. Chung quanh rất ít người. Tôi nằm xuống thật thoải mái trên cát. Những ngôi sao điểm bạc trên nền trời đen kịt. Tiếng gió reo và sóng vỗ quả là bản hòa âm bất tuyệt và kỳ tuyệt mà tôi vẫn say mê từ thuở bé. Tôi thiếp đi trong một lúc êm đềm không mộng mị.

Khi tôi bừng tỉnh thì trăng

vẫn còn đây, vẫn đi theo tôi không rời phút giây. Trăng như một người bạn đời chung tình một cách lặng lẽ và tế nhị nhất của tôi. Tôi cảm thấy vui và được an ủi khi nghĩ vậy. Tôi không là một lữ hành cô đơn. Dù cho tôi có ngủ thiếp đi, có quên đi tất cả thì trăng vẫn còn đây.

Với tấm cà sa đắp làm chăn, tôi nằm duỗi thẳng người và tự thưởng mình một nụ cười thật tươi, tràn trề hạnh phúc. Hạnh phúc không những vì được nằm nghỉ sau nhiều giờ mệt nhọc mà còn ở chỗ đời sống không nhà thật là nhẹ nhàng, đơn giản. Trong tôi bây giờ không còn chút lo âu phiền muộn nào cả.

Tôi nhìn trăng qua nhánh lá me vắt ngang chỗ nằm. Có lúc tôi tưởng chừng như trăng đang chườn xuống với tôi qua nhánh me. Cũng có lúc trăng như một thứ trái cây gì đó treo lủng lẳng trên cành. Và cũng có lúc trăng như một bóng đèn treo lơ lửng giữa màn trời huyền ảo, soi sáng cho thế giới riêng tôi. Có một vị thiền sư chỉ có duy nhất một bộ đồ che thân. Khi ông giặt đồ và phơi nó bên bờ suối thì bị kẻ trộm lên đánh cắp. Trần trường như nhộng, ông ngồi trên núi ngắm trăng mà ngâm nga rằng: "Anh cố thể tước đoạt của ta mọi thứ, nhưng anh không thể cướp được con trăng của ta đâu." Tôi cũng có một con trăng vô giá chẳng ai có thể chiếm đoạt. Tôi mỉm cười và chợt nghĩ đến những căn phòng có đèn ngủ của thiên hạ. Có ai có được một chiếc đèn ngủ đẹp nên thơ và kỳ diệu như chiếc đèn ngủ trên cành me của tôi không nhỉ?

(đón đọc Chương 4)

THƠ CHỈ LÀ THƠ...

*Thơ cũng chỉ là thơ, đời đã dở
Hạt mực buồn thấm cạn cả hồn ai
Trang thơ nào em viết tặng về anh
Xin hãy cất lặng im vào dĩ vãng*

*Em không tiếc vì tình ta đã lỡ
Chỉ thấy buồn khi để nước trôi đi
Con mưa nào mang đến một tình yêu
Con mưa cuối xóa tan thành dĩ vãng*

*Thơ cũng chỉ là thơ, tình tan vỡ
Anh quay về với yên ấm ngày xưa
Chỉ còn đây lớp bụi của miền Tây
Vương lên áo, dâng tràn nên kí ức*

*Em lặng lẽ lấp chôn niềm thương nhớ
Đóng lại khung trời tuổi mộng đôi mươi
Có cất giữ những gì ta đã có
Thành yêu thương trong khoảng lặng muôn đời...*

thơ NGUYỄN HẬU

